



Chủ nhiệm: HT. Thích Nguyên Trí
Trị sự: ĐĐ. Thích Huệ Cảnh
Thư ký: ĐĐ. Thích Đồng Thiện
Thủ quỹ: Ni sư Thích Diệu Tánh
Chủ bút: Vĩnh Hào

Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: Tâm Quang
Hình bìa: Ái Lan Công Tăng Tôn Nữ

LIÊN LẠC:

• Bài vở: baivochanhphap@gmail.com

• Quảng cáo/Phát hành:
(714) 638-0989

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai học hỏi và thực hành đúng đắn. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đứng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp mầu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

Nguyệt san Chánh Pháp là báo biểu, không trả nhuận bút cho bài vở gửi đăng. Quý văn thi hữu nào muốn có nhuận bút xin ghi rõ "có nhuận bút" và địa chỉ liên lạc để tòa soạn quyết định. Bài gửi đăng xin đánh máy sẵn và gửi bằng electronic file qua email: baivochanhphap@gmail.com.

Trân trọng cảm ơn.

Chi phiếu ủng hộ xin ghi:
CHANH PHÁP
11502 Daniel Ave.
Garden Grove, CA 92840

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- ◆ **THƯ TÒA SOẠN**, trang 2
- ◆ **TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI** (Diệu Âm lược dịch), trang 3
- ◆ **THÉ THÁI NHÂN TÌNH** (thơ ĐNT Tín Nghĩa) - **NGÂM SUY** (thơ Tánh Thiện), trang 8
- ◆ **NỘI DUNG KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA**, t.t. (HT. Thích Thắng Hoan), trang 9
- ◆ **VĂN MỘT TRỜI QUÊ** (thơ Mặc Phương Tử), trang 11
- ◆ **PHÁP BÁT NHỊ** (Thích Nguyên Hạnh dịch), trang 12
- ◆ **THÔNG điệp CỦA MỘT Đóa HOA** (thơ Hạnh Chi), trang 16
- ◆ **VƯỢT QUA MƯỜI HAI XỨ** (Nguyên Giác), trang 18
- ◆ **HÒA THƯỢNG HEO** (thơ TM Ngô Tăng Giáo), trang 20
- ◆ **THỰC HIỆN LÒNG TỬ** (Cư sĩ Liên Hoa dịch), trang 22
- ◆ **TÂM XUÂN** (thơ Tuệ Nha), trang 23
- ◆ **BÁT CHƯỚC THẦY** (TN. Như Thủy), trang 24
- ◆ **ĐƯỜNG XƯA** (thơ Khánh Năng), trang 25
- ◆ **VỀ PHƯƠNG ĐÔNG** (TN. Huệ Trân), trang 26
- ◆ **VĂN MỘT CẢNH MAI** (Phùng Quân), trang 28
- ◆ **THÉ GIỚI TRONG TA** (Nguyên Minh), trang 29
- ◆ **MỪNG XUÂN KỶ HỢI, GIẢI THOÁT** (thơ Nguyễn Ngộ), trang 31
- ◆ **TRĂNG HOA BONG BÓNG – Câu Chuyện Dưới Cờ** (Nhóm Áo Lam), tr. 32
- ◆ **NGƯỜI ĐƯỢC CA NGỢI – Lá Thư Đầu Tuần** (Nguyên Từ Nguyễn Đức Thương), trang 33
- ◆ **CUỘC THƠ, GIỮA NGÀN KHƠI XA** (thơ Tâm Nhiên), trang 34
- ◆ **LÝ HỌC VÀ PHẬT GIÁO**, t.t. (Nguyễn Lang), trang 35
- ◆ **PHÚC TRÂM** (thơ Hoàng Xuân Sơn), tr. 37
- ◆ **NGƯỜI ĐÃ XA RỜI** (TN. Giới Định), tr. 38
- ◆ **TÓC ÍT TÓC NHIỀU** (Bs. Nguyễn Ý Đức), trang 48
- ◆ **LỘC XUÂN** (thơ Nguyễn Trọng Đồng), trang 49
- ◆ **PHẬT TỬ TÂY BAN NHA** (Phan Tấn Hải), trang 50
- ◆ **HOA NỮ ĐÌNH HOANG** (Tâm Không – Vĩnh Hữu), trang 52
- ◆ **STORIES OF A SWINE-PETA** (Daw Mya Tin), trang 56
- ◆ **NẤU CHAY: BÁNH CHỪNG** (Chân Thiện Mỹ), trang 57
- ◆ **CON MA Ở RÁP HÁT LIDO** (Đào Văn Bình), trang 58
- ◆ **HẾT RỜI TIẾNG GỌI MẸ THƯƠNG** (thơ Cát Chi), trang 62
- ◆ **TRUYỆN NGÀN TRĂM LINH TÁM CHỮ** (Steven N.), trang 63
- ◆ **HT. THÍCH THÁI SIÊU GIẢNG BÁT NHẢ TÂM KINH Ở VIỆT BÁO** (Huỳnh Kim Quang), trang 64
- ◆ **CHẬP TAY TRONG CỘI VỎ THƯỜNG** (Tiểu Lục Thần Phong), trang 67
- ◆ **CHÂN SƠN HÀ** (thơ Tiểu Lục Thần Phong), trang 68
- ◆ **TRONG CỬA THIÊN** (Thanh Thi), trang 69
- ◆ **QUAY VỀ ĐÊM HỒM TRƯỚC** (thơ Trần Thiên Thi), trang 71
- ◆ **NGƯỜI ĐẸP GIEO CẦU** (Truyện cổ Phật giáo), trang 72
- ◆ **BỤI ĐƯỜNG – chương 10**, t.t. (Vĩnh Hào), trang 76
- ◆ **MỘT SỚM ĐẦU XUÂN QUÊ TA** (thơ Diệu Viên), trang 79



Báo Chánh Pháp số 87, tháng 02.2019, do Chùa Phật Đà & Tu viện Pháp Vương (CA) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ ấn phí. Tòa soạn xin thành tâm cảm tạ. Kính nguyện quý tự và chư phật tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.



Thư Tòa soạn

TRƯỚC THÈM XUÂN MỚI

Mưa rơi, mưa rơi, ngập nước những con đường
Lá vàng trải thảm trên sân, ướt đầm ngày cuối đông
Nắng trưa xiên qua những nhánh cây trở xương khi mưa tạnh
Nơi góc cửa sổ, con nhện nằm ủ một cuộn tơ
Con tàu ký ức thuở thiếu thời xồng xộc lẫn bánh quay về, kéo còi, nhà khói
Những chuyến phiêu du không bao giờ có thực
Cánh bướm lộng gió xa khuất sóng trùng khơi.
Hồn vô tư gửi cửa thiền thanh vắng
Sáng quét lá, chiều nghe kinh, cất cao mật ngôn Phạm ngữ
Đáy tâm sâu hun hút, chơi với những bóng hình, bồng bềnh những ẩn điệu
Mộng ban sơ, lặng lẽ, trôi đi những tháng ngày...

Bình minh xe hoa đi qua, sắc hương điểm lệ reo vui theo nắng
Hoàng hôn xe tang trở về, mắt buồn đượm một trời không
Hí trường lao xao giọng cười tiếng hát
Những tên hề đeo mặt nạ trắng, với những vòng mắt đen thui, nhào lộn nhảy nhót
Khoẻ miệng luôn kéo lên những nụ cười tươi mãi không phai
Lãnh tụ, lãnh đạo, chưa bao giờ lãnh hội được đích của số đông
Rêu rao những chương trình, những chính sách ưu việt không bao giờ thực hiện nổi
Bán đất, bán biển, bán cả linh hồn cho tham vọng ngời cao
Bây tiểu yêu xúm xít nịnh nọt những kẻ mị dân, giả dối
Đẩy dân lành vào thảm cảnh đau thương
Thoáng chốc bể dâu, nhà đẹp vườn xinh trở thành bình địa
Xuân Tết về biết chào đón nơi đâu!

Chiều tựa hương, bỗng nhớ con tàu năm ấy
Đưa viên mộng hun hút chân mây
Xuân đến, xuân đi, bao lần trùng lặp
Mộng ban đầu u uẩn mắt xanh xưa
Mục đồng cỡi trâu vi vu cánh diều vương khói nhạt
Bướm vàng chui ngược vào kén, rụng đôi cánh mỏng phiêu du,
mơ làm con sâu trong giấc ngủ yên lành
Vườn xanh hoa nở trắng như mây
Gió lay chiếc phong linh hiện ngoài
Chim non giật mình quay cổ ngóng
Tiếng hót đầu mùa vọng mãi những xuân sau
Lật trang kinh, lòng an hòa
Thương nhân sinh thống khổ bao đời kiếp
Điểm nhẹ tiếng chuông khi mặt trời rực rỡ trên đại dương xanh
Xuân sang, mùa đã sang
Nghe sâu sóng vỗ nhịp chơn thường.



TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM lược dịch

PAKISTAN – THỤY SĨ: Triển lãm tượng Phật tại Thụy Sĩ để quảng bá du lịch tôn giáo tại tỉnh Khyber Pakhtunkhwa của Pakistan

Việc trưng bày một tượng Phật cổ của Bảo tàng Peshawar, Pakistan, tại Bảo tàng Rietberg ở Zurich, Thụy Sĩ, được mong đợi sẽ hồi sinh và thúc đẩy du lịch tôn giáo ở tỉnh Khyber Pakhtunkhwa của Pakistan.

Tác phẩm điêu khắc cao 9 feet này là một trong hai tượng Phật quý hiếm tại Bảo tàng Peshawar, đã được chuyển đến Bảo tàng Rietberg sau khi chính phủ hai nước ký thỏa thuận cách đây vài tháng.

Đây là pho tượng được khai quật từ làng Sahri Bahlol (gần khu khảo cổ của một tu viện Phật giáo cổ đại ở Mardan) vào năm 1909 và đã được trưng bày trong Bảo tàng Pashawar kể từ đó.

Tượng Phật nói trên sẽ được triển lãm trong 100 ngày, cùng với các tượng và các di tích khác của 6 quốc gia.

(The Gulf Today – December 17, 2018)



Tượng Phật đang được di dời khỏi Bảo tàng Pashawar, Pakistan, trước khi vận chuyển sang triển lãm tại Thụy Sĩ
Photos: thenews.com.pk



ÚC ĐẠI LỢI: Đại học Quốc gia Úc và Đại học Mở Úc sẽ mở các khóa học ngôn ngữ liên quan đến Phật giáo

Vào năm 2020, Đại học Quốc gia Úc (ANU) ở Canberra, hợp tác với Đại học Mở Úc, sẽ giảng dạy 8 ngôn ngữ "ít được dạy" - 6 trong số các ngôn ngữ này liên quan trực tiếp đến Nghiên cứu Phật giáo và Thế giới Phật giáo.

Tám ngôn ngữ sẽ được giảng dạy là: tiếng Quan thoại, tiếng Hàn, tiếng Nhật, Phạn ngữ, Tạng ngữ, tiếng Thái, tiếng Hindi, và tiếng Austronesian của Tetum.

Tiếng Quan thoại rất quan trọng để thu hút những người theo đạo Phật ở Trung Quốc đại lục, đảo Đài Loan và khối nói tiếng Hoa.

Tiếng Hàn, tiếng Nhật và tiếng Thái là những ngôn ngữ thiết yếu để tham gia vào công việc học thuật về các nền văn hóa Phật giáo của các quốc gia đó, trong khi việc bổ sung tiếng Tây Tạng có thể tạo điều kiện cho các nghiên cứu Ấn-Tạng, đặc biệt là trong các lĩnh vực ngôn ngữ, bác ngữ học, lịch sử và triết học.

(Buddhistdoor Global – December 17, 2018)



Khuôn viên trường Đại học Quốc gia Úc
Photo: ksouhouse.com

Tiến sĩ E Sivanagi Reddy bên tác phẩm điêu khắc Phật giáo Naga Muchulinda tại Guntur, Ấn Độ

Photo: TOI →

ẤN ĐỘ: Phát hiện tác phẩm điêu khắc Phật giáo cổ đại miêu tả măng xà vương Naga Muchulinda tại Guntur

Một tác phẩm điêu khắc Phật giáo cổ đại Naga Muchulinda trên phiến đá vôi Palnadu đã được tìm thấy tại thành phố Guntur, bang Andhra Pradesh, vào ngày 19-12-2018.

Tiến sĩ E Sivanagi Reddy, một học giả Phật giáo và là Giám đốc điều hành Trung tâm Văn hóa Vijayawada&Amaravati, đã viếng chùa Agasthyeswara và nhận ra tác phẩm điêu khắc này.

Tiến sĩ Reddy nói rằng đây là tác phẩm miêu tả Naga Muchulinda, măng xà vương đã bảo vệ Đức Phật khi Ngài đang tham thiền dưới cây Bồ đề.

Ông giải thích rằng những tác phẩm điêu khắc Naga Muchulinda tương tự thuộc về giai đoạn Phật giáo Nam Tông và Đại Thừa (từ thế kỷ thứ 1 BC đến thế kỷ thứ 3 AD) đã được ghi nhận trước đó tại các địa phương khác của bang Andhra Pradesh.

Tiến sĩ Reddy kêu gọi các vị chức sắc chùa Agasthyeswara và cục khảo cổ bảo vệ và trưng bày tác phẩm điêu khắc nói trên vì nó tượng trưng cho giai đoạn cuối của trường phái nghệ thuật Amaravati thuộc thời Ikshwaku.

(TOI – December 19, 2018)



ẤN ĐỘ: Đức Đạt lai Lạt ma dự cuộc tranh luận của tất cả truyền thống về cuốn sách của Tsongkhapa tại Bồ đề Đạo tràng

Ngày 19-12-2018 tại Bồ đề Đạo tràng, Đức Đạt lai Lạt ma đã dự ngày đầu tiên trong cuộc tranh luận 3-ngày giữa các học giả về cuốn ' Sự thiết yếu của thực biện' của Tsongkhapa.

Tổng cộng có hơn 700 người tham dự một sự kiện đánh dấu sự mở đầu của cuộc tranh luận.

Cùng với chư tăng ni và công dân ngoại quốc đến từ 12 quốc gia, 200 Geshe và 12 Geshe-ma (học vị của tăng và ni tương đương Tiến sĩ triết học Phật giáo Tây Tạng) từ tất cả các truyền thống Phật giáo Tây Tạng và tôn giáo Bon đã tham dự cuộc tranh luận.

Kirti Rinpoche, Gaden Tripa thứ 104, và chư đại sư của các tu viện Tây Tạng cũng hiện diện. Đây là lần thứ ba trong loạt tranh luận do Tu viện & Quỹ Kirti Jhepa tổ chức.

Đức Đạt lai Lạt ma khen ngợi công việc tuyệt vời mà Kirti Rinpoche đang làm trong việc tạo điều kiện giáo dục tu viện cho học viên Phật giáo.

(Phayul - December 19, 2018)



Hình ảnh cuộc tranh luận 3-ngày về cuốn sách ' Sự thiết yếu của thực biện' của Tsongkhapa—Photo: Phayul

TRUNG QUỐC: Kiểm tra và tu sửa tượng Đại Phật của Lạc Sơn

Tượng Lạc Sơn Đại Phật ở tỉnh Tứ Xuyên của Trung Quốc đang trải qua kỳ kiểm tra vật lý trong bốn tháng để sửa

chữa và bảo quản. Bức tượng cao 71 mét này có một vết nứt lớn trên ngực và bị rêu vi mô bao phủ.

Cuộc kiểm tra, bắt đầu vào ngày 8 tháng 10, được giám sát bởi hàng chục chuyên gia và sử dụng công nghệ tiên tiến như quét laser 3D, khảo sát trên không bằng máy bay không người lái và chụp ảnh nhiệt hồng ngoại.

Ngoại trừ đôi tai dài bảy mét được làm bằng gỗ phủ đất sét, tượng Đại Phật của Lạc Sơn gần như được làm hoàn toàn bằng đá và được chạm khắc vào thời nhà Đường (618-907 sau Công nguyên). Phải cần đến hàng ngàn công nhân làm việc trong gần một thế kỷ để hoàn thành tượng này: việc xây dựng bắt đầu vào năm 713 và hoàn thành vào năm 803. Đây được cho là bức tượng Phật bằng đá chạm khắc lớn nhất thế giới, và được liệt kê là Di sản Thế giới của UNESCO vào năm 1996.

(Buddhistdoor Global - December 20, 2018)



*Tượng Lạc Sơn Đại Phật ở Tứ Xuyên, Trung Quốc
Photo: blogodisea.com*



Giàn giáo bao bọc tượng Phật Lạc Sơn—Photos: ecns.cn

ẤN ĐỘ: Đoàn đại biểu đa quốc gia viếng Buddhavaanam (Công viên chủ đề Phật giáo)

Nagarjunasagar, Nalgonda (Telangana) - Ngày 13-12-2018, một đoàn gồm hơn 200 tăng sĩ và Phật tử đã được chiêm ngưỡng mọi thứ liên quan đến Đức Phật tại Buddhavaanam.

Đoàn đại biểu này, đến từ ít nhất 10 quốc gia, đã viếng Công viên Jataka, nơi trưng bày những câu chuyện chọn lọc về Đức Phật và công viên điêu khắc Buddhacharitha Vanam, nơi trưng bày các tác phẩm điêu khắc miêu tả những sự kiện quan trọng trong đời Đức Bốn Sư, cùng với các hiện vật di sản khác.

Trong chuyến thăm đầu tiên của họ đến một thánh địa Phật giáo ở miền nam Ấn Độ lần này, các nhà sư nói rằng ý tưởng xây dựng một công viên tích hợp về Đức Phật (Buddhavaanam) tại bang Telangana tự nó là một sự kính ngưỡng công nhận di sản gắn liền với thánh địa này.

(tipitaka.net - December 25, 2018)



Các đại biểu chiêm ngưỡng những tác phẩm điêu khắc về Đức Phật tại Buddhavaanam (Ấn Độ)—Photo: tipitaka.net

THÁI LAN: Ra mắt kinh Tam Tạng tiếng Thái tại chùa Wat Bovoranives

Ngày 26-12-2018, tại Tịnh xá Wat Bovoranives ở Bangkok, Đức Tăng thống Thái Lan đã chủ trì lễ ra mắt phiên bản "Tam Tạng cho Nhân dân" để đọc nhất của tiếng Thái, được viết bởi cố học giả Phật giáo Sucheep Poonyanupap (1017-2000).

"Tam Tạng cho Nhân dân" là sự diễn giải tóm tắt bằng tiếng

Thái của bộ kinh Tam Tạng nguyên bản 45 chương. Sucheep, một cựu tu sĩ Phật giáo, đã dành nhiều năm để tóm lược giáo lý Phật giáo từ 12,000 trang bản gốc xuống còn khoảng 1,200 trang.

Bản kinh của Sucheep được xuất bản lần đầu tiên vào năm 1979, và sau đó đã được in lại nhiều lần.

“Đây là phiên bản Tam Tạng kinh điển dễ đọc nhất của Vương quốc. Ajarn Sucheep đã giảm bớt các giáo lý Phật giáo toàn diện từ 45 chương của bộ kinh 5 cuốn thành một cuốn sách, trong khi vẫn giữ được cốt lõi của giáo lý nhà Phật. Cuốn sách dễ đọc của ông đã đơn giản hóa Phật giáo trí thức để những người bình thường có thể đọc,” Phó Giáo sư Suchao Ploychum, người trong ban biên tập, nói.

(The Nation – December 26, 2018)



Phòng trưng bày và giới thiệu về phiên bản “Tam Tạng cho Nhân dân” dễ đọc nhất của tiếng Thái—Photos: The Nation



TÍCH LAN: Hai nghi phạm bị bắt vì phá hại các tượng Phật

Cảnh sát Mawanella đã bắt giữ 2 thanh niên bị nghi ngờ làm hư hại một số tượng Phật tại khu vực này trong vài ngày qua.

Sáng sớm 26-12-2018, hai thanh niên này đi xe gắn máy đến và cố phá hỏng một pho tượng Phật tại ngã ba đường ở Mawanella. Hai kẻ này đã bị cư dân khu vực bắt giữ và giao cho cảnh sát.

Một sĩ quan cảnh sát cho biết 2 thanh niên nói trên bị nghi ngờ về một loạt các cuộc phá hoại gần đây nhằm vào các tượng Phật ở khu vực Mawanella. Ông nói rằng những hành động phá hoại này được thực hiện với mục đích tạo ra căng thẳng tôn giáo giữa người Sinhala theo Phật giáo Nguyên thủy và người Hồi giáo.

An ninh đã được tăng cường tại Mawanella và cảnh sát đặc nhiệm được triển khai tại một số khu vực.

(Colombo Page – December 26, 2018)

THÁI LAN: Các vị lãnh đạo Phật giáo cùng tham gia lễ đếm ngược để đón Năm Mới

Năm nay đánh dấu lần đầu tiên các vị lãnh đạo chư tăng của Cam Bốt, Miến Điện, Tích Lan và Chùa Thiếu Lâm Trung Quốc sẽ cùng tham gia đại lễ cầu nguyện đếm ngược đón Năm Mới tại Thái Lan.

Các vị bộ trưởng về tôn giáo và văn hóa của các quốc gia này cũng được mời dự lễ cầu nguyện nói trên.

Mục đích của việc mời các nhân vật quan trọng này tham dự lễ đếm ngược là để tăng cường sự liên kết Phật giáo Thái Lan với các nước láng giềng.

Các xá lợi của Đức Phật được gìn giữ tại 13 nước – Bhutan, Cam Bốt, Trung Quốc, Nhật Bản, Indonesia, Ấn Độ, Lào, Mông Cổ, Miến Điện, Singapore, Tích Lan, Việt Nam và Thái Lan – cũng sẽ được trưng bày như một

Quà Giáng Sinh của Chùa Lianzong gửi Nhà thờ Thánh Joseph—Photos: scmp.com



TRỞ VỀ MỤC LỤC

phần của một lễ tôn giáo tại công viên Sanam Luang, Bangkok, từ ngày 30-12-2018 đến ngày đầu Năm Mới 1-1-2019.

Tổng cộng có 544 ngôi chùa Thái trên khắp thế giới sẽ tổ chức lễ cầu nguyện nhân Năm Mới của mình, như thông lệ hàng năm.

(Bangkok Post – December 27, 2018)

TRUNG QUỐC: Quà Giáng Sinh của chư ni Phật giáo

Thiên Tân, Hà Bắc – Bất chấp những nỗ lực để đàn áp các ngày lễ Kitô giáo tại Trung Quốc, chư ni Phật giáo ở thành phố Thiên Tân đã gửi một món quà Giáng Sinh đến các nữ tu của nhà thờ Công giáo gần đó.

Chư ni chùa Lianzong đã tặng bắp cải, gạo, bột mì, dầu ăn và các thực phẩm khác cùng với 2,000 nhân dân tệ (290 usd) bằng tiền mặt cho các nữ tu của Nhà thờ Thánh Joseph.

“Điều kiện sống của các nữ tu tại nhà thờ rất nghèo nàn, nhưng họ vẫn kiên trì truyền bá Kinh Phúc Âm và tận tụy làm từ thiện”, nhà chùa đã viết trên trang mạng xã hội Weibo. “Tất cả chúng tôi đều là những người có đức tin, và chúng tôi sẽ làm việc cùng nhau để thanh lọc trái tim, phát huy giá trị của mình và mang lại lợi ích cho tất cả mọi người.”

Tuy chùa Lianzong lớn hơn Nhà thờ Thánh Joseph, nhưng nhóm sư cô chùa này cũng bị thiếu tiền trong những năm gần đây.

(tricycle.org – December 27, 2018)



Chùa Lianzong ở Thiên Tân (Hà Bắc, Trung Quốc)



LIÊN BANG NGA: Triển lãm Nghệ thuật Phật giáo tại Bảo tàng Mỹ thuật Ekaterinburg

Một cuộc triển lãm mang tên "Phương Đông của chúng ta. Nghệ thuật Phật giáo của thế kỷ 14 đến 20 từ các Bảo tàng và các Bộ sưu tập Cá nhân," đã khai mạc vào ngày 14-12-2018 và kéo dài đến ngày 17-2-2019 tại Bảo tàng Mỹ thuật Ekaterinburg - một trong những bảo tàng nghệ thuật lớn nhất trong vùng Ural của Nga.

Triển lãm quy tụ 80 hiện vật Phật giáo, bao gồm các tác phẩm điêu khắc bằng đồng, tranh thangka và các đồ vật nghi lễ từ các nước Bhutan, Buryatia, Trung Quốc, Mông Cổ, Nepal, Nam Hàn và Tây Tạng.

Tựa đề của cuộc triển lãm phản ánh các khía cạnh quan trọng của các truyền thống Phật giáo Nga, vốn có từ thế kỷ thứ 18: nghiên cứu khoa học về văn hóa Phật giáo và việc thực hiện sưu tập các tác phẩm nghệ thuật.

(Buddhistdoor Global - January 2, 2019)



Sách giới thiệu và hiện vật trưng bày của Triển lãm Nghệ thuật Phật giáo tại Bảo tàng Mỹ thuật Ekaterinburg, Nga



Photos: geometria.ru

ẤN ĐỘ: Triển lãm 80 tranh Thangka Phật giáo của 31 họa sĩ tại Bảo tàng Bihar

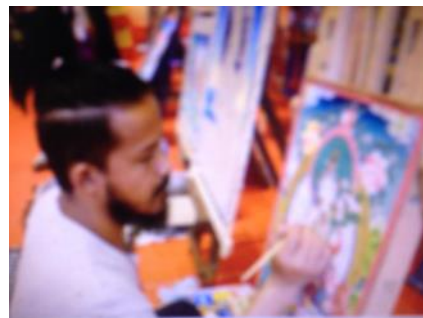
Patna, Bihar - Tại cuộc triển lãm-hội thảo kéo dài một tuần ở Bảo tàng Bihar, 31 họa sĩ đến từ Ladakh, Varanasi và Bồ đề Đạo tràng đã trưng bày khoảng 80 tranh Thangka dựa trên các triết lý Phật giáo khác nhau.

Triển lãm mang tên "Hành trình Điển hình của Nghệ thuật Thangka" được tổ chức từ ngày 30-12-2018 đến ngày 5-1-2019.

Những người am hiểu về hội họa từ khắp nơi của bang Bihar có cơ hội xem các họa sĩ vẽ tranh Thangka bằng những phương pháp truyền thống vào ngày 2-1. Trung tâm của sự chú ý là họa sĩ 11 tuổi Jigmeth Tsewang Norbu đến từ Ladakh, là người đã sáng tác những tranh Thangka thật đẹp từ khi 5 tuổi.

Amrit Prakash, cộng tác viên nghệ thuật tại Bảo tàng Bihar, nói, "Khách tham quan sẽ dần hiểu được về hành trình của Thangka, về việc thực hành và truyền bá của nó trên khắp thế giới ngày nay".

(TNN - January 3, 2019)



Các họa sĩ Thangka tại triển lãm "Hành trình Điển hình của Nghệ thuật Thangka" ở Bảo tàng Bihar (Ấn Độ)

Photos: TNN



PAKISTAN: Tỉnh Khyber-Pakhtunkhwa (KP) thông báo phát triển các di tích Phật giáo tại Mardan

Peshawar - Chính quyền KP đã thông báo gói phát triển bảo tồn và quảng bá các di tích Phật giáo tại Takht Bahi, Jamal Garhi và Shehbaz Garhi.

Bộ trưởng Văn hóa, Du lịch và Thanh niên Atif Khan nói điều này trong chuyến thăm của ông tại các di tích Phật giáo ở Mardan vào ngày 3-1-2019.

Ông cũng công bố việc mở lại lối đi hàng ngàn năm tuổi từ làng Seri-Bahlol của huyện Mardan đến các phế tích này, và việc xây dựng một phòng triển lãm nghệ thuật và quán ăn tự phục vụ tại khu khảo cổ Takht Bahi.

Bộ trưởng Atif nói, "Chúng tôi đang mong chờ chính phủ liên bang tạo điều kiện cho du khách Trung Quốc, Hàn Quốc và Nhật Bản đến viếng các thánh địa Phật giáo. Chúng tôi cũng đang làm việc cùng các cộng đồng quốc tế để bảo tồn các di tích Phật giáo có liên quan và sớm quảng bá để mọi người trên thế giới đến viếng các di tích này".

(The Express Tribune - January 4, 2019)

Di tích một bảo tháp Phật giáo cổ xưa ở tỉnh Khyber-Pakhtunkhwa, Pakistan
Photo: Reuters



THÁI LAN: Diễn đàn Phật tử Quốc tế được tổ chức vào dịp Năm Mới tại Ayuthaya

Từ ngày 28-12-2018 đến 2-1-2019, Diễn đàn Phật tử Quốc tế (ILBF), một trong những tổ chức nổi tiếng nhất của tín đồ Phật giáo, đã tổ chức cuộc họp lần thứ 9 tại thành phố Ayuthaya, Thái Lan.

Diễn đàn bao gồm các bài thuyết trình nêu bật những cách thức mà tín đồ Phật giáo có thể giúp đỡ các cộng đồng địa phương và các cộng đồng rộng lớn hơn của họ, trong khi đồng góp vào công việc của tăng đoàn.

ILBF tự mô tả mình là "một phong trào tín đồ Phật giáo độc lập bao gồm tất cả địa vị hội viên và quan điểm".

Các tổ chức của ILBF không vận động cho quan điểm của bất kỳ trường phái nào, mà thay vào đó đại diện cho lợi ích của Phật tử tại gia và sự phát triển lành mạnh của Phật giáo trong xã hội đương đại.

(Big News Network - January 5, 2019)



Những người tham dự lễ khai mạc ILBF lần thứ 9 tại Ayuthaya, Thái Lan—Photos: ILBF



TÍCH LAN: Quốc lễ chính thức tuyên bố Tam Tạng kinh điển là di sản Quốc gia

Colombo, Tích Lan - Ngày 5-1-2019, quốc lễ chính thức tuyên bố Tam Tạng kinh điển là Di sản Quốc gia đã được tổ chức tại ngôi chùa lịch sử Aluvihare ở Matale, với sự ban phước của Đại Tăng đoàn và sự bảo trợ của Tổng thống Tích Lan Sirisena.

Tổng thống đã mở tấm bia kỷ niệm và đánh dấu sự tuyên bố bản kinh Tam Tạng là một di sản quốc gia. Bản kinh đã được chính thức trình bày với chữ cao tăng tại sự kiện này.

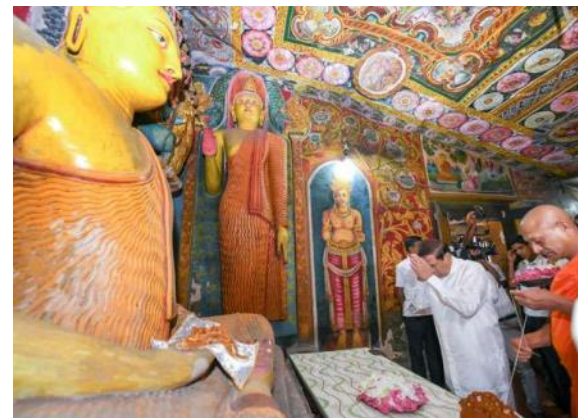
Tổng thống Sirisena cũng giới thiệu với Đại Tăng đoàn một con tem bưu chính được phát hành để đánh dấu sự kiện lịch sử nói trên.

(ColomboPage - January 5, 2019)



Tổng thống Sirisena mở tấm bia kỷ niệm

Quang cảnh Quốc lễ chính thức tuyên bố Tam Tạng kinh điển là di sản Quốc gia của Tích Lan



Bản kinh Tam Tạng của Tích Lan
Photos: Mirror Daily



THẾ THÁI NHÂN TÌNH

*Cuối năm ngòi tỉnh số đời,
Phong ba bão táp thoi thời chán ngây,
Từ miền đông đến miền tây,
Đâu đâu cũng có chuyện này chuyện kia.
Thiên tai chiến địa ê chề,
Còn thêm bình luận nã nê quàng xiên,...
Kẻ thương người ghét huyên thuyên,...
Diễn đàn qua lại như phiên chợ chiều.
Có người nói lưỡi đôi chiều,
Có người đứng đắn nói điều thẳng ngay.
Suốt năm suốt tháng trọn ngày,
Diễn đàn đủ thứ không ngày nào ngơi.
Trần gian khổ quá ai ơi!
Con người lương thiện nói lời yêu thương,
Kẻ mà tâm ý bất lương,
Đào lên bới xuống muôn vàn điều ngoa.
Thôi thì ta tính chuyện ta,
Trở về gội rửa ao nhà vẫn hơn.
Mong sao đi trọn đường trần,
Đừng gây khổ lụy, gieo phiền cho nhau.
Nếu duyên trở lại kiếp sau,
Duyên vào chánh đạo biết bao an lành?...
Đã mang vào kiếp ba sinh,
Tai ương gánh chịu tránh tìm ở đâu?...
Nguyện cầu Phật Tổ trên cao,
Phóng quang tiếp độ con vào Lạc bang.*

thơ

ĐIỀU NGỰ TỬ TÍN NGHĨA

Mạnh xuân Kỷ hợi, Feb. 10, 2019

NGÃM SUY

Kính họa bài: **Thế Thái Nhân Tình**
của Điều ngự tử Tín Nghĩa

*Ngẫm suy cuộc sống giữa đời
Thiên tai bão lụt mọi thời bủa vây
Người người dù ở Đông (hay) Tây
Làm sao tránh khỏi việc này việc kia
Nghệp dư dính mắc chẳng lìa
Chiến tranh đe dọa tứ bề chán chề
Các nhà bình... loạn quên về
Người thương kẻ ghét ê chề khó yên
Cuộc đời như một con thuyền
Sóng sau lán trước đảo điên sớm chiều
Người gian giả dáng mỹ miều
Người tu chân thật nói điều thẳng ngay
Chánh tâm thiên quán thẳng ngay
Thong dong tự tại đêm ngày chẳng vơi
Thế gian là một sân chơi
Con người hiểu biết sống đời yêu thương
Ta về học chữ Thanh Lương
Tâm hồn thư thái mọi đường gió qua
Phút giây nhìn lại chính ta
Hồi quang phản chiếu vậy mà hay hơn
Chỉ mong buông bỏ pháp trần
Con đường đạo nghiệp dần dần thanh cao
Ta không màng đến kiếp sau
Hiện theo Đức Phật biết bao an bình
Tu hành vượt thoát tử sinh
Nhờ ân Tam Bảo biết mình ở đâu
Cội nguồn Diệu Pháp thâm sâu
Ngẫm suy là bước khởi đầu từ đây.*

thơ

ĐỆ TỬ: **TÁNH THIÊN**

Dallas Texas, 8-1-2019

NỘI DUNG KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

HT. Thích Thắng Hoan

(trích từ tác phẩm YẾU CHỈ KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA)

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

(tiếp theo)

26.- PHẨM ĐÀ LA NI

Theo Phật Học Tự Điển, "Đà La Ni," tiếng Phạn Dhàrani, Trung Hoa dịch là Tổng Trì, nghĩa là một loại thần lực của Tạng Như Lai được thể hiện qua đại định có năng lực thâm nhiếp cùng bảo trì tất cả pháp thế gian và xuất thế gian không cho các thiên pháp bị tán loạn và ngăn che các ác pháp không cho phát sanh. Đà La Ni có chia làm bốn loại: Pháp Đà La Ni, Nghĩa Đà La Ni, Chú Đà La Ni và Nhẫn Đà La Ni.

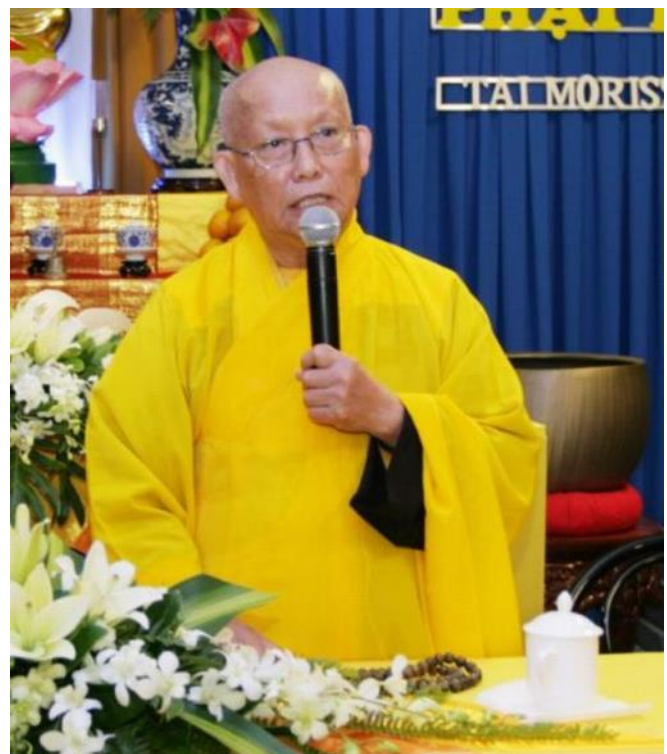
a) *Pháp Đà La Ni*: (còn gọi là Văn Đà La Ni), nghĩa là nghe giáo pháp của Phật liền giữ gìn không cho quên.

b) *Nghĩa Đà La Ni*: nghĩa là đối với nghĩa lý của các pháp thì nhớ lấy tất cả không cho quên.

c) *Chú Đà La Ni*: nghĩa là đối với những câu bí mật của chư Phật, chư Bồ Tát truyền lại để ủng hộ nhà tu hạnh, trừ khử mọi độc ác, thần nghiệm không thể nghĩ bàn, phải nhớ lấy tất cả.

d) *Nhẫn Đà La Ni*: nghĩa là đối với thật tướng của các pháp phải nhẫn nhục, an trụ thân tâm không giao động để bảo trì cho được nó.

Theo tinh thần kinh Pháp Hoa, Phẩm Đà La Ni ở đây là thuộc về Chú Đà La Ni, một trong bốn loại Đà La Ni nói trên. Chú Đà La Ni đây thì thuộc về Chân Ngôn Giáo, là những lời nói bí mật được phát ra từ nơi tu thiền định của chư Phật và chư Bồ Tát để giữ gìn những pháp ngữ của các ngài. Chư Phật thì có ngôn ngữ riêng của các ngài cũng không khác nào mỗi chủng loại đều có tiếng nói riêng của họ, như người Việt Nam thì có tiếng Việt, người Mỹ thì có tiếng Mỹ, người Nhật Bản thì có tiếng Nhật v.v... Ngôn ngữ của các đức Phật trong các kinh điển thường gọi là Mật Ngôn. Phật Ngôn hay Thần Chú. Chúng ta không thể nghe hiểu được tiếng nói của các chủng tộc khác thì làm sao nghe biết được ngôn ngữ của các đức Phật, chư Bồ Tát trao đổi với nhau bằng Mật Ngôn qua sự dung thông của Thần Lực. Những Mật Ngôn (Đà La Ni) đối với



phái Mật Tông chính là những Mật Mã (Codes) để chuyển âm những lời cầu nguyện của những người hành trì đến với các đức Phật và các vị Bồ Tát trong mười phương cảm nhận và nhờ đó các đức Phật, các vị Bồ Tát liền phái các Thiên Long Bát Bộ hộ pháp đến để hộ trì.

Chú Đà La Ni nói trên còn có một năng lực phi phạm và năng lực này được gọi là Thần Lực Gia Trì có huyền năng tẩy trừ tất cả hạt giống vô minh phiền não bám chặt sâu kín lâu đời lâu kiếp trong Thức Thể Alaya và thúc đẩy Vô Tát Diệu Lực của Kinh Pháp Hoa phát huy tri kiến của Phật. Cho nên Thần Lực Gia Trì có danh nghĩa là gia trì pháp lực và gia trì hiện thân diệu ngôn của chư Phật. Ngoài chư Phật chư Bồ

Tát ra, Thiên Long Bát Bộ Hộ Pháp Thiện Thần v.v... mỗi vị đều có Chú Đà La Ni riêng là những thứ ngôn ngữ đặc biệt của họ để trao đổi tâm nguyện với nhau. Sau khi nghe đức Phật nói xong công đức thọ trì Kinh Pháp Hoa, các vị Thiên Long Bát Bộ Hộ Pháp Thiện Thần v.v... muốn gia hộ những người sau này thọ trì Kinh Pháp Hoa không gặp trở ngại trên đường tu tập, liền phát tâm trao truyền những Chú Đà La Ni của mình cho những hành giả thọ trì để họ trực tiếp giao duyên đến các vị khi cần hộ trì.

Hành giả nào hành trì Kinh Diệu Pháp Liên Hoa và thọ trì đến Phẩm Đà La Ni thì bao nhiêu lời nguyện, bao nhiêu công đức của họ đều được năng lực Đà La Ni chuyển đến chư Phật, chư Bồ Tát, chư Thiên Long Bát Bộ Hộ Pháp tiếp nhận, đồng thời các Hộ Pháp nói trên liền đến hộ trì hành giả trong mọi công đức. Chẳng những thế, hành giả hành trì tinh tấn trường kỳ thì được thần lực của Đà La Ni tẩy trừ lần tất cả hạt giống vô minh phiền não hữu lậu tiềm phục sâu kín, bảm chặt lâu đời lâu kiếp trong Tạng Thức và khiến cho tạng Thức chuyển thành tạng Như Lai. Từ đó bao nhiêu tri kiến của Phật đều được thể hiện một cách tự tại trước hành giả.

27.- PHẨM DIỆU TRANG NGHIÊM VƯƠNG BỐN SỰ:

Phẩm Diệu Trang Nghiêm Vương Bốn Sự là một sự kiện chứng tích của một vị Phật hiệu là Ta La Thọ Vương Như Lai mà không phải là "biểu tượng chuyển thức thành trí để chỉ rõ Pháp Lực Gia Trì" như một số học giả nhận định. Trong Phẩm 27 cũng như các Phẩm khác, từ Phẩm 23 cho đến Phẩm 28, đức Phật giới thiệu **một số vị Phật và Bồ Tát đã chứng đắc Tri Kiến** của Phật để chứng minh giá trị Kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

Diệu Trang Nghiêm Vương đích thực một vị Phật hiệu Ta La Thọ Vương đã chứng đắc Tri Kiến của Phật cũng như các Bồ Tát: Dược Vương Bồ Tát trong phẩm 23, Diệu Âm Bồ Tát trong phẩm 24, Quán Thế Âm Bồ Tát trong phẩm 25, Phổ Hiền Bồ Tát trong phẩm 28, không phải là biểu tượng Như Lai Tạng hay Đệ Bát Thức Tâm Vương. Tịnh Tạng cùng Tịnh Nhãn là hai vị Bồ Tát đã chứng đắc Tri Kiến của Phật phát đại nguyện độ sanh không phải biểu tượng Ý Thức thứ sáu và Mạt Na Thức thứ bảy. Cho đến Tịnh Đức cũng là một vị Bồ Tát đã chứng đắc Tri Kiến của Phật và cũng phát nguyện độ sanh không phải biểu tượng "Chỉ Quán Nội Huân, Trị Trạch Vô Minh" như một số người giải thích.

Đại ý Phẩm này là nói lên hạnh phương tiện độ sanh của chư Phật khiến cho tất cả chúng sanh cải tà quy chánh sớm đạt thành đạo quả Vô Thượng Bồ Đề. Cụ thể như Tịnh Đức, Tịnh Tạng và Tịnh Nhãn.

a) Tịnh Đức, một vị Bồ Tát với danh hiệu là Quang Chiêu Trang Nghiêm Tướng, từ vô lượng

kiếp về trước tu hành đã từng chứng quả pháp môn "Chư Phật Tập Tam Muội" thông suốt được tạng pháp bí mật của các đức Phật. Bồ Tát thật hành hạnh phương tiện độ sanh, tình nguyện hóa thân làm vợ của vua Diệu Trang Nghiêm để tìm mọi cách chuyển hóa đức vua cải tà quy chánh.

b) Tịnh Tạng, một vị Bồ Tát với danh hiệu là Dược Vương, từ vô lượng kiếp về trước tu hành đã từng chứng quả pháp môn "Ly Chư Ác Thú Tam Muội" hay khiến tất cả chúng sanh xa lìa các đường dữ. Bồ Tát thật hành hạnh phương tiện độ sanh, tình nguyện hóa thân làm con của Vua Diệu Trang Nghiêm để tìm mọi cách chuyển hóa đức vua cải tà quy chánh.

c) Tịnh Nhãn, một vị Bồ Tát với danh hiệu là Dược Thượng, từ vô lượng kiếp về trước tu hành đã chứng quả pháp môn "Pháp Hoa Tam Muội," phát huy được Vô Tác Diệu Lực của diệu pháp, Bồ Tát thật hành hạnh phương tiện độ sanh, tình nguyện hóa thân làm con của vua Diệu Trang Nghiêm để tìm mọi cách chuyển hóa đức vua cải tà quy chánh.

d) Diệu Trang Nghiêm Bốn Sự là phẩm nói về tiền thân của Bồ Tát Hoa Đức. Trong kiếp quá khứ, Bồ Tát Hoa Đức là một vị vua tên Diệu Trang Nghiêm. Diệu Trang Nghiêm là một vị vua hung ác, sanh tâm tà kiến, thâm tín tà đạo, thể lực rộng lớn, nhưng kiếp trước có gieo trồng căn lành nên gặp được người vợ hiền và sanh được hai người con làm thiện tri thức. Bản tánh con người hay kiêu mạn, vua không chịu nghe lời vợ con khuyên bảo theo đường chánh, nhưng có nhược điểm ham thích thần thông biến hóa. Bà Hoàng Hậu biết điều đó, khuyên hai con nên phương tiện sử dụng thần thông biến hóa để chinh phục vua cha bỏ tà về chánh. Khởi đúng tâm lý nhà vua, Diệu Trang Nghiêm Vương thấy hai con có sức thần thông thì vui mừng khôn tả liền hỏi rằng: "Thầy của hai con là ai và hai con là đệ tử của ai?" Từ đó Vua Diệu Trang Nghiêm liền bỏ ngay vàng theo Phật xuất gia tu hành và được Phật Văn Lô Âm Tú Vương Hoa trí thọ ký tương lai sẽ thành Phật hiệu là Ta La Thọ Vương.

Đây cũng là vị chứng đắc tri kiến của Phật với danh hiệu là Diệu Trang Nghiêm Vương và điều đặc biệt vị này được chứng đắc qua hình thức phương tiện chuyển hóa của các bậc Thiện Tri Thức, như vợ con tìm mọi cách tâm lý khiến nhà vua cải tà quy chánh. Đức Phật sở dĩ nói phẩm này là giới thiệu hạnh phương tiện độ tha là một trong những hạnh của Bồ Tát. Hạnh phương tiện này không đòi hỏi chúng sanh phải có trình độ Tam Thừa Thánh Quả mới được cứu độ mà ở đây bất cứ hạng nào, khuynh hướng ra sao đều có thể dùng phương tiện thiện xảo khơi dậy đúng nguồn tâm lý sở thích và nhu cầu của họ nhằm để đưa họ về chánh đạo, điển hình như vua Diệu Trang Nghiêm đã được thọ ký thành Phật.

(còn tiếp)

VẪN MỘT TRỜI QUÊ

*Thoáng, đã mười năm vắng Tết nhà
Phương trời lữ thứ hỏi mây qua
Đâu mùa hương cũ xa xôi nhớ
Chiều muộn tàn năm bóng mẹ già!*

*Đâu thuở bình yên nơi xóm vắng
Bập bùng bếp lửa đêm ba mươi
Quê nghèo, nhưng ấm tình xưa ấy,
Đợi phút giao nguyên của đất trời.*

*Đâu cội mai vàng ngự trước sân
Đâu phong pháo đỏ nổ xa gần!
Và đâu nên ngọc lung linh sáng,
Lời mẹ cha còn vắng tiếng xuân.*

*Đâu tiếng chuông xa nhịp mõ đều
Lời kinh mầu nhiệm quyện hương yêu,
Đã không còn nữa thời tao loạn
Sao nổi lòng quê vẫn khổ nhiều?*

*Đời đã mười năm theo gió mây
Trăng sao rớt mộng xuống thân gầy.
Nhưng ta đã trót mười năm ấy,
Vẫn một trời quê giữa xứ này.*

South Dakota (USA)



thơ MẶC PHƯƠNG TỬ

PHÁP BẤT NHỊ - TRÌNH BÀY LẠI GIÁO LÝ TRUNG ĐẠO CỦA ĐỨC PHẬT

By **DHARMACHARI RATNAGUNA**
Nguyễn Hạnh dịch

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

Một trong những tựa thay thế cho kinh Duy Ma Cật Sở Vấn (kinh Duy Ma Cật) là Hòa giải nhị nguyên (*Ymakavyatyastāhāra*), tư tưởng này bằng bạc khắp trong kinh, nhưng nó được thể hiện rõ và đầy đủ nhất trong phẩm thứ chín, Pháp Môn Bất Nhị, trong phẩm này có 31 Bồ tát mỗi vị đưa ra một cặp pháp đối lập, kể đó họ lý giải 'Pháp Môn Bất Nhị', của pháp không hai. Cuối phẩm ngài Văn Thù Sư Lợi, Bồ tát Trí tuệ, hỏi Duy Ma Cật cho ý kiến 'đi vào Bất Nhị', trả lời của ngài là sự 'im lặng sấm sét' rất nổi tiếng.

Nhưng nhị là gì và bất nhị là gì? Và tại sao nhị lại được phân tích thành bất nhị? Nhị gồm có, thường, nhưng không phải luôn luôn, một cặp pháp đối nhau, trong khi bất nhị là Trung đạo là ở giữa, cũng là vượt lên sự đối lập đó. Trong kinh Chuyển Pháp Luân (*Dhammacakkappavattana-sutta*), Đức Phật chỉ bày con đường Trung đạo giữa hai cực đoan một bên tham đắm dục lạc, còn bên kia khổ hạnh ép xác, Trung đạo ở giữa hai thái cực là Bát Chánh Đạo dẫn đến Giác ngộ. Giáo lý này là pháp hành trì chính của Phật giáo, pháp quán này được đặt vào những phạm trù trừu tượng trong một kinh khác, kinh Ca Chiên Diên Thị (*Kaccāyanagotta-sutta*). Trong kinh này Ca Chiên Diên hỏi Phật về ý nghĩa Chánh kiến (*sammā-diṭṭhi*) và Đức Phật đáp: 'Thế giới này, Ca Chiên Diên, thường căn cứ trên hai pháp: Tồn tại và không tồn tại... vạn pháp tồn tại: đây là một cực đoan. Tất cả pháp không tồn tại: đây là một cực đoan khác. Không tiến đến cả hai cực đoan, Như Lai dạy cho thầy giáo lý Trung đạo'. Nhưng điều gì Đức Phật muốn nói qua hai cực đoan tồn tại và không tồn tại? Tồn tại (*atthitā*) có nghĩa là tuyệt đối hiện hữu-quan điểm có rằng các pháp trường tồn và không cần các nhân duyên khác cho sự tồn tại của chúng. Không tồn tại là hoàn toàn không

hiện hữu, cho rằng các pháp không có gì còn tồn tại-chúng hoàn toàn hão huyền. Trung đạo ở giữa hai cực đoan này được nhấn mạnh trong giáo lý Duyên khởi (*pratitya-samutpāda*), nói rằng tất cả pháp sinh khởi theo nhân duyên, và diệt khi các nhân duyên tan rã. Chúng không phải cực hữu cũng không cực vô hữu, chúng có sự tồn tại tương đối. Duy Ma Cật, như Đức Phật, không liên hệ đến các vấn đề triết học mà vì lợi ích. Lợi ích chính là giảm bớt khổ đau, điều thành tựu được nhờ bước đi trên đạo lộ tới Giác ngộ, thế là có câu hỏi nêu ra, vậy bàn luận vấn đề trừu tượng phải chịu khổ và giảm bớt khổ là gì? Lời đáp xuất hiện ở phẩm thứ năm của kinh-Văn Thù Sư Lợi thăm bệnh. Duy Ma Cật bị bệnh, hoặc ít nhất giả vờ bị bệnh, bệnh của ông là phép ẩn dụ cho khổ đau (*dukkha*). Vào thời điểm ông nói. Như thế, nhận ra khổ đau của mình cũng là khổ của vô số chúng sinh, Bồ tát quán sát phủ hợp chúng sinh còn khổ đau và giải trừ tất cả bệnh khổ. Và phần chúng sinh, không có pháp gì áp dụng, không có gì được loại trừ; nhân giả chỉ dạy họ Pháp để họ nhận ra căn bản, từ đó các bệnh phát sinh. Căn bản này là gì? Đó là nhận thức đối tượng. Đến mức độ ấy các ngoại cảnh được nhận biết, chúng là căn bản của bệnh. Pháp nào được nhận biết như đối tượng. Có ba lãnh vực hiện hữu được nhận biết như đối tượng. Sự hiểu biết hoàn toàn về căn bản đối tượng bên ngoài là gì? Đó là vô niệm của nó, không có đối tượng hiện hữu một cách rõ ràng. Vô niệm là gì? Cả nội căn và ngoại cảnh không được nhận biết theo nhị nguyên. Do đó, nó được gọi là vô niệm.

Điều Robert Thurman dịch là 'nhận biết đối tượng', Sara Boin, trong bản dịch tiếng Anh từ bản dịch tiếng Pháp của Elienne Lamotte, dùng 'chấp thủ đối tượng' Như vậy, căn bản của bệnh là gì? Căn bản của bệnh là chấp thủ đối tượng. Sự chấp thủ này là căn bản, miễn có

chấp thủ, có bệnh.

Tôi trích dẫn bản dịch của Boin từ bản tiếng Pháp của Lamotte vì nó làm rõ mối liên kết giữa mặt trừu tượng và thực hành của Trung Đạo ; vì chúng ta cho rằng các pháp thường còn, chúng ta chấp thủ chúng. Nói cách khác, chúng ta có lời nói này của Duy Ma Cật hai thánh để đầu của Tứ thánh để: bệnh bằng với khổ (*dukkha*). Nhận biết đối tượng bằng với tham (*tanha*).

Kể đó thông điệp của Duy Ma Cật tiến xa hơn giống như thông điệp của Đức Phật, các cực đoan chấp thủ, tham đắm dục lạc và khổ hạnh áp xác, và thường còn và đoạn diệt, là các cực đoan nên tránh và vượt lên. Thứ nhất thông qua theo con đường tới Giác ngộ, thứ hai nhờ sự hiểu rõ hoàn toàn về giáo lý Duyên khởi. Tuy nhiên, Duy Ma Cật đưa tư tưởng này đi xa hơn: Việc loại trừ bệnh là gì? Đó là loại trừ ngã và ngã sở. Việc loại trừ ngã và ngã sở là gì? Đó là thoát khỏi nhị nguyên. Thoát khỏi nhị nguyên là gì? Đó là sự vắng mặt chấp thủ cả bên trong và bên ngoài. Sự vắng mặt chấp thủ cả bên ngoài và bên trong là gì? Đó là không sai lệch, không dao động, không sao lãng khỏi xả ly. Xả ly là gì? Đó là sự bình đẳng của các pháp từ ngã tới giải thoát. Vì sao? Cả hai ngã và giải thoát đều không. Vì sao cả hai đều không được thiết lập trên sự thật. Do đó, hành giả thấy sự bình đẳng như thế làm cho không khác biệt giữa bệnh và không bệnh; bệnh của Duy Ma Cật chính là không bệnh, và bệnh như không bệnh, chính là không.

Phần đầu của lời nói này chúng ta vẫn còn cảm thấy mặt thân thiết: khổ sinh do ngã (*ātmāyagrāha-ngã thủ*) và ngã sở (*ātmāyagrāha-chấp vào điều tôi cho rằng là của tôi*). Để vượt qua điều này chúng ta cần vượt qua nhị nguyên 'liên quan cả bên trong và bên ngoài'-một mặt cho rằng có cái ngã riêng biệt thường còn, mặt khác tin chắc rằng những đối tượng tách biệt và trường tồn. Vì sao chúng ta thực hiện điều này? Thông qua, không sai lệch, không dao động, và không sao lãng khỏi xả ly.' Ở đây Duy Ma Cật giới thiệu tư tưởng cốt lõi trong kinh, người mở rộng pháp hành con đường Trung đạo của Đức Phật ở giữa sự đối lập bao gồm tất cả các loại. 'Xả ly' trong bản dịch của Thurman từ bản dịch Sanskrit của Lamotte như là *samatā*, có nghĩa là có tính giống nhau, trong tính giống nhau này bao gồm các pháp từ ngã tới giải thoát (*Nirvana*). Vì cả hai ngã và giải thoát đều là không. Vì sao cả hai đều không? chỉ là danh xưng



(*nāmadherya*). Chúng đều không.

Danh xưng, hoặc khái niệm, tất cả đều giống nhau vì chúng đều rỗng không, đó là rỗng không của thường còn. Do đó, các ý tưởng hoặc danh xưng cả hai ngã và Giác ngộ là một phạm trù nhị nguyên, điều cần phải vượt lên. Có một lần Duy Ma Cật nói đến điều này, ông thoát khỏi để dựng lên các phạm trù nhị nguyên, bao gồm phạm trù của các Pháp, đó là chính xác điều mà ông đã tiến hành. Khiến cho tu tập pháp này vì ở mỗi giai đoạn của con đường tiến đến Giác

ngộ hành giả đương đầu với hai cực đoan tồn tại và không tồn tại ở mức độ vi tế hơn. Khéo léo bước đi trên đạo lộ bao gồm cả nhận thức nhị nguyên vi tế này và chọn con đường Trung đạo ở giữa hoặc tốt hơn, ở bên trên chúng. Tồn tại và không tồn tại là các phạm trù căn bản của tư duy và chúng ta không thể giúp gì để suy nghĩ về những lãnh vực đó, ngay cả khi nói về ý tưởng hoặc kinh nghiệm đều cần phải vượt lên những phạm trù đó. Vì thế ngay cả Phật tử có biết Niết Bàn không phải thường còn cũng không đoạn diệt, vị ấy không có năng giúp để hiểu nó tồn tại, theo vài phương diện vi tế, cả bên này hoặc bên kia của hai sự lựa chọn này, có cả cái ngã thường còn và đoạn diệt. Văn học thánh điển Pāli có khuyến hướng xoay trở lại không tồn tại trong khi mô tả về sự Giác ngộ, mặc dù có nhiều đoạn, phủ nhận điều này, trong khi có vài tông phái Đại thừa hướng đến mô tả trạng thái thường còn.

Hòa giải các nhị nguyên của Duy Ma Cật là một trong những khía cạnh dùng phương tiện khéo léo của ông (*Upāya kausalya*), đó là khả năng của Bồ tát đón nhận giáo lý của Phật phù hợp với căn tánh, khuyến hướng, và phát triển tâm linh của bất cứ hành giả nào, ngài đang nói tới. Nói cách khác, khéo léo trong phương tiện là khéo dạy pháp một cách phù hợp. Chính Duy Ma Cật là bậc thầy của sự khéo léo dùng phương tiện, trong thực tế ông là mẫu người sáng chói về phương diện này. Trong phẩm thứ hai, gọi là Phương Tiện Quyền Xảo (*acintya upāya kausalya*) phẩm này nói với chúng ta rằng: ngài được giải thoát nhờ trí tuệ bất nhã. Đã hòa nhập vào nhận thức trong việc khéo léo dùng phương tiện, ngài đã thành thạo trong trí hiểu biết suy nghĩ và hành động của chúng sinh. Biết căn tính của họ lanh lợi hoặc ám độn, và có được tài biện thuyết vô song, ngài dạy pháp phù hợp đến từng vị.

Chúng ta thấy ngài dùng phương tiện quyền xảo tái diễn đều đặn trong kinh, và chúng ta thấy ngài cho lời khuyên chân thành

đến người khác, các đại đệ tử và Bồ tát, đều thực hiện cùng cách đó.

Trong phẩm thứ hai, Phương Tiện Quyền Xảo, chúng ta thấy ngài lần đầu, và chúng ta thấy ngài giả vờ bệnh. Đây là khéo léo trong phương tiện để có được người dân thành Tỳ Xá Ly viếng thăm ngài vì thế ngài có thể dạy pháp cho họ. Để cho họ được nghe lời dạy không vừa ý về thân này:

Này các đạo hữu, thân này là vô thường, mỏng manh, không đáng tin, và nhu nhược. Nó không có chắc thật, chóng tàn, thọ mạng ngắn ngủi, đau khổ, đủ thứ bệnh, và chóng thay đổi. Như thế, này các đạo hữu, thân này chỉ là cái bình chứa nhiều bệnh tật, hiền trí không nên dựa vào nó.

Tiếp tục như thế đến hai đoạn kể, ngài kết thúc với: Do đó, này các đạo hữu nên chán ghét thân như thế. Các đạo hữu nên thất vọng về nó và nên khởi lên niềm cảm mến thân Như Lai

Thân Như Lai là gì? Này các đạo hữu, thân Như Lai là Pháp thân, sinh trong sự giác ngộ. Thân Như Lai sinh trong kho tàng của công đức và trí tuệ. Thân này được sinh trong giới, định, tuệ, giải thoát và trí tuệ biết đã giải thoát. Thân này sinh trong từ, bi, hỷ, xả. Thân này sinh từ bố thí, tri giới, và nhẫn nhục.

Và tiếp đến một đoạn. Ở đây Duy Ma Cật chỉ ra sự đối lập của tham đắm dục lạc, và khổ hạnh ép xác. Con đường Trung đạo ở hai cực đoạn này là sự khao khát Thân Như Lai, thân này không phải thân vật lý, và cũng không chịu khổ của thân.

Ở đầu phẩm thứ ba Duy Ma Cật nghĩ, ta bị bệnh, nằm trên giường đau đớn, còn đức Như Lai, bậc thánh thiện, đã thành tựu viên mãn hạnh nguyện của bậc Giác ngộ, không thăm ta hoặc khởi lòng bi mẫn đến ta, và không phái ai đến hỏi thăm bệnh của ta.

Đức Phật biết điều Duy Ma Cật đang nghĩ, và trước hỏi từng đệ tử có tất cả năm trăm vị, và các vị Bồ tát (bao nhiêu? kinh không nói cho chúng ta biết) đến thăm Duy Ma Cật. Mỗi vị đều thừa nhận rằng họ không sẵn lòng đến thăm Duy Ma Cật và giải thích sự không tự nguyện của họ và kể lại câu chuyện trong lần Duy Ma Cật đến gần họ đang hành pháp hoặc dạy pháp. Trong mỗi trường hợp ngài dẫn dắt họ đến trách nhiệm hành hoặc dạy pháp sai, đó là, hành hoặc dạy không phù hợp. Bất luận là pháp hành họ chứng đắc hoặc pháp họ đang thuyết, là sai trong chính họ, đó là pháp không thích hợp-pháp không phù hợp với người hành trì hoặc nghe pháp vào lúc đó.

Trong phẩm thứ năm, Văn Thù Sư Lợi

Thăm Bệnh, cuối cùng Đức Phật tìm ra người muốn đến thăm cư sĩ, Văn Thù Sư Lợi, Bồ tát trí tuệ, ngày cả Văn Thù Sư Lợi, chúng ta được nói cho biết, phải vượt qua sự không tự nguyện của mình.

Bạch Phật, thật khó để ứng xử với Duy Ma Cật. Cư sĩ vốn có biện tài vô ngại về pháp thâm sâu. Ông rất lanh lợi trong ngôn từ và hòa giải các pháp nhị nguyên. Biện tài của ông không thể lay chuyển, và không ai đối đầu với sự uyên bác không náo núng của ông... như thế dù không ai trụ vững trước biện tài của mình, vẫn còn, được gia trì của Đức Phật, con sẽ đi thăm cư sĩ và đàm luận với ông trong khả năng của mình.

Kinh Duy Ma Cật Sở Thuyết là một vở kịch, và ở đây tính gây căng được dàn dựng- Văn Thù Sư Lợi, Bồ tát Trí tuệ, và cuộc gặp gỡ với Duy Ma Cật. Điều gì sẽ xảy ra?

Ngay sau đó trong đại chúng, Bồ tát, đại đệ tử, Đế Thích, Phạm thiên, Tứ Thiên vương, và chư thiên và tất cả có ý nghĩ này: Chắc chắn cuộc đàm luận của vị Pháp vương tử Văn Thù Sư Lợi và vị cư sĩ uyên bác sẽ có kết quả về Pháp thâm sâu và tất cả họ theo Văn Thù Sư Lợi để nghe.

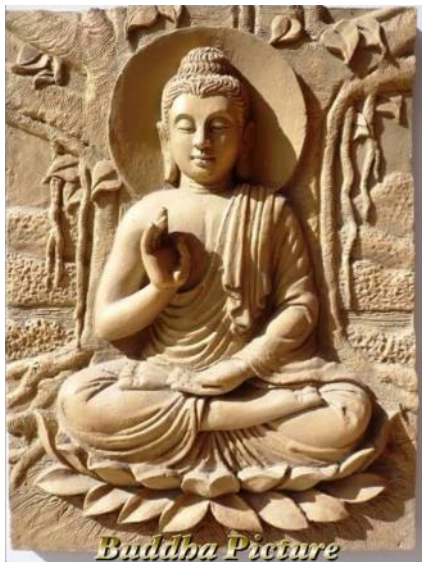
Duy Ma Cật, trong khi chờ đợi, đang nằm dưỡng bệnh trên giường, ngài biết Văn Thù Sư Lợi đang đến và biến hóa ngôi nhà trở nên trống rỗng.

Ngay cả người gác cổng cũng biến mất. Và, ngoại trừ chiếc giường bệnh Duy Ma Cật đang nằm, không có giường hoặc ghế có thể nhìn thấy ở đâu.

Đây không chỉ là một vở kịch, nó còn có ý nghĩa cao hơn. Duy Ma Cật vừa có thời pháp với thiện nam tín nữ của thành Tỳ Xá Ly về khổ đau vốn có trong thân vật lý, khuyến họ khao khát thân Như Lai. Bây giờ ngài biến ngôi nhà thành trống không. Không (*sūnyatā*) là bất nhị. Nó vượt qua phạm trù đối đãi bên này và bên kia, tốt và xấu, thiện và ác. Trong việc biến ngôi nhà thành trống rỗng Duy Ma Cật đang chuẩn bị cho chúng ta có sự thay đổi trong nội dung lời dạy của ngài, và nó đến ngay:

Văn Thù Sư Lợi ! mời Văn Thù Sư Lợi ! Nhân giả rất được chào đón ! Có nhân giả, không có sự đến. Nhân giả xuất hiện, không có sự thấy. Nhân giả đã nghe, không có sự nghe'. Văn Thù Sư Lợi nói: 'thưa Cư sĩ, như lời ông nói. Ai đến, rồi cuộc không đến. Ai đi, rồi cuộc không đi. Vì sao? Ai đến không biết đến. Ai đi không biết đi. Ai hiện diện rồi cuộc không có thấy.

Điều này có nghĩ gì? Duy Ma Cật và Văn Thù Sư Lợi đang trao cách diễn đạt chân lý, xa tận nơi mà họ được liên kết, như các ý Duy Ma



Cật, Văn Thù Sư Lợi, đến, có mặt, thấy, nghe, và đi, là trống rỗng- chúng chỉ là danh xưng, nhưng không cố gì lấy làm nghiêm trọng lắm. Chúng ta chuyển từ giáo lý Trung đạo đơn giản của Đức Phật tới triết lý Bất nhị rắc rối hơn của văn học Bát Nhã.

Sau đó Văn Thù Sư Lợi tiến đến mục đích của cuộc viếng thăm-ngài hỏi Duy Ma Cật về bệnh tình của ông, và Duy Ma Cật tuyên bố điều đã trở thành, ở Trung Hoa và Nhật Bản, lời đáp rất nổi tiếng:

Văn Thù Sư Lợi, bệnh của tôi đến từ vô minh và khao khát hiện hữu và nó sẽ khỏi miễn làm khỏi bệnh của tất cả chúng sinh. Tất cả chúng sinh khỏi bệnh, tôi cũng không bị bệnh. Vì sao? Văn Thù Sư Lợi, vì Bồ tát, thế gian chỉ gồm có những chúng sinh khổ, và bệnh là điều vốn có trong cuộc sống thế gian. Và tất cả chúng sinh khỏi bệnh, Bồ tát sẽ khỏi bệnh... Văn Thù Sư Lợi, Bồ tát thương chúng sinh như đứa con một của mình. Bồ tát bị bệnh khi họ bệnh và được trị lành khi chúng được trị lành. Ngài hỏi tôi, Văn Thù Sư Lợi, do đâu mà tôi bệnh, bệnh của Bồ tát sinh ra từ tâm đại bi.

(Nên nhớ rằng bệnh ở đây là phép ẩn dụ cho khổ (*dukkha*). Thử thay thế chữ bệnh cho chữ khổ ở đoạn trên và những đoạn khác nơi Duy Ma Cật giải thích về bệnh và có kết quả đáng chú ý).

Sau đó, Văn Thù Sư Lợi hỏi Duy Ma Cật một số câu hỏi, một trong số đó là 'Cư sĩ, một Bồ tát an ủi một Bồ tát bị bệnh thế nào? Lời đáp của Duy Ma Cật rất quan trọng:

Vị ấy nên nói với Bồ tát bị bệnh rằng thân là vô thường, nhưng không nên khuyên vị ấy từ bỏ hoặc chán ghét nó. Vị ấy nên nói với Bồ tát bị bệnh rằng thân là khổ đau, nhưng không nên khuyến khích vị ấy tìm sự khuây khỏa trong sự giải thoát.

Điều này có khác hơn điều Duy Ma Cật đã nói ở phẩm thứ hai, với người dân thành Tỳ Xá Ly. Ở đó, các vị nên nhớ, ngài nói với họ rằng thân là vô thường, khổ và vô ngã, và vì thế họ nên cảm thấy khiếm sợ nó, từ bỏ chấp thủ nó, và nên khao khát thân Như Lai, đó là giải thoát. Ở đây tuy nhiên, trong cách nói với Bồ tát ngài nói rằng, tuy thân này là vô thường, vị ấy không nên khuyên Bồ tát bệnh từ bỏ hoặc chán ghét. Ngay cả thân là khổ đau (*dukkha*), vị ấy không khuyến khích vị Bồ tát bệnh tìm an ủi trong giải thoát. Vị ấy nên làm gì kế tiếp?

Vị ấy nên khuyến khích Bồ tát bệnh đồng cảm với tất cả chúng sinh cùng với lời giải trình về bệnh của mình, nhớ lại khổ đau của mình đã trải nghiệm từ vô thủy, và ý thức về việc làm lợi lạc cho chúng sinh.

Khi nói cho người dân thành Tỳ Xá Ly Duy Ma Cật chỉ ra khổ đau vốn có trong thân này vì thế họ sẽ khao khát tới sự Giác ngộ. Nói với Bồ tát cũng nên biết như thế để họ cảm nhận được tâm bị mắc đối với những chúng sinh khác - như họ bị khổ đau, cũng là nỗi khổ

của tất cả chúng sinh, thay vì khao khát đến Giác ngộ vì lợi ích của mình, họ nên cố chuyển đổi nỗi khổ của kẻ khác. Tuy nhiên, Duy Ma Cật ở đây không có nói với các vị Bồ tát chọn con đường lợi tha thay vì con đường tới Giác ngộ. Điều sẽ được chọn một bên là nhị nguyên thay vì chọn một điều khác và Duy Ma Cật là người hòa giải vĩ đại của nhị nguyên đối đãi.

Thưa nhân giả, làm sao Bồ tát bị bệnh điều khiển tâm mình? Duy Ma Cật đáp, Văn Thù Sư Lợi, vị Bồ tát bệnh nên kiểm soát tâm theo cách suy xét sau: bệnh sinh ra từ toàn thể tiến trình của hiểu biết sai lầm từ vô thủy. Nó khởi ra từ tham là kết quả có từ cấu trúc tâm không thật, và do đó, rốt cuộc không có gì được nhận biết điều có thể được gọi là bệnh. Vì sao? Thân là sản phẩm của bốn đại, và trong những đại này không có chủ thể và không có tác nhân. Không có ngã trong thân này, và ngoại trừ chỉ cố khẳng định độc đoán về ngã, rốt cuộc không có 'tôi' là bệnh có thể cảm thấy rõ... điều nên loại trừ của bệnh này là gì? Đó là sự loại trừ ngã và ngã sở. Và điều nên loại trừ ngã và ngã sở là gì? Đó là thoát khỏi nhị nguyên đối đãi.

Lòng bi mẫn của Bồ tát được căn cứ trên trí tuệ- trí tuệ thấy xuyên thấu ý nghĩ lừa dối của tư ngã, từ sự mê mờ khởi ra nhị nguyên đối đãi bền ngoài bao gồm cả việc chứng đạt Giác ngộ hoặc cứu giúp kẻ khác. Sau đó một chút, trong kinh Duy Ma Cật làm rõ điều này trong đoạn nói về sự trói buộc và giải thoát, trong đó ngài nhấn mạnh tầm quan trọng của mối liên kết giữa Trí tuệ và Phương tiện quyền xảo.

Vậy sự trói buộc là gì và giải thoát là thế nào? Muốn giải thoát khỏi thế gian mà không dùng phương tiện quyền xảo là ràng buộc đối với Bồ tát. Để bước vào cuộc sống thế gian cùng với ứng dụng đầy đủ phương tiện khéo léo là giải thoát đối với Bồ tát... Trí tuệ không hợp nhất với phương tiện quyền xảo là ràng buộc, nhưng khi trí tuệ hòa nhập với phương tiện khéo léo là giải thoát. Phương tiện quyền xảo không hợp nhất với trí tuệ là ràng buộc, nhưng khi phương tiện quyền xảo hòa nhập với trí tuệ là giải thoát.

Nói cách khác, bất cứ tư tưởng nào về việc chứng đạt giải thoát cho tự thân không có giúp đỡ kẻ khác, đem lại kết quả ràng buộc, không phải giải thoát. Ngược lại, bất cứ tư tưởng nào về sự giúp đỡ kẻ khác mà không làm phát triển tâm linh của mình, cũng đem lại kết quả ràng buộc. Cả hai tư tưởng nhị nguyên đối đãi ấy đều có kết quả ràng buộc vì chúng được dựa trên thiên kiến sai lầm của ta và người, đó là căn nguyên của tất cả bệnh, tức là khổ đau.

(còn tiếp một kỳ)

Source:
<http://www.westernbuddhistreview.com>, volume 3,
December 2011

THÔNG ĐIỆP CỦA MỘT ĐÓA HOA



*Bạn chia sẻ xúc động
Khi chợt thấy đóa hoa
Một đóa hoa duy nhất
Trên cây Magnolia*

*Một đóa hoa vừa nở
Nào có gì lạ đâu!
Mà khiến tâm rung động
Bao cảm xúc thâm sâu!*

*Đóa hoa thắm lặng nở
Thắm lặng đón bước qua
Và mỉm cười thắm lặng
Sát na... từng sát na...*

Khi xưa, một thi sỹ ()
Cũng đã từng ngẩn ngơ
Trước đóa hoa Thước Dực
Nở bên hàng đậu thưa*

*Thi sỹ chợt cảm nhận
Không chỉ là đóa hoa
Đây là sự mâu nhiệm
Đây là lời hát ca...*

*Lời hát ca không dứt
Vì quà tặng thiên thâu
Bố-thí-ba-la-mật
Bên sụp lạy cúi đầu!*

*Bạn có đang cảm nhận
Như thi sỹ năm xưa?
Mà trong lời chia sẻ
Như đọng từng hạt mưa!*

*Mấy ai, người đồng cảm
Tơ rung trong nhịp tim
Nhân gian hờ hững lắm,
Tri kỷ biết đâu tìm!*

*Dù không như thi sỹ
Cúi đầu lạy bông hoa
Nhưng trong tôi, trong bạn
Biết hoa nở vì ta!*

*Hoa nở vì nhân loại
Thông điệp của vị tha
Cho, không chờ nhận lại
Hãy tỉnh mộng Nam-Kha!*

HẠNH CHI

(Tao-Khê Tịnh Thất, ghi lại
một nét đẹp không lời)

(Trong khóa tu 24/24, tại Trang Nghiêm Tịnh
Độ Đạo Tràng, tỉnh Perris, khi kinh hành
ngoài sân, một đạo hữu đã bất chợt chạm
được sát na mâu nhiệm này!)

(*) Thi sỹ Quách Thoại, tác giả bài thơ Hoa
Thước Dực, trong nhiều thập niên qua đã
trở thành biểu tượng của nét đẹp tinh thần
toàn bích khi sự “cảm thông” đã đạt tới
“không thể nghĩ bàn”:

Hoa Thước Dực
*Đứng yên bên hàng đậu
Em mỉm nụ nhiệm mâu
Lặng nhìn em kinh ngạc
Vừa thoáng nghe em hát
Lời ca em thiên thâu
Ta sụp lạy cúi đầu.*

thơ

VƯỢT QUA MƯỜI HAI XỨ

Nguyễn Giác

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

Trước tiên, nên thấy rằng Phật giáo là pháp xuất thế gian, pháp để thoát khổ, pháp để xa lìa ba cõi -- không phải pháp thế gian chỉ thuận để thư giãn hay chữa bệnh, tuy rằng vẫn có vô lượng hiệu ứng phụ giúp người trần nhẹ gánh.

Nói thoát khổ như thế, nghĩa là thoát ra khỏi sinh tử luân hồi. Nghĩa là thoát ra khỏi những buộc ràng, những phiền trước của tất cả các kinh nghiệm của chúng ta luân hồi trong ba cõi – tức là sáu nội xứ (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý) và sáu ngoại xứ (cái được thấy, cái được nghe, cái được ngửi, cái được nếm, cái được chạm xúc và các được tư niệm).

Trong Kinh Sabba Sutta (Kinh Tất Cả -- SN 35.23), bản Việt dịch của Ngài Thích Minh Châu viết: "...*này các Tỷ-kheo, thế nào là tất cả? Mắt và các sắc; tai và các tiếng; mũi và các hương; lưỡi và các vị; thân và các xúc; ý và các pháp. Như vậy, này các Tỷ-kheo, gọi là tất cả.*" (1)

Một bài kệ của Ngài Bồ Đề Đạt Ma, khi tóm tắt tông chỉ Thiền Tông, đã nói tới mười hai xứ này (nơi đây, chúng ta trích bốn câu, thay vì đầy đủ là tám câu trong phần Nhị Chung Nhập của sách Thiếu Thất Lục Môn):

*Ngoại tức chư duyên,
Nội tâm vô đoạn,
Tâm như tường vách,
Khả dĩ nhập đạo.*

Có thể dịch là: Bên ngoài dứt bật muôn duyên, bên trong không còn tư lường tâm hơi mạnh mỗi gì, tâm y hết như tường vách, mới có thể vào đạo.

Bên ngoài là nói sáu ngoại xứ, bên trong là nói sáu nội xứ. Nếu lúc nào cũng thấy được tâm như thế, tất nhiên không cần tu gì nữa, làm gì cũng chỉ là thêm sương trên tuyết.

Đọc Tạng Pali, chúng ta sẽ thấy bốn câu thơ với mười sáu chữ trên là dịch rất sát nghĩa từ Kinh Trung Bộ MN-138 (Uddesavibhaṅga Sutta - Kinh Tổng thuyết và Biệt thuyết), bản Việt dịch của Ngài Thích Minh Châu là, trích:

"Thế Tôn nói như sau: —Này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo cần phải quán sát một cách như thế nào để thức của vị ấy đối với ngoại trần không

tán loạn, không tán rộng, tâm không trú trước nội trần, không bị chấp thủ quấy rối. Này các Tỷ-kheo, nếu thức đối với ngoại trần không tán loạn, không tán rộng, tâm không trú trước nội trần, không bị chấp thủ quấy rối, sẽ không có tập khởi, sanh khởi của khổ về sanh, già, chết trong tương lai.

Thế Tôn nói như vậy. Nói như vậy xong, Thiện Thệ từ chỗ ngồi đứng dậy rồi bước vào tinh xá." (2)

Mấy chữ "tâm như tường vách" trong bản Việt dịch là "không bị chấp thủ quấy rối," trong bản Anh dịch của Thanissaro Bhikkhu là "from lack of clinging/sustenance he would be unagitated..."

Nếu trực tiếp an tâm được như thế, là xong. Nhưng, giả sử, nếu còn vướng bận, còn thấy chút tâm hơi mạnh mỗi trong tâm, làm sao để tu tập?

Nơi đây, chúng ta nói về hai pháp: hoặc ly tham, hoặc nhận ra tự tánh Không của các pháp.

Thứ nhất, nói về pháp ly tham. Trong nhóm Kinh Tương Ưng, có 3 bản kinh có các đoạn cuối y hết nhau về ly tham: Kinh SN 22.53, Kinh SN 22.54, Kinh SN 22.55.

Nơi đây, chúng ta trích đoạn cuối Kinh SN 22.55, bản Việt dịch của Ngài Thích Minh Châu:

"Này Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo đoạn tận tham đối với thức giới, do tham được đoạn tận, sở duyên được cắt đứt, chỗ y chỉ của thức không hiện hữu.

Không có chỗ y chỉ như vậy thức không tăng trưởng, không có hành động, được giải thoát; do giải thoát nên được kiên trú; do kiên trú nên được tri túc; do tri túc nên không có ưu não; do không có ưu não nên tự mình cảm thấy tịch tịnh hoàn toàn. Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa..."" (3)

Nghĩa là, hễ ly tham được là bên ngoài cắt đứt sở duyên, bên trong thức không chỗ bám (không chỗ y chỉ) và như thế là kiên trú, tịch tịnh, và giải thoát.

Cũng nên ghi nhận thêm rằng, Kinh itivut-

taka-1 trong Tiểu Bộ Kinh ghi lời Đức Phật rằng hễ ly tham là chắc chắn đắc quả A na hàm (Bất Lai, tức Thánh quả thứ ba). Học giả John D. Ireland trong tác phẩm "The Udana and the Itivuttaka" (Kinh Cảm Hứng Ngữ và Kinh Phật Thuyết Như Vậy) nơi phần chú thích ở trang 217 (ấn bản 2007), viết rằng ly tham ái (sensual lust) sẽ đắc quả Bất Lai, nhưng ly được tham hữu (greed for being) mới là A La Hán.

Về ly tham, cũng có thể dẫn ra Kinh Sn 4.1 (Kama Sutta: Kinh về tham dục) trong nhóm Kinh Nhật Tụng Sơ Thời (4) – nơi đây Đức Phật dạy: "...khi xa lìa tham dục, sẽ vượt qua trần lụy, hết như ghe được tát nước và qua tới Bờ Bên Kia."

Thứ hai, nói về pháp nhận ra tự tánh Không của các pháp. Cũng có nghĩa là nhận ra các pháp vốn thực là vô ngã.

Thí dụ như âm nhạc làm mê đắm lòng người, nhưng khi chẻ cây đàn ra làm trăm hay ngàn mảnh, cũng không ai tìm được âm thanh ở đâu. Nghĩa là, các pháp duyên vào nhau mới hiện ra trước mắt và bên tai chúng ta, nhưng thực tướng chính là rỗng rang vô tướng.

Kinh Tương Ưng SN 35.242 (Dutiya-dārukkhandhopama Sutta -- Kinh Đờn Tỳ Bà), bản Việt dịch của Ngài Thích Minh Châu viết, trích:

"Ví như, này các Tỳ-kheo, một vị vua hay đại thần của vua từ trước chưa từng được nghe tiếng đàn tỳ bà, nay được nghe tiếng đàn tỳ bà, vị ấy nói: "Này Bạn, tiếng ấy là tiếng gì, khả ái như vậy, khả lạc như vậy, mê ly như vậy, say đắm như vậy, hấp dẫn như vậy?" Họ nói với vị ấy: "Thưa Tôn giả, đây là đàn tỳ bà, với tiếng khả ái như vậy, mê ly như vậy, khả lạc như vậy, say đắm như vậy, hấp dẫn như vậy". Vị ấy nói như sau: "Hãy đi và đem đàn tỳ bà ấy về cho ta". Họ đem đàn tỳ bà về cho vị ấy, và nói như sau: "Thưa Tôn giả, đàn tỳ bà này với tiếng khả ái như vậy, khả lạc như vậy, mê ly như vậy, say đắm như vậy, hấp dẫn như vậy". Vị ấy bèn nói: "Thôi vừa rồi đối với ta về đàn tỳ bà này. Hãy đem tiếng lại cho ta". Họ thưa với vị ấy: "Thưa Tôn giả, cái này được gọi là đàn tỳ bà, gồm có nhiều thành phần, gồm có số lớn thành phần. Nhờ nhiều thành phần này nên đàn phát âm. Như duyên cái bầu, duyên cái da, duyên cái cán, duyên cái đầu, duyên cái dây, duyên cái cung, duyên nỗ lực thích nghi của người. Như vậy, thưa Tôn giả, cái này gọi là đàn tỳ bà, gồm có nhiều thành phần, gồm có



số lớn thành phần. Nhờ gồm nhiều thành phần này nên đàn phát âm". Rồi vua ấy đập đàn tỳ bà ấy ra thành 10 mảnh, 100 mảnh; sau khi đập bể đàn tỳ bà ấy ra thành 10 mảnh, 100 mảnh, vị ấy chẻ thành từng miếng nhỏ; sau khi chẻ thành từng miếng nhỏ, vị ấy lấy lửa đốt; sau khi lấy lửa đốt, vị ấy vun lại thành đồng tro; sau khi vun lại thành đồng tro, vị ấy đem quạt đồng tro lớn ấy trước làn gió mạnh, hay để chúng trôi theo dòng nước sông chảy mạnh. Rồi vị ấy nói: "Thật là hạ liệt, cái gọi đàn tỳ bà này, dầu cho tỳ bà là cái gì. Ở đây, đại chúng thường phóng dật, bị hướng dẫn sai lạc".(5)

Hễ thấy các pháp rỗng rang không thể nắm bắt như tiếng đàn tỳ bà, lập tức mười hai xứ sẽ tịch tịnh, không có gì cần phải mài giũa nữa. Một khi đã thấy tự tánh Không này xong, trọn đời chỉ cần giữ cái nhìn này; Thiên Tôn gọi là, sau khi ngộ được thực tướng các pháp là vô tướng, phải bảo nhiệm cái nhìn này để tập khí phiền não nhạt dần.

Trong nhóm kinh được chú tạng tụng hàng ngày khi Đức Phật sinh tiền, có bản kinh Sn 5.15 Mogharaja-manava-puccha cũng dạy rất cô đọng, rằng hãy luôn luôn tỉnh thức và nhìn tất cả các pháp rỗng rang như thế, trích:

"Hỡi Mogharaja, hãy luôn luôn tỉnh thức và nhìn thế giới như rỗng rang, với cái nhìn về tự ngã đã bứng gốc, người đó sẽ vượt qua sự chết. Thần Chết không thể thấy người đã nhìn thế giới này như thế." (4)

Như thế, chúng ta thấy rằng nhiều kinh trong tạng Pali là cội nguồn cho các câu thơ trên của Ngài Bồ Đề Đạt Ma, người đã khai sáng ra Thiền Tông.

GHI CHÚ:

(1) Kinh SN 35.23 (Kinh Tất Cả): <https://suttacentral.net/sn35.23/vi/minhchau>

(2) Kinh MN-138 (Kinh Tổng Thuyết và Biệt Thuyết): <https://suttacentral.net/mn138/vi/minhchau>

(3) Kinh SN 22.55 (Kinh Lời Cảm Hứng): <https://suttacentral.net/sn22.55/vi/minhchau>

(4) Kinh Nhật Tụng Sơ Thời: <https://thuvienhoasen.org/p15a30590/kinh-nhat-tung-so-thoi>

(5) Kinh SN 35.242 (Kinh Đờn Tỳ Bà) <https://suttacentral.net/sn35.242/vi/minhchau>

HÒA THƯỢNG HEO

Ngày xưa ở một ngôi chùa
Trụ trì là một thiền sư lâu đời
Thầy tu từ thuở thiếu thời
Cùng ngày với chú heo nuôi trong chùa
Mọi người tuổi đạo đều thua
Cho nên thầy cứ gọi đùa heo ta
Là "Heo Hòa Thượng" chùa nhà,
Heo ăn, heo ngủ thật là nhàn thay
Rồi heo bài tiết hàng ngày
Dùng làm phân bón vườn cây cho người.
Heo ăn mập mạp thành thoi
Không ngồi dậy nổi, nằm nơi góc chuồng
Nhưng khi nghe vọng tiếng chuông
Dù cho mệt mỏi, đêm trường, canh khuya
"Heo Hòa Thượng" góc chuồng kia
Đầu luôn ngóc dậy hướng về chùa trên
Thiền sư hoan hỉ vô biên
Chỉ heo thầy dạy: "Chớ nên coi thường
Muôn loài Phật tánh rõ ràng
Súc sanh nào có khác chẳng con người!".



*
Một hôm có khách tới chơi
Nhờ thầy chút việc nên mời đi xa
Thầy dặn tăng chúng chùa nhà
Nếu "Heo Hòa Thượng" ông mà tịch đi
Thân ông từng miếng cắt chia
Biểu cho lời xóm cận kề gần đây!"
Dặn xong thầy vội đi ngay,
Cả chùa ngẫm nghĩ: "Lời thầy lạ thay!"
Nào ngờ mới có một ngày
Là "Heo Hòa Thượng" lăn quay lìa trần
Cả chùa hết sức phân vân
Nếu theo thầy dặn chia phần thịt ra
Sợ đời dị nghị gần xa
Tu hành giới luật chùa nhà chẳng theo,
Sau khi bàn luận đủ điều
Bèn đem chôn cất chú heo sau vườn
Thầy về sẽ sám hối luôn
Không làm đúng lệnh, chẳng tuân theo lời.
Khi thiền sư về tới nơi
Thầy nghe rõ chuyện, thở dài kể ra
Rằng "Heo Hòa Thượng" chùa ta:
"Chỉ còn một kiếp cuối là xong xuôi
Qua cầu, giải thoát luân hồi
Tuy nhiên định nghiệp sẵn rồi tránh sao
Kiếp này phải bị loạn đao
Phân thân nhiều mảnh dễ nào thoát qua,
Cho nên muốn giúp ông ta
Sau khi ông chết cắt ra chia phần
Phát cho dân chúng ở gần
Đừng đem chôn dưới mộ phân làm chi
Bây giờ việc đã lỡ đi
Chắc 'Heo Hòa Thượng' lại về đầu thai
Trả xong định nghiệp của người
Để rồi mới thoát luân hồi khó đau!".

Mọi người nghe kể buồn rầu
 Trong lòng hối hận! Ngờ đâu sự tình!
 Thiên sư an ủi: "Duyên lành
 Thời gian thấm thoắt trôi nhanh trong đời
 Các con rồi gặp lại người"
 Cả chùa nghe nói ngậm ngùi, xót xa.

Đem ra xử tại pháp trường
 Phân thân nhiều mảnh làm gương cho đời.
 Cả chùa sừng sốt rưng rờ
 Ngậm ngùi thương xót tiếc người đạo tâm.
 Trụ trì buồn bã vô ngần
 Vì cùng quan huyện kết thân lâu ngày.
 Xưa kia ở tại chùa này
 Nuôi "Heo Hòa Thượng" cũng tay trụ trì
 Chăm nom săn sóc mọi bề
 Lo cho heo sống tới khi qua đời.

*

Thế rồi một buổi đẹp trời
 Trụ trì ngồi ở một nơi tọa thiền
 Chợt nghe vắng tiếng diệu hiền
 Dường như quan huyện hiện bên cạnh ngài
 Mỉm cười hòa nhã khoan thai
 Âm thanh như gió thoảng ngoài bến mơ:
 "Tôi 'Heo Hòa Thượng' ngày xưa
 Tâm thành ghé đến tạ từ chùa đây
 Từ nay xin vĩnh biệt thầy
 Tạ ơn tri ngộ lòng này riêng mang!"
 Trụ trì dụi mắt bàng hoàng
 Một trời quá khứ thên thang hiện về
 Nhớ ra mọi chuyện xưa kia.

(Thi hóa phỏng theo
 Truyện Cô Phật Giáo)

thơ

TÂM MINH NGÔ TẶNG GIAO

Tháng ngày lần lượt trôi qua
 Hai mươi năm thoáng như là mơ thôi
 Thiên sư giờ đã qua đời
 Trụ trì chùa cũ có người lên thay.
 Thế rồi bỗng tới một ngày
 Có tin quan huyện vùng này lại thăm.
 Huyện quan tuổi trẻ, tài năng
 Vừa về nhậm chức một năm chưa tròn,
 Quan vào lễ Phật chùa trong
 Thắp nhang đánh lễ một lòng thành tâm
 Rồi ra đạo khắp xa gần
 Luyến lưu như thể cố nhân chùa nhà.
 Những khi rảnh việc quan nha
 Là quan huyện lại ghé qua thăm chùa
 Tới lui thân mật chuyện trò
 Dần dà duyên Đạo khiến cho đậm đà.
 Thời gian thấm thoắt trôi xa
 Một ngày tin dữ loan ra thành linh
 Răng quan bị triệu về kinh
 Tội danh phản nghịch, triều đình chẳng nương

THỰC HIỆN LÒNG TỪ

By **GYATSO**
Cư sĩ Liên Hoa dịch

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

L.T.S.: Tưởng nhớ Cư sĩ Liên Hoa, người bạn đạo hiền lành khả kính, cũng là một văn thi hữu luôn ủng hộ nguyệt san Chánh Pháp từ bài vở đến tài chánh.

Cư sĩ Liên Hoa pháp danh Thiện Pháp, tự Nhật Minh, bút hiệu Liên Hoa; là nhà thơ, nhà nghiên cứu Phật học; chủ biên Trang Nhà Liên Hoa: www.lien-hoa.net

Cư sĩ đã vãng sinh vào ngày 28/2/2012.



Sự chia sẻ và từ tâm cũng như mong muốn cứu giúp những người bất hạnh và khổ đau, đều được các tôn giáo lớn ngưỡng mộ, khen ngợi là đạo đức, và cũng là một trong hai nền tảng của đời sống gương mẫu của người theo đạo Phật: hiểu rõ sâu xa về nguồn gốc của khổ đau và làm thế nào để cứu giúp tạm thời, sau đó chuyển hoá tận gốc rễ của nó.

Tất cả chúng sinh đều bị trôi lăn theo Bánh Xe Luân hồi, khi thì trở thành người, lúc thì thú vật, lúc rơi vào địa ngục, hoặc là ngạ quỷ hay cõi trời và dù ở cảnh giới nào khi bị khổ đau, mọi sinh linh đều là đối tượng cần đến của lòng từ.

Người Thầy đầu tiên của tôi, Lama Thubten Yeshe khi chứng kiến cảnh tranh cãi, chỉ trích, ganh ghét, giận dữ lẫn nhau... giữa các sinh viên người Tây phương, đã nói rằng: "Các bạn thật là kỳ lạ, hình như chỉ có lòng thương đối với các súc vật, hơn là giữa các bạn với nhau."

Bạn vẫn còn bị mâu

thuẫn với vấn đề như là cảm thấy khó khăn khi chia sẻ tình thương và quan tâm đến sự an lạc của kẻ thù hoặc người thường có thái độ công kích giá trị của mình, vì chúng ta nhìn ra ngoại giới dựa trên căn bản đạo đức của xã hội, nơi mà bạn trưởng thành, được hun đúc theo khuôn mẫu bởi kinh nghiệm, đức tin, và giá trị đạo đức có sẵn. Dĩ nhiên, ta chấp chặt là giá trị đạo đức của mình tốt nhất, hoặc ngược lại, thì bạn không cần đến, ví như khi bị những gì gây đụng chạm đến bản ngã, thì tự nhiên, bạn phản ứng lại không cần biết đến quan điểm của kẻ khác, nên trở thành chai sạn, bảo thủ và đánh mất lòng từ.

Mặc dù rất cố gắng để không trở thành người độc đoán, nhưng trong lòng bạn, rất nhiều bảo thủ, dù không hẳn hoàn toàn, vì vẫn còn cơ hội để bạn có thể vượt qua con đường mà Lama Yeshe

từng quan sát, nhận xét về hành xử của những người khác và truyền trao lại cách hoá giải tùy theo căn cơ của họ. Điều này thật rất tốt, ví như thái độ khiêm cung cần có, nhưng dù thực hiện được hay không, cũng tùy thuộc vào lòng chân thành của từ tâm và có tuệ giác.

Với mục đích duy nhất giúp đỡ kẻ khác, bạn có thể đóng vai trò của một người nông dân hoặc mang bất cứ vai trò gì của xã hội, mà họ cần cầu đến, không cần dán bất cứ nhãn hiệu đặc biệt riêng của một người nào.

Giải thoát thực sự đến từ tâm, nên bạn có thể chọn bất cứ hình trạng nào để làm ích lợi cho tha nhân và mình là soạn giả. Ai cũng muốn đời sống được an lạc, nên bạn có thể giúp đỡ tha nhân mà không làm gì sai lạc nghiêm trọng, một khi đã có chánh niệm đúng và sai - và bạn không cảm thấy cần phải nghiêm túc bảo vệ con đường được chọn và phản ứng lại bằng các hành vi trái ngược, vì như vậy, sẽ làm bạn thất bại trong khả năng giao tế với người khác. Cho nên, không thể nhìn sự việc đúng hay sai, vì con người quan trọng hơn mọi nguyên tắc, và có thể chuyển hoá, còn nguyên lý thì cố định.

Để thực hành lòng từ, trước nhất là bạn nên trực tiếp giúp đỡ họ nhu cầu về thức ăn, chỗ ở, thuốc men v.v... Nhưng điều đó chưa đủ, mà bạn cần phải ngăn chặn nguyên nhân, gốc rễ của đau khổ, được Đức

Phật dạy đó là các hành vi bị thúc đẩy bởi bản ngã, tham lam, và sân hận. Để thuyết phục cho mọi người từ bỏ thói quen bị sai khiến bởi các hành động này, bạn phải có khả năng giao tiếp, tiếp cận và giáp mặt tùy theo căn cơ của họ.

Bao lâu trong vai trò diễn viên, mà bạn luôn tỉnh thức, có nghĩa là bạn sẽ thoát ra khỏi sự âu lo về lòng tin hoặc sợ hãi làm sai lại nguyên tắc của bạn. Bạn không cần nguyên lý để có lòng từ, khi điều đó nhiều lần gây trở ngại cho từ tâm có mặt. Lòng từ đến từ tuệ giác, và cổ mục đích hoàn thiện cuộc sống thực tại mà không ai có thể phủ nhận. Lòng từ bị đem lại hạnh phúc và trợ giúp tha nhân, đồng thời, sự trải nghiệm khi ban tặng tình thương và từ bi, sẽ làm thăng hoa hạnh phúc và an lạc.

Bây giờ con đường bị tâm được mở, nhưng, bạn thắc mắc là tại sao nên có lòng từ bi đối với những hữu tình nguy hiểm? Bạn có nên vui mừng khi họ đau khổ như hậu quả mà họ phải trả? Câu trả lời là dứt khoát không. Cho dù đau khổ là được xem như là sự trừng phạt của Thượng đế hoặc các nghiệp xấu chín muồi, bạn cần phải có lòng từ bi với họ, vì tất cả chúng sinh đều giống nhau - đơn giản chỉ là cố gắng tìm hạnh phúc - và, vì họ nhận thức sai lầm về các nguyên nhân thực sự hạnh phúc và bất hạnh, như bạn đã từng phạm vấp phải. Do đó, bạn cần lòng tha thứ cho những sai lầm của con em chúng ta và yêu thương chúng. Nhưng, tại sao bạn phải yêu thương tất cả mọi người khác? Bởi vì trong cuộc sống của quá khứ, nhiều lần, chúng ta từng có các mối quan hệ nhân duyên với tất cả các sinh linh khác, họ đã từng vô cùng tốt với bạn, và đó là điều tự nhiên, bởi vì tất cả chúng sinh đều cùng chung một gia đình.

Tôi học được những lời dạy này từ Lama Yeshe, người thực hành lòng từ một cách thành tựu và giảng dạy lại cho chúng ta, nhưng bạn vẫn phải nỗ lực vượt qua rào cản với chính thái độ chấp ngã của mình, khi thực hiện từ tâm. Tuy nhiên, những thói quen xấu không thể thay đổi trong thời gian ngắn, mà cần nuôi dưỡng những chất liệu tâm từ từng chút một trong đời sống hàng ngày của bạn.



TÂM XUÂN

*Lối về chùa thoảng hương mùi cỏ mật
Cây bồ đề trở lộc bé xinh xinh
Cội mai già hoa vàng che khuất lá
Mấy nhành lan lay nhẹ nắng lung linh*

*Câu đối đỏ, thắm duyên màu mực mới
Nét bút xuân, thư đạo thảo như tranh
Nương theo gió, khẽ rung mùa xuân tới
Chuông ngân xa, ru hồn ấm mộng lành*

*Hùng bảo điện uy nghiêm thân tướng hảo
Năm vóc gieo quỳ lạy Phật từ hòa
Tâm thiết tha nương phước lành Tam Bảo
Chiếu quang minh trí huệ đến muôn nhà*

*Sáng đầu xuân hân hoan tràn hỷ lạc
Sánh bên nhau chúc Tết, vãn an Thầy
Vẫn chiếc quạt trên tay làn chuỗi hạt
Dáng người hiền trong vạt áo sẫm nâu*

*Cười an lạc Thầy từ bi ban tặng
Câu chúc xuân Di Lạc, phút thiêng liêng
Tạ ơn Thầy, con nay xin gìn giữ
Thân khẩu ý không làm lỗi ưu phiền*

*Dang đôi tay đón ánh mai thanh tịnh
Tâm nở hoa những đóa ngát hương thiên
Bầu trời xanh én bay không lưu dấu
Sóng gợn hồ, mây trắng chẳng chìm sâu...*

thơ **TUỆ-NHA**

Bắt chước Thầy

TN. NHƯ THỦY

TƯ TƯỞNG PHÁT HỌC

Thủ xưa tại một vùng biên địa hạ tiện dẫn chúng đều mù chữ. Mỗi cho đến một hôm có người đến tự xưng là thầy giáo đến thăm làng và đồng dục tuyên bố:

“Mọi người ai ai cũng có khả năng biết chữ hết. Nhiệm vụ của tôi khi xuất hiện ở ngôi làng này là giúp cho bà con cô bác phát triển khả năng đó, để thành một người biết chữ như tôi không khác.”

Mọi người nghe nói đều hồ hởi phấn khởi với sự hướng dẫn của thầy giáo. Nhiều lớp học được thành lập, nhiều người đến lớp học. Thầy giáo phát cho mỗi người một quyển văn A B C.

Trong nhóm người tụ hội nơi lớp học người ta ghi nhận có những sự kiện sau:

Một số người cho rằng khả năng biết chữ chỉ là một ân sủng thiên liêng dành cho hạng người ưu tú nhất trong nhân loại, nên sau khi trêu chọc số người ghi danh học, họ bỏ về.

Riêng phần học trò với chút ít niềm tin rằng mình có thể biết chữ, đã tìm cách phát triển khả năng ấy bằng những cách như sau:

1- Những người rất cảm kích trước tấm lòng của thầy giáo đã khổ công lặn lội đến đây, nên họ xin ảnh của thầy giáo về thờ chung với quyển văn A B C, sớm hôm lễ bái dâng hương hoa không hề chểnh mảng.

2- Hạng người kể vô cùng cảm phục tài năng của thầy giáo nên cùng nhau rắp tâm bắt chước thầy từ cách đi đứng, nói năng, ăn mặc đến nếp sinh hoạt hàng ngày. Họ bắt chước tài tình đến độ giống thầy giáo như đúc có khác chẳng là họ hoàn toàn không biết chữ.



Dĩ nhiên bằng lối học trên, chúng ta dự đoán được kết quả là sau bao nhiêu cố gắng không anh học trò nào biết chữ cả.

Em thân mến!

Câu chuyện được dừng lại nơi đây vì trên thế gian này không có một lớp học nào kỳ quặc như thế cả. Các học trò đi học dần dần đều được biết chữ hết. May mắn biết là chừng nào... Nhưng còn chúng ta, những người học Phật và chưa giác ngộ (như Phật), có nên xét lại lối học của mình

không? Như ông thầy giáo kia, chư Phật đều tuyên bố: “Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh và chư Phật ra đời đều một lý do duy nhất: chỉ cho chúng sanh nhận ra và hằng sống với tri kiến Phật của chính mình.” Và chúng ta đã học đạo giác ngộ bằng cách nào?

Nếu chúng ta chỉ tôn thờ lễ bái và cúng dường kinh tượng bên ngoài thì coi chừng, ta sẽ vấp phải lỗi lầm của hạng học trò thờ cuốn văn A B C như trên.

Hoặc chúng ta chỉ hâm mộ tôn kính thầy, tổ chư Phật, rồi rập khuôn cuộc đời ta y hệt như cuộc sống của những người mà ta hâm mộ thì có lẽ, bề ngoài chúng ta sẽ có một cái vỏ đỉnh đạc nghiêm trang, nhưng bên trong lại đầy đầy phiền não, tương tự như hạng học trò bắt chước thầy trên không khác.

Vậy thì chúng ta học Phật bằng cách nào đây?

(Nguồn: Hư Hư Lục)



ĐƯỜNG XƯA

*Có những bước chân qua chừa hê mắt dẫu
Bụi thời gian phủ lấp giữa truông ngàn
Con cúi nhặt nâng niu từng hòn cuội nhỏ
Dựng lại con đường xưa cũ giữa nhân gian.*

thơ

Kính dâng Ôn Tuệ Sỹ
Con
KHÁNH NĂNG

Về Phương Đông

TN HUỆ TRÂN

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

"Hãy lên đường! Kia, mặt trời rực rỡ!"

Lữ khách đã nghe theo tiếng gọi thầm thì tự thẳm sâu tiềm thức, vững tin và vững tâm mà đi như thế.

Túi vải đã rách, áo đã sờn vai, đôi giày đã lủng, bàn chân từng sưng húp, nhưng lữ khách như không sờn lòng.

"Hãy lên đường! Kia, mặt trời rực rỡ!"

Lữ khách đã leo qua nhiều ngọn đồi, lội qua nhiều dòng suối, đi ngang nhiều phố thị, vượt nhiều khu rừng, ngủ dưới gốc cây, tắm bên sông cạn Lữ khách không nhớ cuộc hành trình bắt đầu từ đâu, càng không biết sẽ kết thúc ở đâu vì mỗi ban mai, mặt trời rực rỡ phương đông lại mời gọi lên đường.

Và, lòng tràn ngập tin yêu, hoan hỷ, lữ khách đeo túi vải lên vai, thanh thản cất bước.

Trên con đường thăm thẳm, lữ khách từng nghe bao tiếng rên siết của đau thân, bao tiếng nức nở của đau tâm, bao tiếng than thở của sinh ly tử biệt; cũng đã từng thấy bao dãi trã, ác độc ẩn hình dưới những bàn tay sắt bọc nhung; từng thấy những cho, rồi đòi lại, những nhận, rồi vô ơn ... tất cả quyện thành muôn sợi giây oan nghiệt vô hình, ràng buộc thống khổ nhân gian, đời này qua đời khác, kiếp này qua kiếp khác, không dứt, không thôi. Giòng đời vui ít, khổ nhiều luôn hiển lộ rõ ràng như vậy, nhưng dường như nhân thế vẫn hồn nhiên như đám thiêu thân theo nhau lao vào ánh đèn để quần quai, và để tiếp tục khóc than!

Lữ khách cũng từng gặp những vị sa môn ôm bình bát, lặng lẽ đứng bên lề nhân thế, hiện thân của nhân-nhục-bất-động trong an-lạc-tự-tâm; từng gặp những đoàn thiên hành áo nâu, bước thong dong chánh niệm, hiện thân của "Niệm vô niệm niệm. Tu vô tu tu. Đắc vô đắc đắc" tỏa năng lượng mạnh mẽ tới bất cứ ai nhìn thấy họ.

Lữ khách đã từng ghé nhiều cửa Phật, từng nghe giảng sư hỏi đại chúng: "Làm sao để thấy được bản-lai-diện-mục?" Đại chúng thưa: "Dạ, siêng lau gương tâm." Giảng sư mỉm cười: "Gương vốn sáng, sao phải lau? Gương mờ là vì bụi. Lau bụi thì thấy gương thôi."

Nghe được lời dạy đó, lữ khách từng tuân

theo hạnh của ngài Chu-Lợi-Bàn-Đà-Già, một hành giả khả năng vốn chậm hiểu, được Đức Phật khai thị để trở thành một, trong những đại đệ tử, chứng quả A La Hán và biện tài thần thông qua hành trì câu kệ đơn giản: "Tẩy sạch bụi bẩn."

Với chiếc khăn trắng tinh sạch của chánh niệm, lữ khách cẩn trọng, chậm rãi lau bụi tâm theo từng tờ lịch rơi:

*"Tháng lạnh,
Em chưa về cuối đông
Hỏi thăm lối sỏi, bụi gai hồng
Sỏi ngâm ngô gọi sương đêm trắng
Mai, thấy trời xanh ngọn cỏ bông*

*Tháng mưa,
Em ngại hải nhung ướt
Bỏ mặc chim uyên dưới cội đào
Phiên kinh Bát Nhã ngân nga tụng
Ngõ gập tiền thân,
Tự thuở nào*

*Tháng nắng,
Em qua suối một mình
Sỏi nghiêng vành nón thấy lung linh
Bóng ai?
Như gã Trương Chi ấy!
Khua mái chèo,
Chôn chặt khối tình!..."*

Không biết sau bao tháng, bao năm, bỗng một ngày, lữ khách hốt hoảng nhận thấy chiếc khăn đã lấm dầy bụi bẩn; bụi tham, sân, si của mong cầu, vay trả, oán hờn...

Nhìn quanh, chợt thấy đang đứng bên bờ sông cũ, nơi từng nghe tiếng chuông mời gọi vọng tới từ một ngôi chùa.

Cũng như năm xưa, lữ khách nương tiếng chuông mà đi. Ngược nhìn bầu trời trong xanh, lữ khách thấy mặt trời đang đứng bóng, vàng rực.

Tiếng chuông và Phương Đông đang là một.

Phấn khởi, lữ khách bước nhanh, tâm không ngừng niệm thầm "Tẩy sạch bụi bẩn. Tẩy sạch bụi bẩn. Tẩy sạch bụi bẩn. Nam Mô



Tôn Giả Chu-Lợi-Bàn-Đà-Già. Nam Mô Tôn Giả Chu-Lợi-Bàn-Đà-Già."

Tiếng chuông đã rõ ràng, lạnh lót ngân vang khi lũ khách đứng trước chánh điện một ngôi chùa nhỏ.

Cũng cảnh trí năm xưa, đại chúng gồm mọi thành phần nam phụ lão ấu đang được một vị Thầy còn trẻ hướng dẫn lễ lạy bộ sám pháp Lương Hoàng Sám:

*"Chí tâm đánh lễ, Nam Mô Di Lặc Phật
Nam Mô Thích Ca Mâu Ni Phật
Nam Mô Pháp Thiên Kính Phật
Nam Mô Đoạn Thế Lực Phật
Nam Mô Cực Thế Lực Phật*

.....
*Nam Mô Vô Biên Thiện Bồ Tát
Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát" (*)*

Đã từng lễ lạy bộ sám pháp Lương Hoàng Sám, lũ khách biết, tới đây, đã đến phần Chúc Lũy, hành giả phát Bồ Đề Tâm, dầu trong cõi ta-bà có bị các quả báo khổ sở, không thể cứu chúng sanh, cũng xin đem các chúng sanh ấy mà phó thác cho mười phương tận hư không giới Chư Đại Bồ Tát, nguyện xin Chư Đại Bồ Tát Ma Ha Tát dùng bốn thể nguyện lực, thể độ chúng sanh lực mà nhiếp thọ mười phương vô cùng vô tận tất cả chúng sanh.

Bỗng nhiên, lũ khách nghe thấy âm thanh một giọng nữ ngân lên.

Trời ơi, âm thanh này quen thuộc quá! âm thanh này như đang phát ra từ chính buồng phổi mình, huyết mạch mình, hơi thở mình!

Thân tâm lũ khách run rẩy theo từng lời nguyện của Sư Cô, mà đại chúng đang đồng tâm nhất chí nguyện theo:

"Chư Phật, chư Đại Bồ Tát đã có phát thệ nguyện không thể cùng tận, chúng con hôm nay thệ nguyện cũng như vậy, rộng như pháp tánh, cứu cánh như hư không; cùng tận đời vị lai, tất cả số kiếp:

Chúng sanh không thể tận, chúng con nguyện cũng không thể tận.

Thế giới không thể tận, chúng con nguyện

cũng không thể tận.

Hư không không thể tận, chúng con nguyện cũng không thể tận.

Pháp tánh không thể tận, chúng con nguyện cũng không thể tận.

Niết-Bàn không thể tận, chúng con nguyện cũng không thể tận.

Phật ra đời không thể tận, chúng con nguyện cũng không thể tận.

Trí tuệ chư Phật không thể tận, chúng con nguyện cũng không thể tận.

Tâm tướng biết không thể tận, chúng con nguyện cũng không thể tận.

Trí sanh khởi không thể tận, chúng con nguyện cũng không thể tận.

Thế gian đạo-chủng, pháp-chủng không thể tận, chúng con nguyện cũng không thể tận.

Nếu mười điều ấy có thể cùng tận, lời nguyện của chúng con mới có thể cùng tận. Mười điều ấy không cùng tận, nguyện chúng con không bao giờ cùng tận." ()*

Tới đây, vị Thầy trẻ điểm một tiếng khánh. Đại chúng đồng đứng lên, cung kính chắp tay, hướng về Tam Bảo.

Khi ấy, những cánh cửa đều đang mở rộng. Gió nhẹ thổi qua, làm lung linh những ngọn nến hồng và lay động nếp y vàng

Trời ơi! Gió đang bay lượn trên nếp y vàng của Sư Cô vừa dẫn lời nguyện, hay gió đang bõn cọt trên áo lụa thuở nào!?

Thực hay mộng!? Quá khứ hay hiện tại!?

Đôi mắt lũ khách nhật nhòa lệ ứa, vừa chạm vào ánh mắt Sư Cô đang ngược nhìn tôn tượng Đức Phật Di Đà.

Toàn thân lũ khách chợt cứng đơ, như hóa đá.

Tiền thân!

Phải,

Lũ khách vừa bắt gặp tiền thân!

TIỀN THÂN TÔI ĐÂY RỒI!

Đoạn cuối, bài thơ kiếp trước đã chấm dứt hành trình trở về Phương Đông của lũ khách miệt mài khổ luyện, đi tìm lại chính mình trong kiếp nhân sinh:

*"Tháng gió,
Hoa bay, phấn bụi vàng
Mong manh,
Áo lụa thoảng hương lan
Tơ thôi, mà buộc bao oan nghiệt
Cát bụi vùi nông,
Tuyệt lộ chàng!"*

TN Huệ Trần

(Cốc Thành Thơ, ngày hoàn mãn tụng lạy Sám Pháp Lương Hoàng Sám)

(*) Sám Pháp Lương Hoàng Sám, dịch giả: Thích Viên Giác

Vẫn một cảnh mai...

Mùa xuân là lúc đất trời say sưa với hoa mơ, hoa mạn nở. Chỉ tiếc một điều nơi xứ lạ, thiếu vắng hình ảnh người thiếu nữ giữ lụa trên sông Văn thôi.

Cách đây không lâu, có lần đi ngang khu vườn lạ, tình cờ thấy một cảnh mơ mới độ nở hoa, bất giác nhớ đến hai câu thơ, trong bài kệ lúc lâm chung của Thiền sư Mãn Giác đời Lý:

莫謂春殘花落盡
Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận
庭前昨夜一枝梅
Đình tiền tạc dạ nhất chi mai

*(Đừng tưởng xuân tàn hoa rụng hết
Đêm qua, sân trước một cành mai)*

mà cảm hứng mấy vần thơ. Ý thơ đã thật cũ, như vẫn được nhắc nhở hoài trong sách vở, mà lòng kẻ hậu sinh đây, chắc vẫn còn xưa cũ như bao giờ...

VẪN MỘT CẢNH MAI...

Sáng nay quá bước quanh vườn lạ
Thấy một cảnh mơ trắng điểm hoa
Bất giác đình tiền khơi tạc dạ
Vẫn một cảnh mai lúc tỏ mờ.



PHÙNG QUÂN

THỂ GIỚI TRONG TA

(Chấp tay lạ người, Phần 3)

Nguyễn Minh

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Bước ngoặt quan trọng nhất trong tiến trình nhận thức của con người có lẽ là khi chúng ta bắt đầu nhận thức về chính bản thân mình. Thay vì đặt những câu hỏi về thế giới quanh ta, mỗi chúng ta đều có một thời điểm bất chợt nào đó quay nhìn lại chính mình và đặt ra những câu hỏi đại loại như "Ta là ai?", "Tại sao ta sinh ra và chết đi?", "Đời sống của ta có ý nghĩa gì?..."

Khi nhận thức về chính bản thân mình, chúng ta luôn vấp phải những trở ngại hầu như không thể vượt qua. Chẳng hạn, mọi phương thức hình thành các khái niệm mô tả mà ta đã từng áp dụng cho thế giới vật chất đều trở nên không phù hợp để mô tả về bản thân chúng ta. Khi nhận thức về một sự vật, ta luôn có thể thấy được sự vật ấy hình thành từ bao giờ, hình thành như thế nào, tồn tại trong bao lâu và sẽ hư hoại trong những điều kiện nào. Nhưng với tâm thức chúng ta thì hoàn toàn khác. Chúng ta không thể nói được là ta đã bắt đầu hiện hữu từ bao giờ. Tuy có mối tương quan với thể xác vật lý, nhưng ít người trong chúng ta tin rằng tâm thức ta chỉ bắt đầu hiện hữu từ lúc thể xác này sinh ra và sẽ biến mất hoàn toàn sau khi thể xác này tan rã. Có nhiều lý do để chúng ta không thể chấp nhận một quan niệm như vậy, nhưng ngay cả khi ta chấp nhận thì điều đó dường như lại sẽ làm nảy sinh hàng loạt nghi vấn khác...

Một trong những ưu thế lớn nhất của con người là chúng ta có ngôn ngữ và chữ viết. Nhờ đó mà kiến thức và kinh nghiệm của mỗi chúng ta đều có thể chia sẻ với tất cả những người cùng thế hệ cũng như lưu lại cho nhiều thế hệ về sau. Đồng thời, ta cũng thừa hưởng được vô số những kiến thức và kinh nghiệm của biết bao thế hệ trước đây.

Trong chuỗi trao truyền đó, đã có quá nhiều dữ kiện khiến ta không thể chấp nhận được giả thuyết về một tâm thức đoạn diệt, nghĩa là chỉ giới hạn hoàn toàn trong kiếp sống này. Gần đây nhất là hiện tượng tái sinh có chủ định của các vị Lạt-ma Tây Tạng. Không chỉ được nhiều người trực tiếp chứng kiến, các hiện tượng này còn được ghi chép cụ thể, kèm

theo nhiều hình ảnh và có cả các đoạn phim cho phép người xem có thể kiểm chứng được tính xác thực của sự việc. Ngoài ra, người ta cũng ghi nhận được rất nhiều trường hợp đặc biệt của những trẻ em có khả năng nhớ lại chính xác một số chi tiết trong đời sống trước đây của chúng. Mặc dù khoa học hiện nay vẫn chưa giải thích được một cách cụ thể về nguyên nhân dẫn đến những trường hợp này, nhưng việc bác bỏ những sự kiện hiển nhiên như thế là điều không thể được.

Nhưng ngay cả trong trường hợp chúng ta không chấp nhận các sự kiện nêu trên và nhất định tin rằng đời sống con người chỉ giới hạn trong phạm vi của một kiếp sống, thì việc tìm ra một ý nghĩa cho sự hiện hữu của mỗi chúng ta trong cuộc đời lại càng trở nên khó khăn hơn. Lẽ nào chúng ta chỉ sinh ra và chết đi như một sự ngẫu nhiên? Và nếu như thế thì sự nỗ lực hoàn thiện bản thân hay xây dựng cộng đồng nào có ích lợi gì, vì tất cả rồi sẽ không còn ý nghĩa gì cả khi ta đã đi qua hết những năm tháng ngắn ngủi của cuộc đời này. Chỉ cần nghĩ đến điều đó thôi, có lẽ chúng ta đã có thể hoàn toàn mất đi tất cả những động cơ cần thiết cho đời sống. Và như vậy, trong một chừng mực nào đó thì đây là một cách suy nghĩ hết sức tai hại.

Trở lại với vấn đề ý nghĩa cuộc sống, hầu hết chúng ta hẳn không ai có thể hài lòng với cái vòng luẩn quẩn "ăn để sống và sống để ăn." Khả năng nhận thức về cuộc sống và chính bản thân mình giúp ta thấy được nhiều ý nghĩa và mục tiêu cao cả hơn là việc chỉ đơn thuần kiếm sống qua ngày. Vì thế, việc đi tìm một lý tưởng cho đời sống hầu như có thể xem là bản năng tinh thần của hết thảy mọi người. Chúng ta khó lòng hình dung được một con người với khả năng tư duy nghiêm túc lại có thể chấp nhận một cuộc sống không mục tiêu, không lý tưởng.

Thế nhưng, mọi lý tưởng hay quan điểm sống dường như đều phải xuất phát từ nhận thức cơ bản nhất về chính bản thân ta, dựa trên mối quan hệ phân biệt giữa bản thân và thế giới chung quanh. Chính vì vậy mà nhân



loại đã nảy sinh ít nhất là hai quan điểm khác biệt nhau như đã đề cập đến trong chương trước: duy tâm và duy vật.

Những người theo quan điểm duy vật không thể bác bỏ hoàn toàn quan điểm duy tâm, vì có những sự thật hiển nhiên đã từng xảy ra nhưng họ không thể giải thích được. Nhưng ngược lại thì những người duy tâm cũng không thể thuyết phục được những người duy vật, vì những gì họ tin nhận đã không được chứng minh cụ thể bằng cái gọi là "những quy luật khách quan." Và do đó, tình trạng "đường ai nấy đi" trong cuộc tranh cãi bất phân thắng bại này có lẽ sẽ vẫn còn kéo dài dai dẳng không có hồi kết thúc.

Nhưng từ một góc nhìn khách quan và toàn diện hơn thì các quan điểm duy tâm hay duy vật thật ra đều không giúp chúng ta giải quyết được vấn đề quan trọng nhất của đời người, không giúp chúng ta nhận chân được ý nghĩa thực sự của cuộc đời. Hơn thế nữa, có vẻ như việc chạy theo các ý tưởng về duy tâm hay duy vật còn khiến cho rất nhiều người trong chúng ta bị lệch hướng.

Đức Phật đã gián tiếp chỉ cho ta thấy sự lệch hướng này khi ngài hoàn toàn không đề cập đến duy tâm hay duy vật mà chỉ nhấn mạnh vào sự phân tích và nhận hiểu về chính tâm thức con người. Như đã nói, cả hai quan điểm duy tâm và duy vật đều dựa trên ý niệm căn bản đầu tiên là phân biệt giữa chủ thể nhận thức và đối tượng nhận thức. Xuất phát từ sự phân biệt này, mọi hành vi ứng xử của ta đều hình thành xoay quanh một "bản ngã" được xem là trung tâm điểm và quan trọng nhất. Nói cách khác, dù là duy tâm hay duy vật thì "cái ta" vẫn là quan trọng hơn "người khác," vẫn cần phải được quan tâm trước tiên. Và như vậy, sự khác biệt về quan điểm chỉ có thể dẫn đến những cung cách hành xử có phần nào đó khác biệt nhau, nhưng về nền tảng cơ bản thì lại không có gì khác biệt.

Và cái nền tảng cơ bản được xây dựng trên quan điểm về một "bản ngã có thật" đó chính là đầu mối của mọi sự khổ đau và bất ổn mà chúng ta luôn tự chuốc lấy về mình. Mọi sự công kích hay gây hại nhằm đến cái "bản ngã" đó đương nhiên được xem là đang nhắm vào ta, đang tấn công ta, và vì thế ta cần có những phản ứng thích hợp để tự bảo vệ.

Nhưng liệu cái "bản ngã" mà ta mặc nhiên thừa nhận đó có thực sự chính là ta? Đức Phật đã quán chiếu rõ về điều này và bằng kinh nghiệm thực chứng của bản thân, ngài dạy rằng cái "bản ngã" đó là hoàn toàn không thật có. Hơn thế nữa, sự nhầm lẫn cho rằng "bản ngã" đó thật có lại chính là nguyên nhân dẫn đến tất cả những ưu phiền khổ não trong đời sống. Trong kinh Pháp cú, đức Phật dạy rõ ý nghĩa này:

*"Con tôi, tài sản tôi,
Người ngu sinh ưu não.
Tự ta, ta không có,
Con đâu, tài sản đâu?"*

(Kinh Pháp cú, kệ số 62, bản dịch của Hòa thượng Thích Minh Châu)

Khi ngay từ nền tảng cái "ta" đã là không có, thì làm gì có những hệ quả tiếp theo như "vợ con của ta", "tài sản của ta"...? Và khi tất cả những thứ "của ta" đó vốn đã là không có, thì dựa vào đâu ta có thể khởi tâm tham đắm, vướng mắc? Như thế, mọi ưu sầu khổ não sẽ không còn lý do để sinh khởi, mở ra một cuộc sống ung dung tự tại mà không cần đến bất kỳ một phép màu hay sự cứu rỗi nào.

Tiểu thay, một chân lý sáng tỏ như thế nhưng lại có rất ít người trong chúng ta có thể thực sự nghiêm túc nhận hiểu và làm theo. Vì sao vậy?

Đó là vì sự nhận hiểu về một "bản ngã thật có" đã ăn sâu trong tâm thức chúng ta từ nhiều đời, nhiều kiếp, đến nỗi ta hầu như đã mặc nhiên xem đó như một phần nhận thức không thể thay đổi! Hơn thế nữa, suy luận thông thường của chúng ta dường như rất ít khi chạm đến những điểm vốn là hoàn toàn không hợp lý trong sự hình thành khái niệm về bản ngã.

Như đã nói, mọi sự vật, hiện tượng đều do nhân duyên tạo thành. Cái được gọi là "ta" đó cũng không là ngoại lệ. Nếu như khi phân tích bất kỳ đối tượng nào của thế giới hiện tượng, ta đều nhận ra đó là sự kết hợp của nhiều yếu tố nhân duyên khác nhau, thì khi phân tích về "cái ta," ta cũng có thể nhận thấy một điều tương tự.

Bằng khả năng quán chiếu sâu xa và phân tích chính xác, đức Phật đã mô tả sự cấu thành của mỗi một chúng sinh không gì khác hơn là sự kết hợp của 5 thành phần, được gọi là 5 uẩn (蘊 - skandha), bao gồm sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn.

Chữ uẩn (蘊), dịch từ Phạn ngữ skandha, hàm nghĩa là "tích tập, chứa nhóm lại." Vì thế, các uẩn tự chúng đều là những "hợp thể" do nhiều yếu tố cấu thành. Chẳng hạn, sắc uẩn là một hợp thể của những âm thanh, hình sắc, mùi hương, vị nếm... kết hợp với các giác quan của chúng ta như mắt, tai, mũi, lưỡi... Mỗi một yếu tố trong đó đều là điều kiện cần thiết để tạo thành cái gọi là sắc uẩn.

Mỗi chúng sinh được tạo thành từ sự kết hợp của 5 uẩn. Trong đó, sắc uẩn chỉ chung tất cả những yếu tố thuộc về sắc chất, như hình sắc, âm thanh... trong khi 4 yếu tố còn lại không thuộc về sắc chất..., không thể nhận biết qua các giác quan.

Sắc uẩn cũng bao gồm cả bản thân các giác quan như mắt, tai, mũi, lưỡi... và đối tượng của chúng, vì tất cả đều do vật chất cấu thành. Đây chính là những gì mà những người theo quan điểm duy vật có thể quan sát được và chấp nhận.

Thọ uẩn chỉ các cảm thọ sinh khởi khi thân tâm ta tiếp xúc với các đối tượng bên ngoài, như lạc thọ (cảm xúc vui thích), khổ thọ (cảm xúc khó chịu, không ưa thích), xả thọ (cảm xúc không khổ, không vui)...

Tưởng uẩn chỉ sự nhận biết phân biệt đối với các đối tượng sau khi tiếp xúc, như phân biệt được đỏ là sự vật dài ngắn, lớn nhỏ, xanh vàng trắng đỏ... cho đến phân biệt đó là thiện ác, tà chánh... Cơ chế hoạt động của tướng chính là dựa vào sự truy tìm trong ký ức những hình ảnh, thông tin... của quá khứ có liên quan đến đối tượng, rồi qua đó xác định và khởi lên sự phân biệt.

Hành uẩn chỉ chung tất cả mọi hoạt động tâm lý hay phản ứng của tâm thức, được sinh khởi sau khi tiếp xúc và phân biệt đối tượng, như ưa thích, chán ghét, ngợi khen, chê bai... Hành là yếu tố phức tạp vì có phạm vi đề cập rất rộng và có khả năng làm nhân cho các hoạt động khác của thân và tâm, trong khi các uẩn như sắc, thọ và tưởng chỉ là những hiện tượng hiện hữu mà không tạo nhân. Chính vì thế, hành uẩn có hai vai trò phân biệt như sau:

Hành uẩn có vai trò là quả, khi những phản ứng của tâm thức là kết quả được tạo thành do những điều kiện, những yếu tố khác;

Hành uẩn có vai trò là nhân, khi những phản ứng của tâm thức trở thành điều kiện dẫn đến các hành vi, hoạt động của thân, khẩu, ý. Trong ý nghĩa này, các hoạt động của thân, khẩu và ý chính là sự biểu hiện của hành uẩn, là kết quả sự tác động của hành uẩn.

Thành phần cuối cùng trong 5 uẩn là thức uẩn, chỉ chung công năng của thức (sự nhận biết) được biểu hiện ở các giác quan, như ở mắt có nhãn thức, ở tai có nhĩ thức... cho đến ý thức.

Sự phân tích toàn bộ kết cấu thân tâm của mỗi chúng sinh thành 5 uẩn là một nhận thức khái quát hết sức quan trọng, bởi nó bao gồm được tất cả những yếu tố thực sự tham gia cấu thành cái hợp thể chung được gọi là "ta," trong đó có cả các thành phần hữu hình lẫn vô hình. Hơn thế nữa, sự phân tích này giúp ta thấy rõ rằng mọi sự biểu hiện qua tư tưởng, lời nói và hành vi

MỪNG XUÂN KỶ HỢI

*Đón xuân Kỷ Hợi chúc đồng hương,
Sức khỏe an khang vạn cát tường.
Công việc làm ăn luôn phát đạt,
Gia đình sum họp mãi yêu thương.
Đạo tràng thanh tịnh nơi tu học,
Giới luật nghiêm minh chỗ chỉ đường.
Mỗi bước chân đi trong chánh niệm,
Tâm từ rộng mở khắp muôn phương.*

GIẢI THOÁT

*Mong cầu giải thoát, sống sao đây?
Tha thứ pháp môn, niệm mỗi ngày.
Ngũ giới nâng niu như ngọc quý,
Lục căn thanh tịnh tựa sương bay.
Đường dây nghiệp quả rồi tan biến,
Mắc xích luân hồi sẽ đứt ngay.
Bồng thầy Niết Bàn ngay trước mặt,
Rời theo sen nở bước chân Thầy.*

thơ

NGUYỄN NGỘ

mà ta vẫn xem như là một "cái ta" có thật, tồn tại độc lập với thế giới quanh ta, thì thật ra chỉ là một chuỗi tiếp nối những phản ứng vật lý và tâm lý này sinh theo quy luật nhân quả. Tuy nhiên, trong suốt quá trình đó, do tác dụng thúc đẩy của các phản ứng tâm như tham, sân, si... chúng ta này sinh sự tác ý, hướng các ý tưởng, lời nói hay hành vi của mình theo sự hiện thiện hay xấu ác, do đó mà tạo thành nghiệp quả nối dài không dứt.

*Nội dung được tải về từ website Rộng mở tâm hồn:
<http://rongmotamhon.net>*

TRÀNG HOA BONG BÓNG

(*Câu Chuyện Dưới Cờ* — bài viết hàng tuần của GDPT
do **NHÓM ÁO LAM** thực hiện)

TRANG GIA ĐÌNH PHẬT TỬ

Hãy coi thân tứ đại như loài rắn dữ. Đừng tìm cách thỏa mãn dục vọng cũng như trau chuốt nó. Hãy coi tham sân si như căn nhà lửa; hãy thoát ra kéo nó đốt sạch gia tài thiện pháp đã tích tập nhiều đời.

Trong kinh có câu chuyện rằng:

Ngày xưa ở một xứ nọ, có một nàng công chúa được cha yêu vì. Một hôm thấy trời mưa. Trên mặt hồ nổi lên những tràng hoa bong bóng thật đẹp. Nàng thích quá muốn làm một xâu chuỗi để đeo. Vua bảo bong bóng nước đâu có thể cầm bắt được, làm sao kết thành tràng. Công

chúa không chịu, đòi tự tử. Buộc lòng vua phải cho mời các người thợ giỏi nhất nước để tìm cách thực hiện, nhưng ai cũng bó tay. Sau có người thợ già cam đoan mình có thể làm được, nhưng phải mời công chúa đến chứng kiến. Khi công chúa đến người thợ bảo.

- Tôi có biệt tài kết bóng nước, có điều không phân biệt được tốt xấu, xin công chúa cứ chọn những cái tốt đưa cho tôi vậy.

Công chúa tự tay bắt cả buổi mà không được bóng nào. Sau cùng mệt quá, nên đành phải bỏ ý định đi. Nàng đã hiểu bong bóng nước

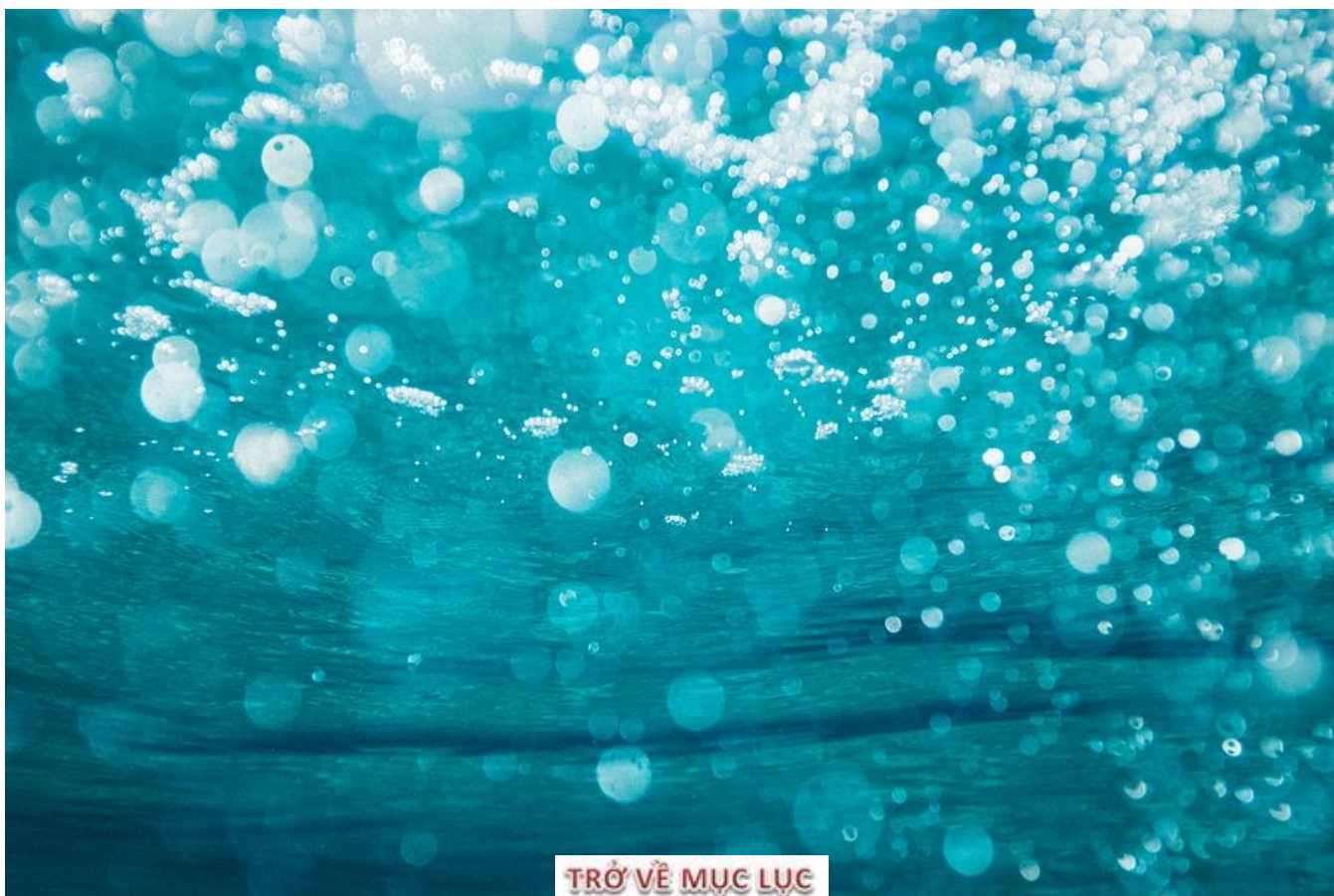
làm mê hoặc mắt người. Tuy có hình chất, nhưng sanh diệt liền tay. Thân người cũng giả dối, vui ít khổ nhiều. Sanh sanh diệt, không thể tồn tại lâu dài.

Phật tánh như nước. Thân người như bong bóng nước. Mỗi khi tâm động thì hiện tượng sanh. Tâm tịnh thì hiện tượng diệt.

Biết vậy ta luôn quay về nhà lớn là chỗ chân thường, không đuổi theo huyễn tướng phù du mà đưa mình vào sanh tử luân hồi khổ đau.

Thật đáng cho chúng ta phải lưu tâm suy gẫm vậy.

(Trích 52 *Câu Chuyện Dưới Cờ*—
Thị Nguyễn Nguyễn Đình Khôi)





NGƯỜI ĐƯỢC CA NGỢI

(*Lá Thư Đầu Tuần* — tài liệu tu học của GDPTVN)

Thưa các anh chị em Lam viên,

Nhân đọc chuyện "Người được ca ngợi" trong truyện cổ Phật Giáo của Hòa Thượng Minh Chiêu, tôi tự gẫm lại, cười thầm một mình rồi viết lá thư này gửi đến các anh chị em đây.

Thời Phật tại thế, có một lão tăng ẩn tu trong rừng sâu, người đời thường gọi Ngài là Hòa Thượng Nhất Cú vì Ngài chỉ biết duy nhất một câu kệ: "Sa môn nào với tư tưởng thanh cao, tinh tấn tu trì trong sự tịch tịnh, vị ấy sẽ được an tịnh, thông suốt và không còn phiền não."

Trong những ngày bố tát Ngài cũng chỉ đọc một câu kệ đó. Thế mà chư Thiên trong vùng lại tán thưởng, hoan nghênh vang rền.

Một hôm cũng vào ngày bố tát, có hai vị tỳ kheo thông suốt tam tạng cùng đi với một tăng đoàn đông đảo ngang qua khu rừng Hòa Thượng Nhất Cú đang ẩn cư. Hòa Thượng vui vẻ ra nghênh đón và thỉnh cầu: "Thật là hiếm có được dịp quý hiền giả ngang qua đây, xin quý ngài hoan hỷ năng lại một buổi và xin quý Ngài đọc luật cho bản tăng và chư vị nơi đây nghe."

Đoàn khách tăng ngạc nhiên vì ngoài Hòa Thượng này ra, không còn có một ai khác. Vị tỳ kheo dẫn đoàn hỏi:

- Nhưng thưa thầy, ngoài thầy ra thì ở đây có thấy bóng dáng nào nữa đâu?

- Có đây, vào những ngày tuyên giới khu rừng này vang dội tiếng hoan nghênh của chư Thiên.

Thế rồi tăng đoàn cũng



phân tòa, một vị tỳ kheo tuyên đọc giới luật, vị kia triển khai giảng rộng. Nhưng chẳng có tiếng hoan nghênh nào cả. Đoàn khách tăng lấy làm lạ, Hòa Thượng này có lầm cảm không?

- Có chư Thiên nào đâu Hòa Thượng?

Vị lão tăng cũng sững sờ, vì sao lại khác hẳn mọi khi như thế?

Rồi Hòa Thượng Nhất Cú bèn đọc lên câu kệ thường nhật, thì trong khu rừng lại vang tiếng tung hô của chư Thiên.

Thật là một điều kỳ lạ. Đoàn tỳ kheo trở về bạch Phật sự thể như vậy. Nghe xong đầu đuôi, Thế Tôn dạy:

- Nay các Tỳ kheo, ta chưa bao giờ gọi ai là người thông suốt giáo pháp khi họ đã học nhiều, họ đã hiểu nhiều giáo pháp. Những kẻ nào chỉ biết có một câu mà hiểu thật chu đáo, hành trì thật miên mật mới gọi là người thông suốt giáo điển.

Thì ra thế! Thưa các anh chị em, tôi nhớ lại, có một lần trao đổi với một huynh trưởng

đàn em vẫn đề gì đó, lời qua tiếng lại, bất đồng ý nhau, rồi huynh trưởng này bảo: "Anh phải suy nghĩ lại đi!"

Câu nói có vẻ trịch thượng làm tôi bực mình rồi (sau này, gẫm lại thì có gì là trịch thượng đâu? "trịch thượng" là do cái tâm cống cao của mình nổi lên lúc ấy). Nhưng cũng đã dừng lại đúng lúc!

Thấy anh im lặng, em lại làm hơn "Quyết định cái gì cũng cho có lý đàn em mới nể..."

Tôi nổi sùng rồi đây. Nhưng đã học rồi, đã thực tập rồi, đã dạy cho các em cách chuyển hóa cơn giận rồi!

Lời qua (mà) tiếng lại

Giải quyết chi đâu

Sao không dừng lại

Kéo hổ (mà) thêm sâu!

Tôi im lặng theo dõi hơi thở. Cơn giận có lắng xuống thật.

Được thế, em mình lại bồi thêm: "Anh đã thấy cái sai của anh rồi chứ? Thấy sai mới im lặng, thẳng em này nói đúng không?"

Tôi tiếp tục nhắm câu hát:

Lời qua (mà) tiếng lại

Đưa ta tới đâu

Sao không dừng lại

Mim cười nhìn nhau.

Nhưng không dừng lại được nữa, không mim cười nhìn đứa em ngây ngô của mình được nữa mà chỉ nhìn "bằng nửa con mắt."

Nộ khí trỗi lên, nổi trận lôi đình, tôi không còn biết chuyển hóa là gì, quát cho một trận trời nổi. Em nhìn tôi sững sờ, có lẽ ngạc nhiên với thái độ của tôi lúc đó. Giá ngay bây giờ có tấm gương đang trước để nhìn cái mặt mình, chắc là

hung tợn lắm, như một con quỷ chứ không giống con người chút nào! Nói thì hay lắm, dạy các em cũng "ngon lành lắm" mà tu thì "dở ệt!"

Đúng thế thưa các anh chị em, nhiều khi mình cứ tưởng mình tu giỏi lắm rồi, làm thầy thiên hạ được rồi, nhưng tu hay không, có chư Thiên rõ thôi. Thật sự tu khó lắm chứ, đâu có dễ!

Tục ngữ Việt Nam có câu: "*Khó nhất là tu tại gia, thứ nhì tu chợ, thứ ba tu chùa.*"

Trong gia đình nhiều khi cha con không hiểu ý nhau, con có suy nghĩ của con, cha có quan điểm của cha rồi chẳng hợp tính nhau. Vợ chồng cũng không chịu khó nhẫn nhịn nhau (thiếu tu) đâm ra lúng cùn. Cả hai đều là huynh trưởng thì còn biết dè dặt đôi chút không thì "dĩa bay," "tên lửa phóng" là chuyện bình thường. Làm sao, mọi thành viên trong gia đình đồng tu, hỗ trợ nhau tu mới êm đẹp được. Ở chợ, lại càng phức tạp hơn nhưng vì lâu lâu mới gặp lại một lần nên xếp vào loại khó thứ hai. Còn trong gia đình, chạm trán nhau hằng giờ hằng ngày! Tu chùa (chùa đây là chùa có nề nếp tu tập) vậy mà dễ vì có nề nếp, có luật nghi, có sách tấn nhau. Còn tu ở Gia Đình Phật Tử thì sao? Điều này ai cũng biết rồi, ai cũng thấy rõ rồi. Anh em mình đều đang tu ở Gia Đình Phật Tử đây, nhưng nó là thế đó. Còn chờ ở sự tinh tấn tiến tu ở mỗi chúng ta.

Mà tu ở Gia Đình Phật Tử thì lại hỗ trợ cho mình tu "tại gia" dễ dàng, giúp chúng ta xây dựng hạnh phúc gia đình.

Cho nên trang thư này cũng chính là lời phát lồ sám hối của bản thân tôi trước quý anh chị lớn và trước cả đàn em của mình nữa.

Trong kinh Pháp Cú, Thế Tôn có dạy:

*"Không phải vì nói nhiều
Mới xứng danh trì pháp
Những ai tuy nghe ít
Nhưng thân (1) hành đúng pháp
Không phóng túng buông lời
Mới xứng danh trì pháp"*
(PC câu 259)

Xin thân ái chào tất cả anh chị em.
Một người anh.

(Trích "Những cánh Thư Lam" của Htr.
Nguyễn Tử Nguyễn Đức Thương)

(1) Theo chú thích của Thầy Trí Đức trong bản dịch kinh Pháp Cú - Phật học viện Trung phần xuất bản, 1959: "thân" đây là Namakayena, tức là danh uẩn chứ ko phải sắc uẩn (rupakayena); vậy đây có nghĩa là "tự mình (tâm) hành đúng pháp."



CUỘC THƠ

*Thi ca là một con đường
Bước đi cùng tuyệt về phương tầm lòng
Có gì độc đáo vô song
Mà nghe kỳ lạ qua dòng ngữ ngôn*

*Máu xương thấm cuộc sinh tồn
Sầu vui cuối biển đầu non bốn bề
Vì yêu em khắp sơn khê
Ta phiêu du mãi chưa về nơi đâu*

*Mây còn bay trắng nhiệm màu
Thì ta cũng lượn trước sau nhẹ vờ
Cười theo hào phóng rong chơi
Chẳng gì trói buộc giữa đời tự do*

GIỮA NGÀN KHƠI XA

*Về đây mây hải đảo nhòa
Xa xăm nghìn dặm thấy ra muôn trùng
Thắm xanh ánh mắt viên dung
Đại dương nằm gọn giữa vùng tâm tư*

*Về đây trăng chiếu diệu từ
Tan đi vạn kiếp bụi hư huyền rồi
Ý nào chưa nói trên môi
Đã vang sóng vỗ thành lời thơ bay*

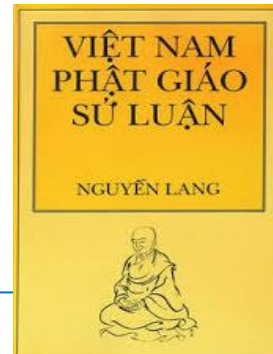
*Về đây biển núi sum vầy
Quyện hòa điệu thơ ở ngay bây giờ
Ngôi yên giản dị đơn sơ
Nghe hồn tịch mịch bên bờ nhân sinh.*

thơ TÂM NHIÊN

LÝ HỌC VÀ PHẬT GIÁO

(Chương XXIV, VIỆT NAM PHẬT GIÁO SỬ LUẬN, TẬP II)

Nguyễn Lang



LỊCH SỬ / TÀI LIỆU

(tiếp theo kỳ trước)

PHAN HUY ÍCH VÀ PHAN HUY CHÚ

Hải Lượng đã vượt được hàng rào kỳ thị chia cách; đối với ông, cuộc sống là quan trọng, tuệ giác nằm trong lòng sự sống, hình thái ý thức không còn quan trọng nữa. Thế nhưng Phan Huy Ích vẫn không hiểu được, ông vẫn khẳng định nói rằng tác phẩm *Trúc Lâm Tông Chi Nguyên Thanh* là một công trình đem đạo Phật về với đạo Nho, đâu biết rằng đối với Hải Lượng, sự phân biệt kia không còn hiện hữu nữa. Phan Huy Ích viết trong bài tựa *Trúc Lâm Tông Chi Nguyên Thanh* như sau:

"Ông anh họ ngoại ta là Thị trung đại học sĩ Hy Doãn Công, là người nghe rộng biết sâu, hơn hẳn các bạn: lịch duyệt đã nhiều, nên học lực càng thuần túy; đối với tam giáo cứu lưu, bách gia chư tử, sách nào cũng tìm tòi học hỏi. Cho nên trong lòng bao hàm rộng rãi, có thể phân tích muốn lẽ, thông suốt tam huyền, chép ra hai mươi bốn Thanh, đem những chỗ u ẩn của lời Phạm chia cắt thành những đoạn lạc, hội họp cho có đầu mối, nêu rõ những chỗ tinh vi uẩn áo rồi khắc in và công bố để hiểu cáo các bạn trong rừng thiên... Tập Nguyên Thanh của ông, bọn ta trông thấy tất có kẻ xem xét, bàn bạc. Người bảo: Đạo lý của Xương Lê từ trong đạo Phật mà ra. Người bảo: Nghĩa chữ tinh của Tượng Sơn cũng đi lệch vào đạo Thiên. Đem những câu sáo thường ấy mà bàn về ông có phải là đã biết được ông đâu? Giữ được Tinh, lại hiểu hết mọi lẽ, đưa đạo Thích vào đạo Nho, làm cho tám bộ kinh của Phạm Vương chẳng ra ngoài cung tưởng của Tổ Vương; những "Thanh" này thật là những "nguyên Thanh" phù trì cho đạo; những lời lẽ mờ vô căn cứ không thể sánh được. Điều này chỉ có thể nói với người biết đạo thôi."

Gọi Phật là "Phạm Vương," đếm kinh Phật được "tám bộ," kiến thức Phật học của Phan Huy Ích quả đã không được như ông anh họ vậy.

Phan Huy Chú, con của Phan Huy Ích có cái nhìn rộng rãi hơn cha (114). Ban đầu ông cũng chỉ nghĩ rằng: "Đạo Phật đạo Lão, học giả vốn không nên theo, vì đạo Thánh lớn rộng, sao lại có đạo khác sánh ngang được?" Tuy nhiên nhận thấy nho sinh phần nhiều đều bỏ hết thiết thực, chuộng phù hoa, bỏ gốc theo ngọn... so với tăng sĩ và đạo sĩ cũng còn kém, mong gì phát huy được đạo Thánh," cho nên ông đề nghị "cách chọn người nên lấy đức hạnh làm gốc; nếu người có bản lĩnh tốt thì dù kiêm thông cả cứu lưu tam giáo cũng chẳng hại gì." (115)

NGUYỄN CÔNG TRÚ

Đối với Nguyễn Công Trứ (116), đứng ngay về phương diện nhật dụng, đạo Phật không phải là một "đạo khác," rằng mục đích "kiến tính" của Phật cũng như mục đích "xuất tính" của Nho (117), rằng luân hồi và thiên đàng địa ngục không phải ở đâu xa mà ở ngay trước mắt mình. Ông cho rằng những nhà Nho kích bác đạo Phật chủ trương hư vô, là những người nhìn trời qua chiếc ống nhòm. Tất cả các ý trên đây ta đều đọc được thấy trong bài hát nói Vịnh Phật của ông:

*Thuyền từ một lá chơi vơi
Bể trần chớ biết bao người trầm luân
Thiên thượng thiên hạ vô như Phật
Nhỏ không trong mà lớn cũng không ngoài
Chiếc thuyền từ một lá chơi vơi
Vớt chìm đắm, đưa người lên cõi Tịnh
Chữ "kiến tính" cũng như "xuất tính"
Trong ống nhòm (118) đổ tiếng hư vô
Kẻ muốn đem nhân kfy nhân, hóa kỳ thư, lư
kỳ cư (119)
Song đạo thống vẫn rành rành công cứ
(120)
Bạng y thiên lý hành tương khứ
Đô tự nhân tâm tổ xuất lai (121)
Bát kang trang chẳng chút chống gai
Cùng nghiêng ngã một dòng Hà Lạc (122)
Trong nhật dụng sao bằng đạo khác
Cái luân hồi chẳng ở đâu xa*

*Nghiệp duyên vốn tự mình ra
Nơi vương tắc có thiên đàng địa ngục.
Vì chưa thoát lòng trần mắt tục
Nên mơ màng một bước một khơi
Khiến cho phiền muộn Như Lai.*

NGUYỄN DU

Thi sĩ Nguyễn Du (123) là một nhà Nho tuy không nghiên cứu sâu về Phật học, nhưng đã lấy cảm hứng ở đạo Phật rất nhiều. Quan niệm về nghiệp báo nhân quả trong *Truyện Kiều* là một quan niệm phổ thông, không khác gì với quan niệm nghiệp báo nhân quả trong *Phong Tình Lục*. “Trời” của Nguyễn Du có thể



NGUYỄN DU (1765-1820)

được mô tả là định luật nhân quả chi phối vũ trụ và cuộc đời, hơn là một vị chúa tể vũ trụ ban phúc giáng họa. Trời cũng là định mệnh, là nghiệp quả. Nghiệp quả có thể thay đổi được, nếu con người thay đổi nghiệp nhân (“Khi nên Trời cũng chiều người,” “xưa nay nhân định thắng thiên cũng nhiều,” “có trời mà cũng có ta” và “túc khiến đã rã lông lông sạch rồi”). Tinh thần tam giáo hòa hợp trong *Truyện Kiều* phản ánh cái nhìn không những của Nguyễn Du và của Thanh Tâm Tài Nhân mà còn là của cả quần chúng đông đảo của hai nước Việt-Hoa về tam giáo nữa. những lời của Tam Hợp Đạo Cô nói về cuộc đời Thúy Kiều cũng có thể đặt vào miệng một vị tăng hay một vị ni trong đạo Phật. Giao tình giữa ni trưởng Giác Duyên và đạo cô Tam Hợp cũng chứng minh điều đó.

Triết lý Phật trong *Truyện Kiều* là triết lý Phật Giáo phổ thông đại chúng. Khi một người đi xuất gia ít nhất người ấy phải thọ mười giới sa di. Vậy mà khi Thúy Kiều xuất gia, Nguyễn Du chỉ cho nàng thọ tam quy ngũ giới, vốn là giới luật của người tại gia:

*Tam quy ngũ giới cho nàng xuất gia
Áo xanh đổi lấy cà sa
Pháp danh lại đổi tên ra Trạc Tuyên.*

Ta tự hỏi không biết Thúy Kiều có ai là người truyền giới để thế độ trong lễ xuất gia hay không?

Cũng rút cảm hứng từ *Du Già Khóa Nghi Pháp Yếu*, nhưng *Văn Tế Thập Giới Cô Hồn Quốc Ngữ Văn* của Lê Thánh Tông ở chỗ tình cảm rất thân thiết và giọng điệu kính cẩn. Tác phẩm này không phải chỉ là thơ mà còn có thể là một bài văn tế đích thực nữa. Đọc đoạn kết của tác phẩm ta thấy ý hướng khai thị và thức tỉnh mười loại cô hồn, và lời niệm Phật cầu cho cô hồn siêu thăng. Những lời này chỉ có thể do

một người Phật tử thốt ra, và Nguyễn Du có thể là đại biểu cho hàng nho sĩ không thấy trở ngại gì khi đồng thời cũng là Phật tử:

*Kiếp phù sinh như hình như ảnh
Có chữ rằng “vạn cảnh giai không”
Ai ơi lấy Phật làm lòng
Tự nhiên siêu thoát khỏi vòng luân hồi.
Đàn chẩn tế vâng lời Phật giáo
Của có chi, bát cháo nén nhang
Gọi là manh áo thoi vàng
Giúp cho làm của ăn đàng đặng thiên
Ai đến đây dưới trên ngồi lại
Của làm duyên chớ ngại bao nhiêu
Phép thiêng biến ít thành nhiều
Trở nên tôn giả chia đều chúng sinh
Phật hữu tình từ bi tế độ
Chúo ngại rằng có kóp không
Nam mô Phật? Nam mô Pháp? Nam mô Tăng?
Nam mô nhất thiết siêu thăng Phật đài?*

Văn Tế Thập Loại Chúng Sinh được bảo tồn ít nhất là do hai bản in Nôm. Một bản ông Lê Thước đã tìm thấy tại chùa Diệc ở Nghệ An, quê quán Nguyễn Du. Lê Thước đã phiên âm bản này và in lần đầu bằng chữ quốc ngữ trong sách *Truyện cụ Nguyễn Du*, xuất bản năm 1924 ở Hà Nội. Bản Nôm tìm thấy ở chùa Diệc không biết thực hiện năm nào và ai đứng chủ trương. Một bản khác được khắc in trong tập *Ứng Phú Dư Biên*, một cuốn sách gồm những bài văn cúng cấp, do một vị tăng là Thích Chính Đại khắc bản năm 1895, tức là năm Thành Thái thứ bảy. Bản gỗ được tàng trữ ở chùa Hưng Phúc, huyện Vũ Giàng, tỉnh Bắc Ninh, tác phẩm của Nguyễn Du ở đây được đặt tên là *Thịnh Âm Hôn Văn*.

Nho học đã tồn tại và phát triển, một phần lớn nhờ ở khoa cử. Cùng lúc với sự có mặt của người Pháp tại Việt Nam, cái học Tây phương được đưa qua. Tuổi trẻ bỏ cái học “ông Nghè, ông Bàng” để theo đòi cái học “ông Thông, ông Ký” (124).

Khi Tây học bắt đầu thịnh đạt, các nhà Nho trở về vườn. Lúc bấy giờ sự nổi lại mối giao hảo giữa Nho và Phật không còn khó khăn nữa. Khắp nơi trong nước, người ta thấy nho sĩ tới chùa đàm đạo và uống trà một cách thân mật với tăng sĩ, làm như sự xung đột chưa bao giờ xảy ra giữa Nho giáo và Phật giáo cả.

(115) *Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí*, phần “Khoa Mục Chí”

(116) Nguyễn Công Trứ (1778-1859) tự là Tôn Chất, hiệu Ngộ Trai, người làng Uy Viễn, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. Sách *Đại Nam Chính Biên Liệt Truyện* viết về ông như sau: “Công Trứ là người trác lạc, quyết đoán, có khí tiết, có văn tài, lại giỏi thơ quốc âm, làm thơ và bài hát rất nhiều, khí hào mại đã rõ ở trong thanh luật, đời còn truyền tụng. Hoạn đồ lúc

thăng lúc giáng, hết ở chốn
nhưng trường thường lập chiến
công. Khi làm doanh điền sứ, mọi
việc kinh doanh, có công hợp dân
khai khẩn những đất hoang, làm
cho nguồn lợi lâu dài. Tuổi già về
nghỉ, quên hết việc đời, ngao du
sơn thủy hơn mười năm, thực là
phiêu diêu ngoại vật, ngày nay
người ta còn tưởng đến phong
thái...”

(117) *Sách Trung Dung* có
câu: “Mệnh trời phó cho là tính,
nói theo tính gọi là đạo, sửa cho
hợp đạo gọi là giáo.” (Thiên mệnh
chi vị tính, xuất tính chi vị đạo, tu
đạo chi vụ giáo)

(118) Di quần khuy thiên: lấy
cái ống dòm trời.

(119) Bìa biểu ngăn rước xá
lợi của Hàn Dũ đề nghị bát tăng sĩ
hoàn tục (nhân kỳ nhân), đốt
kinh sách Phật (hòa kỳ thư) và
tịch thư tự viện (Lữ kỳ cư).

(120) Vây mà giếng mỗi của
đạo Phật vẫn được thiên hạ gìn
giữ.

(121) Đạo dựa theo lẽ trời
mà ra, đều bởi tự tâm người mà
lại.

(122) Bình bát rộng của Phật
có thể chứa đầy nước hai sông Hà
và Lạc. Đời vua Phục Hy có con
Long mã dâng Đò ở sông Hà, vua
căn cứ trên đó mà làm ra bát
quái, đời vua Đại Vũ có con rùa
đem Thư ra sông Lạc, vua theo
đó mà chế ra Cửu trụ. Gọi là Hà
đồ, Lạc thư.

(123) Nguyễn Du (1765-
1820) tự Tố Như, hiệu Thanh
Hiên, người làng Tiên Điền, huyện
Nghị Xuân, tỉnh Hà Tĩnh; là tác
giả các sách *Thanh Hiên Tiễn Hậu
Tập*, *Bắc hành Thi Tập*, *Nam
Trung Tạp Ngâm*, *Lê Quý Kỳ Sự*
(cuốn này là của Nguyễn Thu -
N.H.C.), *Truyện Kiều* và *Văn Tế
Thập loại Chúng Sinh*.

(124) Thơ Trần Tế Xương:

*Nào có ra gì cái chữ Nho
Ông Nghè ông Bảng cũng
năm co*

*Sao bằng đi học nghề Thông,
Ky (*)*

*Tối rượu sâm banh sáng sửa
bò.*

(*) Bài thơ này trong văn bản
phổ biến lâu nay có một số chỗ
khác bản in trên. Câu 2: Ông
Nghè ông Cống cũng năm co; câu
3: Sao bằng đi học làm thông
phán (N.H.C.)



PHÚC TRÂM

*ôm lấy ngực một mai hoa tàn nhụy
con ho dài đau buốt cả trần gian
quỳ xuống gối sao chưa đành ngoạ tụy
điềm nhiên nghe từ vân nguyệt quy hàng*

*hình vẽ lại chút dung nhan tiêu tụy
thanh sắc đời ngoài ô cửa song thưa
vì làm lỡ một thời không chủ ý
quyên ca xưa giờ hót mỗi âm thừa*

*tâm hoài vọng quăng đời nào mất dấu
mùa sương chia bướm nội với chim ngàn
nhành hoa lừng buông mơ hồ nguyệt quế
hương lạng thăm đưa tiễn một mùa sang*

*giờ im lặng biết đâu mình tận tuyệt
hai bàn tay lợi nhẹ quĩ phúc trâm
môi đã chín một trời thu vĩnh quyết
hôn vô ngàn mình gọi khê trăm năm*

thơ

HOÀNG XUÂN SƠN

NGƯỜI ĐÃ XA RỒI

(Nhân ngày Tiểu tường Ân Sư thượng DIỆU hạ LÝ)

TN. Giới Định

NHÂN VẬT / SỰ KIỆN

Ngoài trời đang mưa, từng giọt mưa rơi tí tách tí tách trước thềm nhà, gợi trong lòng con một nỗi buồn xa vắng, một nỗi nhớ khôn nguôi, một cái gì sâu thẳm đang len nhẹ vào tâm hồn, một phút băng quơ... rồi cho hồn chợt tỉnh lại. Thì ra bậc Tôn Sư đã về hầu cảnh Phật!

Gần một năm, vị Thầy khải kính đã ra đi:

*Người đi về cõi Phật
Thong dong nhẹ bước vui
Đàn con nghe tim nhớ
Quang Minh lạnh giá băng.*

Một bậc Trưởng Lão Ni đã đi rồi. Thầy đi thật nhẹ nhàng thanh thoát, chỉ một ngày không ăn uống, không đau đớn thân thể, không phiền đến đệ tử. Thầy chọn trước một ngày Đức Thế Tôn Thành Đạo để xả báo an tường. Con ở xa không kịp về để nhìn Thầy lần cuối, đem hết tâm thành hướng về Việt Nam đánh lễ bậc Tôn Sư.

Hơn hai mươi tiếng đồng hồ trên chuyến bay trở về cố quận, Quang Minh đây rồi, ngôi chùa mà suốt cả cuộc đời bậc Trưởng Lão Ni đã bồi đắp trí tuệ, đã trao đủ đầy giới thân huệ mạng cho hàng đệ tử xuất gia, tại gia. Con người bằng xương bằng thịt của Thầy đâu rồi? Tiếng A Di Đà Phật khi có người chào hỏi không còn nghe nữa, chỉ có chiếc kim quan vô tình đã ôm trọn hình



SƯ BÀ THÍCH NỮ DIỆU LÝ
(1922—2018)

hài Thầy! Huỳnh đệ chúng con chỉ biết nhiều quanh kim quan đánh lễ Thầy, mặc cho dòng nước mắt tự do tuôn chảy:

*Vẫn biết Thầy đi có lối về
Tử sanh sanh tử không
chi lạ
Nhưng sao đàn con nghe
giá lạnh
Một chiều đưa tiễn bậc
Tôn Sư.*

Công hạnh tu tập của Thầy từ thời niên thiếu với

bậc long tượng chốn tông lâm xứ Huế, Quốc Tự Linh Mục nơi ươm hạt bồ đề tươi tốt do Cố Đại Lão Đệ Tam Tăng Thống thượng Đôn hạ Hậu truyền pháp. Chùa Diệu Đức tháng năm công phu hành diệu, thọ nhận giới pháp từ Chư Tôn Đức Ni trưởng thượng. Bản tính dịu hiền, đi đứng khoan thai, giới luật tinh chuyên. Khi giới thể châu viên vâng lời Bốn Sư già từ đất Thần Kinh về chốn Tổ Chùa Long An Quảng Trị làm Phật sư, mở đầu bước “Hoảng khai Phật đạo, báo Phật thâm ân.” Nơi đây biết bao nhiêu cực khổ, nắng táp mưa sa nhưng Thầy vẫn ngày ngày cùng đệ tử tinh cần trồng khoai tía bắp để sinh sống, hòa lẫn tiếng chuông sớm, mõ khuya vang lời kinh thiêng làm ấm lòng bao người dân quanh vùng và siêu độ chư vị vong linh đã bỏ thân trên vạn nẻo đường trần. Đất nước không thanh bình Thầy lại cùng đệ tử dìu dắt nhau chạy vào Đà Nẵng ươm mầm bồ đề nơi xứ Quảng, tạo dựng chùa tạm tại trại tị nạn, nuôi dạy cô nhi viện ở Hòa Long. Khi nhân duyên hành đạo đầy đủ, Thầy được cung thỉnh về chùa Quang Minh làm trụ trì cho đến ngày viên tịch.

Những hình ảnh thân thương, những kỷ niệm vui buồn lại hiện lên liên tục trong đầu con. Chùa Quang Minh nơi đây đã nuôi dưỡng hơn sáu mươi người con Phật. Gặp thời buổi đất nước khó khăn cơm



ăn không đủ no, áo mặc không đủ ấm nhưng thầy trò huynh đệ thật đầm ấm, chia sẻ cho nhau từng củ khoai non, từng lon đậu phụng lép, từng manh áo vải thô sơ... Con nhớ mãi hình ảnh của những ngày mới thọ giới sa di, đến giờ tụng kinh bốn chị em chúng con là Giới Định, Giới Tịnh, Giới Chơn, Giới Viên, đi lên nhà Tổ nơi đó Thầy đã đứng chờ để dạy cho chúng con đắp y, lời nói nhẹ nhàng ân cần nắm tay từng đứa chỉ dạy cách đắp y cho ngay thẳng; đêm đêm dưới ánh đèn dầu Thầy dạy từng câu kinh, từng lời Phật dạy, từng giới luật trong Tỳ ni, Sa di, Oai nghi, Cảnh sách...

Có những lần chúng con học mà lơ đãng không thuộc bài Thầy lại la rầy nhắc nhở, có lúc còn bị quỳ hương, khi đó chúng con cho là Thầy khó, rồi cắn nhằn không được vui; nhưng chúng con đâu biết đó là tình thương vô bờ bến, Thầy la để chúng con sớm mở mang hạt giống Phật Pháp, nuôi dưỡng tâm bồ đề, thành tựu chánh kiến, trưởng thành hầu xứng đáng là những người con gái của Đức Như Lai, mà đem thân mạng mình đi phụng sự chúng sanh, báo Phật ân đức.

Biết bao ân tình của thầy mà suốt cuộc đời không bao giờ con quên được, đó là

những ngày còn nhỏ con thường bị bệnh, có đi bác sĩ khám nhưng con không mua thuốc để uống, con không biết là Sư bà đang để ý là con không uống thuốc. Sư bà gọi lại hỏi "*Răng không thấy con uống thuốc.*" Dạ, con không có tiền mua thuốc. Với ánh mắt hiền từ Sư bà bảo "*Đem toa vô đây để Sư bà biểu cô Giới Hạnh đi mua thuốc uống cho mau lành bệnh.*" Có người ở nước ngoài về cúng dường cho một chai thuốc trợ tim Sư bà kêu vô bảo: "*Con uống chai thuốc tốt ni cho mau khỏe.*"

Chúng con sợ nhất là mỗi nửa tháng tối 13 và tối 29 là ngày phát lộ tức là phải trình lên đại chúng những lỗi lầm mình đã phạm trong nửa tháng rồi sư bà quý ni sư quý cô lớn dạy dỗ; nhưng con nhỏ đâu có tội chi ngoài ngủ gục ham ăn ham chơi! Mỗi lần như vậy sợ run cầm cập hứa là không dám tái phạm nữa nhưng nửa tháng sau cũng y như vậy, cả đoàn điều có một thứ bệnh như nhau làm các sư cô cũng phải lắc đầu, nhưng Sư bà đã nói nhỏ với quý sư cô: "*Kê, mấy đứa còn nhỏ, thương yêu đừng la rầy nhiều, nhắc nhở từ từ.*"

Theo nội quy của chùa ba giờ khuya thức chúng dậy thỉnh đại hồng chung và đi công phu, nhưng lần đó thức trễ, sáng phải ra trai đường

sám hối trước đại chúng, vì trễ giờ công phu thì mọi công việc đều trễ theo. Còn đang run cầm cập Sư bà đã đi xuống và nói: "*Hồi tối Sư bà mệt không ngủ được, hẳn thị giả phải thức theo nên khuya ngủ quên không nghe đồng hồ reo, thôi đại chúng tha cho không phải tội ham ngủ.*" Từng lời nói đơn sơ nhưng thương yêu chứa đựng ngập tràn trong đó, con đã đón nhận những hạnh phúc đó nhưng có những lần con đã làm sư bà buồn lòng thật nhiều, vì tuổi trẻ ăn chưa no lo chưa tới, con đã sám hối rồi nhưng lại làm cho Sư bà không vui nữa. Theo thời gian con lớn lên mọi suy nghĩ đúng hơn mọi hành xử tốt hơn con đã quỳ bên chân Sư bà trình bày những lỗi lầm của mình và xin sửa đổi, cũng lời nói dịu dàng vỗ về nhắc nhở dạy bảo.

Những lần đi ngang Sư bà con tự nhắc mình phải đi thật nhẹ, nhưng rồi cũng bị kêu lại, Sư bà dạy "*Nì, răng mà con đi guốc kêu lớn tiếng như vậy, điều hạnh phải tập từng bước đi, tập từng lời nói nghe chưa con.*" Dạ lí nhí trong miệng rồi lui ra. Thì ra càng sợ thì bước chân càng gây tiếng động lớn, mà ngày xưa không có giày, dép nhiều như bây giờ nên lượm được đôi guốc dút quai của quý sư cô bỏ ra, đóng lại để đi là mừng hết lớn rồi, nhưng gặp guốc mà không có để thì mỗi bước chân đi lại có nhịp điệu lóc cóc trên nền nhà xi măng, thì điều lại được Sư bà gọi đến nhắc nhở, rầy la...

Cứ mỗi năm vào khoảng tháng chín Sư bà thường trồng hoa thược dược cho kịp Tết, con làm thị giả nên nhồi đất cho nhuyễn để Sư bà vo tròn rồi ươm nhánh thược dược vô đó, chăm sóc tưới tắm hàng ngày và rất vui khi thấy cây đã sống, ra chồi xanh. Đến Tết vườn hoa nở rộ, những cây hoa đẹp Sư bà dạy đem vô cúng Phật cúng Tổ. Buổi sáng không khí trong lành hương thơm của hoa mai, nguyệt quế, mần đĩnh hồng... thật dễ chịu êm êm như tình thương của người mẹ hiền đang hàng ngày nâng niu bảo vệ những

chồi non đang tập học làm Phật trong chốn già lam, không để cho sâu bọ xâm phạm vào làm hư rách gãy cành mất lá.

Rồi chúng con lớn lên mỗi người đuổi cánh bay đi một phương trời, tùy sở thích mà học hành, tu tập hay dẫn thân làm Phật sự, Thầy vẫn âm thầm ở chốn cũ nuôi dạy từng thế hệ, lớp này đi lớp khác đến. Những ngày ra hạ hay Tết chúng con lại trở về dưới chùa Quang Minh quây quần bên Thầy, bên các tỷ muội; Thầy đã hỏi han từng đứa, dẫn dò từng người, "Ở đâu cũng phải lo siêng năng tu tập học hành, siêng năng làm việc chúng đừng có lười biếng mà tổn phước nghe các con." Ngày chúng con chào để đi vô lại trường, Thầy cho tiền đi xe, cho thêm chai dầu đi đường xa mà xúc sợ bị cảm lạnh, rồi dặn đứng nói với mấy chị em khác, nhưng khi biết ra Thầy đã cho mỗi người một thứ và ai Thầy cũng dặn như vậy, vì biết mình không có đủ để cho giống nhau sợ chúng nó phân bì. Thầy đã gom được chai dầu, cục xà bông tắm, cái khăn, đôi giếp... từ các phật tử cúng dường để dành cho đệ tử. Ôi tình Thầy cao quý quá, mà hồi đó chúng con chưa cảm nhận được tình thương mà Thầy đã gói gắm qua những món quà nhỏ bé đó.

Bây giờ chúng con đã ở một nơi xa xôi nhưng luôn mang bên mình những lời dạy của Thầy để tinh tấn tu tập mà công quả trong đời chúng, mà hành đạo, mà đứng vững trước những nghịch cảnh... "Các con còn nhỏ phải tập cho mình một thói quen là phải siêng năng tinh tấn trong mọi thời khắc, vì còn nhỏ thân thể còn khỏe mạnh dễ vượt qua mọi chướng duyên, nếu không luyện tập sau này già rồi chân tay đau nhức thì khó mà tinh tấn được vì hàng ngày mình đã không tinh cần thì thật uổng đời tu, nghe các con."

Cứ mỗi lần gặp nghịch cảnh, bệnh đau không còn ở gần Thầy để được chăm lo hỏi han, phải tự mình vươn lên

trong mọi hoàn cảnh, con lại nhớ quay quắt về những kỷ niệm thân yêu nơi mái chùa Quang Minh xưa cũ mà một thời đã nuôi dưỡng chí nguyện xuất gia của mình. Sư bà ơi! Con sẽ tinh tấn tu tập, công quả trong đời chúng như lời Sư bà thường răn dạy. Con không được phước duyên như các tỷ muội khác đầy đủ năng lực có nhiều chùa, nhiều đệ tử, nhiều bằng cấp tiến sĩ, thạc sĩ... con chỉ có tấm lòng phụng sự Tam Bảo dù ở bất cứ nơi đâu, chắc Sư bà đã nhìn thấy được nhân duyên của con như vậy nên lúc nào cũng sách tấn con "Tùy duyên mà phụng sự Tam Bảo." Con sẽ không buồn trước những lời chỉ trích hay la mắng của bất cứ ai: "Lớn rồi mà không lo đi nhận chùa, không đi làm phật sự..." vì con cảm nhận được bên con lúc nào cũng có Sư bà theo dõi từng bước chân con đi, hiểu được nhân duyên từng đứa đệ tử, mặc dù bây giờ Sư bà đã không còn trên trần thế này nữa.

Kính bạch Thầy! Giới hạnh thanh tịnh, đoan trang uy nghi tuy còn nhỏ tuổi thầy đã được chư tôn đức Tăng cho mở trường Bồ Đề dạy cho trẻ em khi còn ở Quảng Trị, dạy trường Bồ Đề Hàm Long ở chùa Bảo Quốc Huế. Thầy đã làm yết ma A xà lê, giáo thọ A xà lê, làm Đàn Đầu Hòa Thượng Ni cho nhiều giới đàn trong tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng các giới tử được giới thể châu viên tinh tấn tu tập, hành đạo. Bậc trưởng lão Ni Người là tấm gương sáng trong chốn thiền môn mà những người có nhân duyên thọ nhận thật diễm phúc cho mình. Thật đúng là:

*"Gần thể kỳ hiển thân
cho đạo pháp
Dựng già lam đào tạo
bậc Ni lưu
Kinh Luật Luận trang
nghiêm tự thân tướng
Chuối niệm Phật chưa
từng rời tay ngọc."*

Kính bạch Giác linh Thầy!

Chín mươi bảy năm giữa cuộc đời, bảy mươi hai hạ lạc châu viên, những việc cần làm Thầy đã làm xong, hạnh nguyện độ sanh Thầy đã viên mãn, ngày 23 tháng 01 năm 2018 nhằm ngày 07 tháng 12 năm Đinh Dậu lúc 11:20 phút Thầy đã viên tịch. Giờ đây, vầng trăng đã khuất bóng, cội tùng không còn nữa, thiền môn bốn bề vắng lặng; y, bát lạnh lùng, cái đôn Thầy vẫn còn đây, đôi giếp vẫn còn đó, hơi hám vẫn còn lan tỏa trong thư phòng, mà hình dạng Người đâu rồi! Nhìn lên di ảnh khói hương bay, thân tứ đại Thầy đã trả về cát bụi, nhưng đạo hạnh muôn thuở vẫn hoài ngát hương, những mẩu xá lợi màu hồng ngọc là kết quả của một đời tu niệm thanh cao mà thầy đã để lại cho hàng đệ tử noi gương, lo tấn đạo nghiêm thân và phụng sự tha nhân.

Thầy đã đi thật rồi, nhìn trước ngó sau lòng trống vắng. Ôi Quang Minh buồn quá Thầy ơi!

*Xin nhất tâm nguyện cầu
mười phương Phật*

*Phóng hào quang tiếp độ
giác linh Thầy*

*Thượng phẩm thượng
sanh tây phương cảnh*

*Cùng bồ tát chư thiện
nhơn câu hội.*

*Ngày công viên quả mãn
Thầy quay lại*

*Chốn ta bà hành đạo độ
hàm linh*

*Ba lạy này xin thành kính
đảnh lễ*

*Tạ ân Thầy giáo dưỡng
trọn đời con.*

Nam Mô Từ Lâm Tế Chánh Tông tứ thập tam thế Tây Thiên pháp phái, Linh Mục môn hạ, Quang Minh Tự Viện chủ, hỷ thượng Tâm hạ Dung, tự Diệu Lý Giác linh Tôn Sư thủy tử chứng giám.

Cúi đầu kính bái
Đệ tử: Thích Nữ Giới Định

TÓC ÍT TÓC NHIỀU

Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức



Y KHOA PHỔ THÔNG

1. Hói đầu nghĩa là gì?

Có nhiều bạn trẻ đã rụng tóc có thể coi câu hỏi này là không cần. Lý do là họ đã cảm thấy không vui để trả lời vì tóc đã bị thưa. Tuy nhiên, **hói không phải là một bệnh**. Một số người cảm thấy buồn phiền vì họ nghĩ là mình khác người thường.

Danh từ y học gọi hói là chứng rụng lông mà **nguyên nhân có thể là kích thích tố nam androgens**. Kích thích tố này có vai trò chuyển gốc của tóc non thành tóc mới. Dần dần sự việc xảy ra ở hầu hết người nam: các nang ở đỉnh đầu đều ngưng ngưng không mọc tóc vĩnh viễn và thay vào đó là các sợi mềm, nhỏ như lông tơ.

Thường thường chứng rụng lông giống như người bị hói với viên tóc lúi vào trong.

Một loại hói khác không do kích thích tố androgens gọi là hói từng vùng và có chỗ tóc sẽ mọc trở lại.

Tuy nhiên tác dụng của androgens không phải là nguyên nhân duy nhất của hói. Phòng, nhiễm trùng và chải tóc quá mạnh là các nguyên nhân khác của hói tạm thời hoặc vĩnh viễn.

2.- Tại sao đàn ông bị hói nhiều hơn đàn bà?

Thực ra thì đàn bà có vẻ bị hói nhiều hơn. Đàn ông hói thường mang tóc giả giống các vị quan tòa còn nữ giới thì mang tóc thật của người khác.

Hói ở nữ giới ít thấy hơn ở nam vì hói là do kích thích tố nam androgens gây ra mà người nữ lại có rất ít.

Khi nữ giới bị hói thì ít được để ý. Thay vì rụng từng đám thì tóc của họ lại thưa hơn. Nếu việc này xảy ra trước khi họ được 40 tuổi thì đó là chuyện bất thường, nhất là sau khi tắt kinh nhưng đó lại là chuyện bình thường ở người tuổi cao.

Căng thẳng tinh thần cũng như khi sanh

con có thể gây ra rụng tóc tạm thời. Và ở cả nam lẫn nữ, tóc có thể tạm thời rụng vì một số bệnh như ở bệnh vẩy nến, một vài loại được phẩm để trị ung thư...

3.- Liệu có chữa được hói đầu không?

Ta sẽ giàu to nếu tìm ra phương thức làm cho không bị hói.

Cách duy nhất là mang tóc giả.

Mới đây, phương pháp **cấy tóc** đã được nhiều người thích. Lấy một ít tóc ở sau gáy và cấy vào vùng bị hói ở đỉnh hoặc phía trước của đầu.

4.- Liệu tóc có rụng hết sau một đêm?

Giảm dinh dưỡng có thể gây nguy hại cho sức khỏe, nói chung nhưng cũng gây ra nhiều điểm không tốt cho mái tóc. Tóc sẽ rụng. Nhưng khi dinh dưỡng bình thường thì tóc sẽ mọc lại. Các bệnh như ung thư, giảm sinh hoạt của tuyến giáp và đôi khi bệnh tiểu đường tóc sẽ rất thưa. Trong các trường hợp này, cơ thể sẽ mất khoảng 50 tới 100 sợi tóc nhưng không thay thế kịp với số tóc bị rụng.

5.- Xin kể các nguyên nhân của nhiều tóc

Thường thường, người ở vùng Địa Trung Hải có nhiều tóc hơn dân Scandinavians và Phi châu. Mà dân Phi châu lại nhiều tóc hơn dân Mỹ gốc Indians hoặc con cháu người Trung Hoa. Khác nhau này là chuyện bình thường. Ít khi có nhiều tóc đến nỗi coi như bất bình thường. Và tất cả đều do di truyền, được phẩm có chất steroid, bất thường về các tuyến hoặc do mãn kinh.

6.- Liệu có thể loại các sợi lông bất thường?

Những sợi lông ở môi trên hoặc các



vùng khác của mặt có thể được coi là thiếu nữ tính. Nói chung thì chứng rậm lông làm cho người nữ khó chịu hơn người nam.

Có ba cách để giải quyết vấn đề này. **Dùng mỹ phẩm, cắt bỏ với dao cạo hoặc dùng điện để loại bỏ vĩnh viễn các nang tóc mọc.**

7.- Các kiểu tóc giả

Vào thời cổ Ai Cập, tóc giả là một dịch vụ đắt giá. Đầu được cạo trọc vì vệ sinh và có thể là để mát, bộ tóc giả được dùng để tránh nắng hoặc là dấu hiệu của một nghề nào đó. Về sau, tóc giả được phụ nữ dùng rất nhiều. Rồi đến năm 1624, Hoàng Đế Louis XIII của nước Pháp mở đầu cho một thời kỳ mang tóc giả. Thời trang này thịnh hành ở Âu châu và các thuộc địa cho tới khi có cuộc cách mạng ở Mỹ châu và ở Pháp. Nhưng tóc vẫn đắt giá và đầu nhiều tóc là dấu hiệu của sự trẻ trung, khỏe mạnh và sung sức. Do đó tóc giả và cấy tóc được coi như có với chúng ta cho tới bây giờ.

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức
www.nguyenyduc.com

LỘC XUÂN

*Mai vàng lại nở mùa xuân
E ấp cánh thắm thanh tân đất trời
Gió xuân phơi phới nụ cười
Nắng từ kẽ lá ngỡ lời yến oanh.*

*Từng qua nặng núi mưa ngàn
Sáng nay bỗng nhú âm thâm nét xuân
Đất trời cũng thấu tâm can
Bồi hồi như thể tháng năm vọng về...*

CÂY ĐA CHÙA THIÊN AN

*Giữa bốn bề cây cỏ
Nơi mây trắng tụ về
Cây đa chùa Thiên Ân
Thâm thì với nắng mưa*

*Tán che bàn tay rộng
Rễ hút đất tầng tầng
Thân người ôm không xuể
Tượng Phật trắng như bông.*

*Khách thập phương lên núi
Thắp hương tượng Phật Đà
Cầu mong bao điều thiện
Cây đa bóng chiều tà...*

*Dưới vòm cây cổ thụ
Chim làm tổ tháng năm
Nơi lòng ta yên tĩnh
Mà xao xuyến mùa xuân!*

thơ

**NGUYỄN
TRỌNG
ĐỒNG**

PHẬT TỬ TÂY BAN NHA

Phan Tấn Hải

TIN TỨC / SỰ KIỆN

Tây Ban Nha là nơi rất vắng Phật Tử, vì là quốc gia truyền thống có đại đa số dân theo Thiên Chúa Giáo. Trong hơn 500 năm, từ trước khi Tây Ban Nha thống nhất năm 1492, Công giáo đã đóng vai hình thành căn cước quốc gia Tây Ban Nha. Hiện nay, ngay cả khi cách mạng thông tin đã bùng nổ, thế giới đã trở thành ngôi làng toàn cầu hóa, Phật Tử tại Tây Ban Nha vẫn là một thiểu số rất nhỏ.

Các đội quân thực dân và các đoàn truyền giáo từ Tây Ban Nha đã đưa Công giáo lan xa toàn cầu. Ngay cả các anh em cùng họ với Công giáo – như Do Thái Giáo, Chính Thống Giáo, Tin Lành, Hồi Giáo – có thống kê nói là cũng chưa tới 5% dân số. Do vậy, Phật giáo vào được Tây Ban Nha rất trễ và rất chậm. Một lý do Phật giáo vào Tây Ban Nha chậm cũng vì tiến trình dịch Kinh Tạng Pali sang tiếng Tây Ban Nha chậm.

Dù các thống kê không thống nhất với nhau, nhưng vẫn cho chúng ta hình dung được một tổng thể. Tính trong năm 2018, thống kê chính thức từ Spanish Center for Sociological Research ghi rằng tổng dân số Tây Ban Nha là 46,659,302 người, trong đó 68.5% dân số tự nhận là Công giáo, 26.4% tự nhận có lập trường vô thần hay bất khả tri, 2.6% tự nhận theo các tôn giáo khác. Dù vậy, khoa học đang thay đổi suy nghĩ của người dân, chủ yếu là giới trẻ. Trong các giáo dân, có 59% nói họ gần như không bao giờ tham dự một buổi lễ tôn giáo nào, 16.3% mới có tham dự một hay nhiều hơn nghi lễ tôn giáo mỗi tuần.

Tạp chí Buddhistdoor Global trong ấn bản 27/1/2018, với bài viết "Growing Pains, Budding Flowers: The Hispanic Association of Buddhism" (Hội Phật giáo Cho Người Dùng Tiếng Tây Ban Nha: Khổ Đau Tăng Thịnh, Hoa Nở Nhiều Hơn) của phóng viên Raymond Lam, chiếu rọi một số hình ảnh về cộng đồng Phật tử này. Sau đây là các nét chính trong bài viết này.

Phóng viên Raymond Lam gặp Ricardo Guerrero hồi tháng 7/2017, trong một hội nghị giữa các Phật tử và những người trong dòng tu Carmelite (của Công giáo) tại thành phố Avila,

Tây Ban Nha. Đó là một hội nghị khác thường: chỉ vài Phật tử có nhiều kiến thức về dòng tu Carmelite của Thánh Nữ Teresa, và Tây Ban Nha trước giờ lại ít có cơ hội tiếp cận với Phật giáo. Những người tham dự hội nghị không có ý định truyền giáo cho nhau, chỉ có ước muốn đối thoại liên tôn chân thực, theo lời mời gọi của Đức Giáo Hoàng Francis.

Ricardo sinh năm 1964, được nuôi dạy trong môi trường Công giáo. Y hết như nhiều giới trẻ tại Tây Ban Nha, anh tìm được các câu trả lời cho các thắc mắc của anh về tôn giáo nơi quê hương anh. Ricardo nói: "Nhiều người Tây Ban Nha nhìn Công giáo như rất gần với quyền lực. Giáo hội Công giáo Tây Ban Nha đồng lõa với chế độ Phát xít cho tới năm 1979 và sụp đổ sau cái chết của lãnh tụ Franco. Đối với chúng tôi, Giáo hội trong truyền thống là thỏa hiệp."

Thống kê cổ về phù hợp với nhận định của Ricardo: tại Tây Ban Nha, chỉ còn chưa tới 50% dân số tự nhận là Công giáo, trong khi 18% tự xem như giáo dân thực hiện các lời dạy Công giáo. Thế là giảm rất nhiều, vì mới vài thế kỷ trước, quốc gia này rao giảng Công giáo khắp thế giới xuyên qua chủ nghĩa thực dân, và giúp phủ toàn bộ hình ảnh Công giáo lên Châu Mỹ Latin.

Đối với Ricardo, anh rời Công giáo năm 18 tuổi. Và năm 2000, khi tới Sri Lanka, nơi anh gặp một vị sư, người trở thành vị thầy của anh – Đại sư Nandisena, một nhà sư sinh ở Argenti-





Hispanic Buddhists with Ven. Nandisena. From btmar.org

na, người xuất gia năm 1991 tại tu viện Taungpulu Kaba Aye Monastery, ở Boulder Creek, California, tu học dưới hướng dẫn của Đại sư Silananda.

Đó cũng là lần đầu tiên Ricardo bước vào một xã hội nơi có đa số dân theo Phật giáo, và anh thấy bầu không khí của Colombo (thủ đô Sri Lanka) hoan hỷ thân thiết hơn là ở Madrid (thủ đô Tây Ban Nha). Đặc biệt, anh nhớ, rất nhiều những nụ cười từ những người anh không hề quen trên đường phố Colombo. Sau khi đọc về Phật pháp và trở thành một người thực tập giáo pháp, anh thêm tự tin rằng đây là con đường chính đáng cho anh.

Cùng với Đại sư Nandisena, Ricardo thành lập hội Asociación Hispana de Budhismo (Hispanic Association of Buddhism -- Hội Phật giáo Cho Người Dùng Tiếng Tây Ban Nha) năm 2012, với mục đích truyền bá Phật giáo tại Nam Mỹ. Với đa số cư dân Nam Mỹ nói tiếng Tây Ban Nha, Ricardo chọn dùng chữ "Hispanic" (người nói tiếng Tây Ban Nha) cho hội của anh, thay vì đơn giản là "Spanish" (người Tây Ban Nha). Cũng nên ghi nhận rằng Phật giáo đã hiện diện ở Nam Mỹ Châu từ đầu các năm 1900s, và xưa cổ hơn Phật giáo tại Tây Ban Nha, nơi tôn giáo phương Đông này chỉ mới khởi đầu sau khi chế độ phát xít của Franco sụp đổ.

Không mang tính bộ phái, tập trung của hội là dịch Kinh tạng Pali sang tiếng Tây Ban Nha, mặc dù nhiều bài viết và sách từ các vị thầy khác nhau cũng được dịch ra. Hội cũng có các lớp thiền tập, các lớp về tư tưởng Phật học (mỗi năm có thể tới 40 buổi) và dạy Thiền chánh niệm.

Ricardo nói: "Xuất bản và dịch thuật là ưu tiên của chúng tôi. Tôi đã dịch các công trình của Bhikkhu Bodhi, Đại sư Dhammasami, và Hòa thượng Shi Da Yuan. Nếu không có các bản dịch để chúng tôi có thể cầm lên đọc, chúng tôi sẽ không có hy vọng nào truyền bá Phật giáo." Anh giải thích rằng Tạng Pali là chủ yếu cho người nói tiếng Tây Ban Nha hiểu được các giáo lý nền tảng nhà Phật.

Ricardo nói, anh mô phỏng theo phương

cách Phật giáo được truyền bá tại Hoa Kỳ, nơi nhiều truyền thống Phật giáo truyền dạy. Đó là trung tâm của "Phật giáo Phương Tây" – một tinh thần độc đáo và đa dạng, thích hợp với xã hội, văn hóa, quan tâm và ưu tiên của người dân Hoa Kỳ. Anh cảm thấy người nói tiếng Tây Ban Nha cần hướng về một tinh thần tương tự.

Anh nói: "Chúng tôi thiếu kinh điển trong tiếng Tây Ban Nha, thiếu tác phẩm từ các học giả Phật giáo trong ngôn ngữ này. Tây Ban Nha chưa bao giờ quan hệ chân thực với Châu Á, chỉ trừ với Philippines, cho nên cực kỳ khó để có sẵn tài liệu tiếng Tây Ban Nha."

Hội đặt trụ sở ở Madrid và mở cửa đón nhận mọi người quan tâm. Ricardo nói rằng hiện đã có một cộng đồng Phật tử tại Madrid, và đang có thêm nhiều người đang tìm tới Phật giáo để tìm câu trả lời họ không thể tìm trong Công giáo. Năm 2011, Đại sư Nandisena giúp thiết lập viện Instituto de Estudios Buddhistas Hispano (Hispanic Institute of Buddhist Studies – Viện Nghiên Cứu Phật Học Bằng Tiếng Tây Ban Nha), hoạt động dưới cái dù của hội. Viện cấp các văn bằng Phật học, và học viên có thể tham dự các lớp qua mạng trực tuyến.

Bất kể nhiều thành quả của hội, tiến trình chỉ dần dần và thường là chậm. Ricardo từng muốn thiết lập một ngôi chùa ở Madrid với sự giúp đỡ từ cộng đồng 180,000 người gốc Trung Hoa. Nhưng rồi anh không kiếm đủ tài chánh, và phải bỏ ý định đó. Anh cũng nhìn nhận rằng ý nghĩ thiết lập một ngôi chùa mang tính độc đáo trong văn hóa của người dùng tiếng Tây Ban Nha sẽ không luôn luôn phù hợp với quan điểm mỹ học từ những người có thể hỗ trợ, nhiều người trong đó mang theo di sản Châu Á.

Anh nói: "Chúng tôi không muốn mở ra một kiểu ngôi chùa 'sắc tộc' thường thấy ở các thành phố khác – trong khi chúng tôi đón nhận hoan hỷ nhiều cộng đồng văn hóa dị biệt để họ mở ra các ngôi chùa riêng của họ; chúng tôi cần một trung tâm Phật học chân thực, nơi thích hợp với bản sắc những người nói tiếng Tây Ban Nha, và không đơn giản là nhập cảng những cách biểu hiện Châu Á."

Ricardo tin rằng Phật giáo cần thời gian và kiên nhẫn để lan rộng trong một xã hội đã bị đồng hóa với tôn giáo khác. Anh tin rằng với các phương pháp thiền tập và lời dạy đạo đức, Phật giáo cung cấp các thay thế cần thiết cho cuộc khủng hoảng giá trị con người trong các xã hội nói tiếng Tây Ban Nha hiện nay.

Anh nói: "Những câu trả lời truyền thống không thuyết phục, và nhiều người đang tìm kiếm những gì họ không biết rằng thực ra đã có và hữu dụng cho họ. Chúng tôi đã và đang đau khổ quá nhiều, với các cuộc khủng hoảng kinh tế và xã hội. Phật giáo có thể hỗ trợ những người đang đau khổ. Nhưng, dù rằng Phật giáo là tu học cá nhân, vẫn cần hỗ trợ từ cộng đồng. Một người không thể làm gì nếu không có người khác. Đó là những gì hội này cung ứng."

Hoa nở đình hoang

TÂM KHÔNG VĨNH HỮU

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Cả thôn không ai rõ lão già mặt thẹo gồm giếc từ đâu trôi dạt đến, chọn thêm hiên của ngôi đình thờ thần hoàng làm nơi an trú, chẳng ma nào dám đuổi, kể cả ông Thức thôn trưởng đi cùng ba đội viên xung kích hùng hùng hổ hổ với súng ống và gậy gộc trong tay. Nghe đâu, chỉ mới thấy mặt lão già mặt thẹo và nghe tiếng gầm gừ ghê rợn của lão, ông thôn trưởng cùng ba anh xung kích đã bủn rủn tay chân, cơ giò rụt cổ bỏ chạy tán loạn như bầy vịt.

Nghe đâu, Trưởng công an Xã đích thân đến đình để nói chuyện phải trái với lão già cư trú bất hợp pháp ấy, chưa nói được gì, chỉ mới thấy lão già mặt thẹo trợn lên, cùng với tiếng gầm gừ khoe những cái răng vàng khè nhọn hoắc, anh ta đã lúnh quính bắn ba phát súng chỉ... địa, rồi run lập cập mà vắt giò lên cổ vừa chạy vừa la làng la xóm.

Nghe đâu, lão già mặt thẹo là ông thần hổ hiện hình về bảo vệ cho đình thờ thành hoàng vì nơi thờ phụng thiêng liêng này đã bị thế hệ "hậu sinh khả ố" làm cho ô uế, điều tàn hoang lạnh bao năm qua, từ hồi mới mở cửa xóa bỏ bao cấp, chuyển sang cơ chế thị trường.

Nghe đâu, từ ngày có mặt lão già mặt thẹo ở trong đình, đêm đêm đứng xa nhìn lại, thấy xung quanh khu vực ngôi đình sáng rực lên một màu xanh tím tím thật ma quái rợn người, hòa cùng với tiếng chuông mõ trầm đục khổ khốc...

Người dân thôn Đại Giã nghe và nói, thêu dệt và tưởng tượng rất nhiều về lão già mặt thẹo kỳ dị ấy, làm cho những người ở thôn khác trong khắp xã và cả khắp huyện không biết đường đâu mà tin, tò mò cứ thêm tò mò, vẫn không thể nào biết đích xác được lão già mặt thẹo là ai, thân thế và xuất xứ như thế nào...

Lão trở thành một con người huyền thoại, một nhân vật truyền thuyết của dân gian, và là hình tượng bất khả xâm phạm. Dường như người ta thích vậy, chứ không thích mọi sự được minh bạch rõ ràng. Mọi người cứ gọi lão già mặt thẹo ấy là Lão Cọp, hoặc gọi nghe cho kiếm hiệp Kim Dung hơn là Hộ Pháp Lão Hồ.

Lão Cọp vẫn hiện hữu, vẫn tồn tại giữa cuộc sống bề bộn lo toan của người dân thôn Đại Giã, thoạt ẩn thoạt hiện bên trong ngôi đình thờ thành hoàng hoang phế...

Buổi trưa ngày hai mươi hai tháng Chạp, hai chị em Bích và Khang rủ nhau đi đến vườn nhà bác Sáu Keo mua hoa hồng về cho mẹ cắm bình cúng Phật, và cúng đưa ông Táo về trời. Vườn hoa nhà bác Sáu Keo đẹp nhất vùng, có đủ loại hoa trên đời, bước vào bên trong lối ngõ có thể đi lạc giữa sắc hương rực rỡ và ngào ngạt. Bác Sáu Keo là người duy nhất trồng hoa để bán trong thôn, nhất là vào dịp Tết, hoa của vườn nhà bác được chở về thành phố dự hội hoa xuân, hết chuyển xe này đến

chuyển xe khác vào ra nườm nượp mà vẫn không sao làm cho vườn hoa trống vắng đi. Bà con nào ở trong thôn đến mua hoa, bác Sáu Keo bán rất rẻ, tính giá hữu nghị mua một tặng một, vì bác biết nhà ai cũng nghèo, đồng tiền kiếm ra không phải dễ, nên tiền mua hoa về cắm chắc phải là món tiền "đút ruột". Vậy mà bác Sáu vẫn bị người ta gán cho chữ Keo, ý rằng keo kiệt bủn xỉn, tính toán chi li thiệt hơn như Trùm Sò.

Nhà của hai chị em Bích và Khang không phải khá giả, nhưng vì cha mẹ rất yêu thích hoa, mà trong sân vườn nhà lại không có hoa, nói đúng ra là chưa có kịp, vì gia đình mới dọn đến sống ở thôn này. Cha bận bịu với công việc y tá trạm y tế Xã, mẹ cặm cùi với thiên chức cô giáo trường làng, nên rất ít có thời gian để ươm bón vun trồng cho sân vườn nhà được xanh tươi đẹp đẽ. Cha chỉ kịp trồng mấy cây cau cảnh, vài khóm thực dược, hai cây mai tứ quý còn ở tuổi thiếu niên nhi đồng mà cha đã đặt tên cho cây lớn là Bích, cây nhỏ là Khang. Còn lại, là những chậu cúc đại đóa, mấn đình hồng, hướng dương cha đi mua ở vườn ông Sáu Keo từ tháng trước, cùng với mười mấy nhánh phong lan treo lung lẳng dưới giàn mồng tơi mát rượi... Vì vậy, mỗi khi cúng kiếng, mẹ phải mua hoa về cắm bình, mỗi tháng hai lần vào mồng một và rằm âm lịch. Những lần trước, đích thân mẹ đi đến vườn nhà bác Sáu Keo để trước là mua hoa, sau là

làm quen với người láng giềng mới của nhà mình. Lần này, vì công việc cuối năm rộn ràng bề bộn, mẹ mới sai chị em Bích và Khang đi mua giúp. Hai chị em hí ha hí hửng, tung tăng trên con lộ đất lượn vòng uốn quanh nhiều lần để đến vườn nhà bác Sáu Keo, cả hai đều rất thích được vào ngắm nghĩa khu vườn tuyệt vời nhất thôn Đại Giã.

Hai chị em đi ngang qua ngôi đình thờ thành hoàng rêu phong già nua im ắng. Nắng chang chang. Gió lặng. Lặng yên và vắng vẻ. Bích tò mò đứng lại nhìn vào bên trong sân đình. Khang lộ vẻ sợ sệt, níu cánh tay chị, giục:

"Đi đi chị, đứng lại làm gì?"

"Để chị nhìn chút đã..."

"Ở trong góm lằm, có gì đâu mà nhìn? Coi chừng..."

"Coi chừng cái gì? Có gì đâu mà góm? Em không thấy bên trong sân đình, quanh đình đang rục rở những loại họa tươi tắn sao?"

"Ờ hén... hoa nhiều và đẹp ghê ta. Nhưng mà... chị ơi, em nghe nói ở trong có... có một con quý ghê rợn lằm!"

"Tầm bậy. Chỉ toàn là tin đồn nhảm thôi. Chị cũng nghe rồi chứ bộ. Không phải con quý mà là ông một ông thần

hổ hiện thân, người ta gọi là Lão Cọp!"

"Ờ đúng rồi. Vậy thì đi đi, đứng lại đây em sợ lằm!"

"Đừng nhát như thỏ đế. Con trai thì phải dũng cảm anh hùng chứ!"

"Nhưng mình còn phải đi mua hoa về nữa, bộ đứng đây ngó vào hoài sao?"

Bích vùng vằng gỡ tay em trai ra, nói:

"Chị muốn vào trông xem hoa, rồi hỏi mua, không chừng được tặng một bó đem về đỡ tốn tiền. Em không dám thì đứng đây chờ, để chị vào một mình!"

"Trời đất, lờ gặp Lão Cọp ăn thịt chị thì sao?"

"Tầm bậy. Người ta đồn bậy đồn bạ, chứ làm gì có thật, vì nếu có một Lão Cọp hung dữ ăn thịt người thì công an đã bắn chết tiêu rồi."

"Lão Cọp ghê gớm lằm, em nghe công an bỏ chạy mà. Ông là hộ pháp hộ mệnh gì đó, có phép thuật cao cường lằm!"

"Không có chuyện đó đâu, bịa đặt thôi. Em nghĩ xem, nếu là một kẻ hung ác bạo tàn thì đâu có yêu thích cái đẹp, đâu có yêu hoa để rồi trồng nên một vườn hoa tuyệt vời làm cho ngôi đình sáng sủa, đẹp đẽ hơn xưa? Chị

nghĩ, và tin chắc rằng Lão Cọp trong đình là một người hiền từ nhân hậu, không hại ai, không hại chị em mình đâu!"

"Ờ hén. Chị nói cũng có lý. Nhưng lờ... những thứ hoa trong đình được trồng bằng bằng phép tà thuật của Lão Cọp thì sao?"

"Em ngu quá. Đời bây giờ, văn minh tiến bộ, khoa học hiện đại mà còn tin chuyện phép thuật bùa chú. Hoa trong đình nếu không đổ mồ hôi công sức ra để chăm bón vun trồng thì không cách nào có được!"

"Nhưng mà..."

"Thôi, đừng có nhưng với nhị nữa. Em không vào, chị vào!"

Bích dứt lời đã mạnh dạn bước qua cổng hình vòm cong, vào đến giữa sân đình. Khang chần chừ giây lát, rồi nín thở bước từng bước dè dặt vào theo. Im phăng phắc. Hương hoa thoang thoang dễ chịu. Bích sáng mắt lên, chỉ về phía bên hông đình thích thú nói:

"Em xem kia, hương dương. Hoa hương dương đang bắt nắng, đẹp quá!"

Hai chị em nắm tay nhau bước lại gần bên những đóa hoa hương dương vàng rực tươi rói, mắt nhìn ngắm không chớp. Đang mãi mê trầm trồ,





tấm tắc bên những đóa hoa mặt trời bé con, chợt hai chị em nghe một tiếng tăng hăng vang lên từ phía thềm hiên đình. Khang giật nảy mình, nép sát người vào chị ngay. Hai chị em quay đầu nhìn lại. Dưới mái đình rêu xanh thấp lè tè, đứng trên thềm hiên loang lổ là một ông già râu tóc bạc phơ, lưng hơi khum khum, trong bộ đồ rộng thùng thình màu nâu sồng bạc thếch. Đó chính là Lão Cọp.

Lần đầu tiên hai chị em nhìn thấy dung nhan của con người mà thiên hạ đồn đại là hung dữ, là ma quái quỷ tà, là thần hổ gớm guốc. Gương mặt Lão Cọp đúng là một gương mặt đầy thọ thọ lồi lõm. Mắt của Lão Cọp đúng là đôi mắt dữ tợn trợn trừng và đỏ đục. Nhưng, miệng mồm của Lão Cọp không như người ta tả là rộng toang hoác, nhe những ranh nanh nhọn hoắc. Cứ nhìn lão đang cười kia thì biết. Lão Cọp đang nhoén miệng cười, một nụ cười hiền hậu nhân từ, không hề còn chiếc răng nào để mà nhe và khoe. Khang bấu cánh tay chị, kêu lên:

"Lão Cọp! Lão Cọp đó chị đi..."

Bích "suyt" một tiếng, nắm tay em, bước về phía Lão Cọp, vòng tay lễ phép thưa :

"Cháu chào ông ạ!"
Rồi nhìn em trai, bảo nhỏ:

"Em chào ông đi, đừng sợ gì hết, có chị đây mà!"

Giọng hơi run run, Khang cũng vòng tay thưa:

"Cháu chào ông ạ! Cháu không dám phá gì đâu..."

Bước nhẹ nhàng xuống sân, Lão Cọp gật gù cất giọng ồ ồ:

"Giỏi. Các cháu giỏi lắm. Các cháu là con nhà ai, ở đâu?"

Bích mạnh dạn hẳn lên, liếng thoảng:

"Nhà tụi cháu ở cách đây chừng hai trăm thước. Cha cháu là y tá, mẹ là giáo viên ạ!"

Lão Cọp chắp hai tay ra sau hông, đầu cứ gục gặt liên hồi, hỏi:

"Các cháu không sợ ông sao? Sao dám vào đây?"

"Sợ gì ạ?" Bích thản nhiên.

"Sợ ông ăn thịt. Người ta đồn ông như vậy, các cháu không nghe à?"

"Dạ nghe chứ!" Bích cười nói "Hồi gia đình tụi cháu mới dọn về đây ở, đã nghe hàng xóm nói cho nghe về ông rồi."

"Gia đình cháu mới đến ở thôn này à?"

"Dạ, được ba tháng rồi ông ơi!" Khang lên

tiếng "Trước kia nhà cháu ở bên kia sông, tuốt ở thôn Kim Hữu lận!"

Bích huyền thuyên:

"Khi này, Khang em của cháu nó sợ không dám vào đây, cháu đã có nói với nó rằng: *Chỉ là tin đồn, đừng có tin*. Cháu nhìn vào, thấy quanh đình đầy ắp những hoa xinh, nên nghĩ ông là người hiền lành chứ không phải là ác quỷ tà ma đâu!"

Lão Cọp cười khề khà thích thú, khen:

"Cháu mới chừng này tuổi đầu mà thông minh, sáng suốt, có nhận xét tinh tế chẳng thua gì người lớn, thậm chí còn hơn nhiều người lớn mê muội tối tăm! Vậy, cha mẹ các cháu có tin vào lời đồn đại vào ông không?"

Bích nhanh nhẹn nói liền một hơi:

"Cha cháu nói rằng: Miệng đời thêm mồm thêm muối, bày vẽ chuyện viễn vông, còn mẹ cháu thì nói: Những ai có đầu óc mê tín cổ hủ mới đi tin vào những chuyện hoang đường ấy!"

Gật gù, gương mặt trầm tĩnh, Lão Cọp vỗ tay bôm bốp nói:

"Hay lắm, hay lắm! Các cháu có được cha mẹ trí thức, văn minh thì thật là đại phúc. Thảo nào, con nhà tông không giống lông cũng giống cánh, mới dám hiên ngang vào đây để gặp và nói chuyện với Lão Cọp!"

Bích nở phồng mũi, hỏi:

"Ông ơi, thật sự thì... ông là ai?"

Lão Cọp lại cười, chỉ thêm hiên mà rằng:

"Các cháu lại đây ngồi, ông sẽ kể cho nghe về ông, đứng mời chân."

Hai chị em bạo dạn ngồi xuống thềm hiên mát rượi. Lão Cọp cũng từ tốn ngồi xuống kế bên, giọng trầm trầm:

"Hồi còn niên thiếu, ông dân ở đây. Cha của ông là ông từ giữ ngôi đình này cho làng, giữ trong thời gian rất dài. Khi ông lớn lên, được cha gởi xuống thành phố ăn học, ở với vợ chồng người chú ruột. Đến lúc cha của ông mất, mất vào

thời loạn lạc chiến tranh, ông bỏ học đi lang bạt kỳ hồ, tha phương kiếm sống, vừa làm vừa học, sau đó ông có duyên lên tu học ở một tịnh thất trên núi với vị sư già tu Mật Tông. Nhưng chiến tranh kéo dài bao năm đằng đẵng, ông cũng phải đi lính như bao người trai tráng khác, đi khắp các chiến trường, vào sinh ra tử, lội suối băng đèo, nhiều lần xém chết, thương tích đầy mình, vậy mà nhờ mạng lớn nên cứ sống khỏe sống mạnh. Rồi, đất nước thống nhất, ông trở về với cuộc sống đầy biến động trắc trở, liền lên núi cũ am xưa để tịnh tu khi sư phụ đã viên tịch từ lâu. Ông tu trì kinh chú ở đó mười lăm năm trời, hằng ngày xuống núi một lần để đi khắp thực qua các xóm làng ven chân núi... Rồi, cách đây hai năm, sau cơn bệnh nặng, tự cứu chữa bằng các bài thuốc Nam, phối hợp với niềm tin trì *Dược Sư Quán Đảnh Chơn Ngôn*, ông bình phục, khỏe lại, bỗng dưng nhớ đến vùng đất kỷ niệm này, ông nghĩ nếu có trả xác thân này về cho cát bụi, thì cũng về với nơi chôn nhau cắt rốn của mình, ông rời núi, về đây xin được làm công việc trông coi gìn giữ ngôi đình đồ nát hoang tàn này, chuyển thành nơi thờ Phật để tịnh tu những năm tháng còn lại của mình. Vậy đó."

Khang nhìn chăm chăm Lão Cọp, hỏi:

"Mặt ông sao bị theo nhiều vậy?"

Bích nguyệt mắt nhìn em trai, nói:

"Thì do bom đạn chứ gì? Hỏi khùng!"

Lão Cọp cười cười, đưa tay xoa đầu hai chị em, nói:

"Không phải hoàn toàn do bom đạn đâu, cháu... Hồi còn đóng quân ở rừng biên giới Việt Lào, tiểu đội của ông gặp một ông Cọp to đùng, bần trùng ông rồi, vậy mà ông vẫn còn hung hãn chồm đến vỗ lấy ông. Ông bị ông cọp vỗ rách mặt, rách cả vùng ngực bụng, ngã đi không biết trời trăng mây gió gì nữa. Sau lần

gặp ông ba mươi đó, ông phải năm điều trị hết cả tháng, nếu không có đồng đội thì chưa biết sự việc ra sao, có thể ông đã bị ông ba mươi dùng tàn lực quật cho ngúm trước khi ông chết rồi! Chuyện là vậy, ông có kể cho ông thôn trưởng, mấy chú xung kích nghe, rồi sau này cũng kể cho ông Trưởng công an Xã nghe, không biết mấy ông đó ngứa miệng đi thuật lại kiểu gì mà sau này cả vùng đều gọi ông là Lão Cọp."

Bích và Khang nhìn nhau cười, thích thú lắm. Bích hỏi:

"Gọi ông như vậy, ông có buồn giận không?"

"Không hề!" Lão Cọp cười "Ông chỉ buồn khi người ta đồn rằng ông là một con quý, một yêu quái. Nhưng thời gian sẽ ủng hộ, minh oan cho ông. Ông còn buồn một điều nữa, là vì những tin đồn nhảm nhí mà không ai dám vào ra chốn này, ông sống cô độc lắm!"

Xúc động, Bích hạ giọng xuống hỏi:

"Ông không có vợ con, hay bà con thân thích sao?"

"Không còn ai ở vùng này. Còn ở trong kia, ông tu hành đơn độc mấy chục năm qua rồi, các cháu à!"

Bích thở dài, nhìn ra phía có những đóa hoa hướng dương rực rỡ, mắt rơm rớm nước mắt, nghĩ ngợi thật lâu. Khang lên tiếng:

"Ông ơi, ông có bán hoa không?"

"Ông trồng hoa cho ngôi đình được thơm và đẹp, chứ không bán. Sao cháu hỏi vậy?"

"Mẹ cháu sai hai chị em cháu đến nhà bác Sáu Keo mua hoa hồng về cúng Phật, và đưa ông Táo về trời khuya nay. Tụi cháu ngang đây, thấy hoa nhiều và đẹp quá nên rủ nhau vào hỏi thăm thử!" Bích thưa.

"Hoa hồng à?" Lão Cọp gục gặc "Được rồi, để ông cắt cho các cháu, rồi lo mang về kéo mẹ trông ở nhà."

Lão Cọp đứng lên, vào trong đình một chập, rồi đi ra

với cây kéo lớn đen sì trên tay. Lão đến bên những khóm hoa hồng đủ loại, đủ sắc, chọn và cắt từng nhánh. Hai chị em đứng đĩnh theo hai bên, lòng hân hoan đếm thầm trong miệng từng cánh hoa hồng được cắt. Được chừng mười hoa, Lão Cọp lại bước sang đám hoa hướng dương, trao bó hoa hồng cho Bích cầm, còn lão thì cẩn thận nhẹ nhàng cắt hai đóa hoa mặt trời vàng rực, nhìn hai chị em nói:

"Để ông cắt lá chuối gói lại kéo bị gai chích..."

Khang vui tươi: "Khỏi đi, ông à. Để cháu cầm hoa hướng dương, chị cháu cầm hoa hồng được mà."

"Ông ơi..." Bích ngập ngừng "Nhưng mẹ cháu không dặn mua hoa hướng dương, chỉ dặn hoa hồng thôi. Coi chừng không đủ tiền..."

Lão Cọp cười hiền hậu, trao mỗi đứa một hoa hướng dương, nói:

"Không tiền bạc gì hết. Ông tặng hoa hồng cho cha mẹ các cháu. Còn hướng dương thì ông tặng cho hai cháu đó!"

Hai chị em reo mừng, cảm ơn Lão Cọp rồi rít. Lão Cọp giục:

"Thôi, lo ba chân bốn cẳng mà về nhà đi, kéo mẹ đi tìm!"

Hai chị em lễ phép chào Lão Cọp. Trước khi đi Bích cảm động nói rất chân tình:

"Tụi cháu sẽ lại đây thăm ông thường xuyên, nghe ông kể chuyện, kể chuyện cho ông nghe đỡ buồn, đỡ cô đơn, ông nhé!"

Lão Cọp gật đầu lia lịa. Lão tiên hai chị em ra tận cổng, đứng nhìn theo cho đến khi hai đứa nhỏ khuất sau ngõ cua. Mắt lão rơm rớm...



The Story of a Swine – peta

Dhammapada, Verse 281

While residing at the Veluvana monastery, the Buddha uttered Verse (281) of this book, with reference to a swine-peta.

Once Thera Maha Moggallana was coming down the Gijjhakuta hill with Thera Lakkhana then he saw a miserable, ever-hungry peta, with the head of a swine and the body of a human being.

On seeing the peta, Thera Maha Moggallana smiled but did not say anything. Back at the monastery, Thera Maha Moggallana, in the presence of the Buddha, talked about the swine-peta with its mouth swarming with maggots. The Buddha also said that he himself had seen that very peta soon after his attainment of Buddhahood, but that he did not say anything about it because people might not believe him and thus they would be doing wrong to him. Then the Buddha proceeded to relate the story about this swine like ghost (peta).

During the time of Kassapa Buddha, this particular peta was a Bhikkhu, who often expounded the Dhamma. On one occasion, he came to a monastery where two Bhikkhus were staying together. After staying with those two for some time, he found that he was doing quite well because people liked his expositions. Then it occurred to him that it would be even better if he could make the other two Bhikkhus leave the place and have the monastery all to himself.

Thus, he tried to set one against the other. The two Bhikkhus quarreled and left the monastery in different directions. On account of this evil deed, that Bhikkhu was re-born in Avici niraya and he was serving out the remaining part of his term of suffering as a swine-peta with its mouth swarming with maggots. Then the Buddha exhorted, "A Bhikkhu should be calm and well-restrained in thought, word and deed."

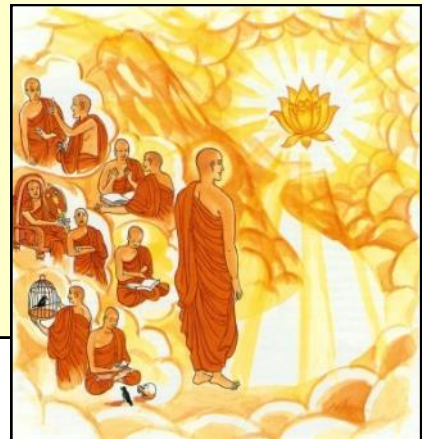
Then the Buddha spoke in verse as follows:

Verse 281. One should be careful in speech, & be well-controlled in mind, and physically, too, one should never do any evil. One should purify these three courses of action and accomplish the practice of the Path of Eight Constituents made known by the Buddhas.

ACTIVITIES

One should guard all actions whether mental, verbal or bodily.
When one have cleared and made pure these 3 doors of activity,
one have gained the path of the sages...

Translated by **Daw Mya Tin, M.A.,**
Burma Pitaka Association, Rangoon, Burma 1986.



MỖI KỲ MỘT MÓN CHAY

BÁNH CHƯNG CHAY

(Vietnamese vegan New Year rice cake)



Bánh chưng chay (Vegan Vietnamese New Year rice cake) — Photo courtesy Chân Thiện Mỹ

Nguyên liệu:

- 9 chén nếp
- 3 gói đậu xanh cà
- 1 cây "ham" chay
- 4 muỗng cà-phê bột nêm chay
- 4 muỗng cà-phê muối
- 3 muỗng cà-phê đường cát
- 2 muỗng cà-phê nước mắm chay
- 3 tép tỏi (băm nhuyễn)
- 2 củ hành hương (băm nhuyễn)
- 1 muỗng cà-phê tiêu
- 2 muỗng canh dầu ăn
- 2 xấp lá chuối (rửa sạch, lau khô)

Thực hiện:

- Vo sạch nếp, cho 2 muỗng cà-phê muối ngâm 24 tiếng, xả nước lạnh, để lên rồi cho ráo nước, trộn đều với 1 muỗng cà-phê muối.
- Đậu xanh vo sạch, ngâm qua đêm rồi xả nước. Cho 1 muỗng cà-phê muối vô đậu để 30 phút, rồi đem xả nước cho hết bọt.

- Hấp đậu chín, tán nhuyễn lúc đậu còn nóng. Cho 3 muỗng cà-phê bột nêm, 2 muỗng cà-phê đường, 2 muỗng canh dầu ăn, trộn đều.
- "Ham" chay thái độ dày 3/4 inch [gần 2 centimét] ướp với củ hành, tỏi, tiêu, 1 muỗng cà-phê bột nêm, 1 muỗng cà-phê đường, nước mắm chay, để qua đêm.
- Bắc chảo nóng chiên "ham" chay sơ qua cho thơm, đừng chiên vàng.

Gói & nấu bánh:

CTM xài khuôn 5 x 5 x 2,5 inch (khoảng 12,5 x 1 2,5 x 6,5 cm), loại khuôn đồng xô.

- Cắt lá chuối vừa khuôn, xếp góc, lót vào khuôn.
- Cho 1/2 chén nếp, 1/2 chén đậu, 1 miếng "ham" chay, 1/2 chén đậu, sau cùng 1/2 chén nếp (nếu muốn ăn đậu nhiều thì cho 3/4 chén đậu).
- Dùng dây nylon cột lại, thêm một lớp giấy bạc ở ngoài.
- Nấu nước sôi, cho bánh vào nấu. Nhớ châm nước sôi vô nồi bánh cách khoảng 2 tiếng, nấu 10 tiếng là bánh chín.
- Vớt bánh ra, thả vô thau nước lạnh.
- Lấy bánh ra xếp lên tấm thớt rồi dẫn bằng thau nước nặng, khoảng 6 tiếng là được.

Công thức này gói được 9 cái bánh chưng chay, mỗi cái nặng 2,5 cân (khoảng hơn 1 kg).

Chúc anh chị em làm bánh chưng chay thành công trong dịp đón xuân về.

<http://www.vietnamanchay.com/2012/01/bep-chay-thanh-nhe-banh-chung-chay.html>

Chú thích: Tbsp: tablespoon (muỗng canh), khoảng 15ml; Tsp: teaspoon (muỗng cà-phê), khoảng 5ml.

Con Ma Ở Rạp Hát Lido

ĐÀO VĂN BÌNH

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Văn Nhân là văn sĩ nổi tiếng đã có vài chục tác phẩm xuất bản. Nếu như sinh ra ở Hoa Kỳ hay Tây Phương thì chàng ta đã trở thành triệu phú, đời sống để vương. Thế nhưng thị trường chữ nghĩa của người Việt hải ngoại thì nhỏ, “văn chương hạ giới lại rẻ như bèo,” báo phát không, báo biểu, báo chợ, báo cắt dán khơi khơi đăng truyện của chàng mà không phải trả nhuận bút, nhà xuất bản kiếm được mớ tiền khi xuất bản sách của chàng... thế nhưng chính tác giả lại nghèo kiệt xác.

Bên cạnh viết văn là nghề tay trái, chàng lại phải có nghề tay phải là bán bảo hiểm để sinh sống. Thế nhưng văn nhân, nghệ sĩ mà chọn nghề bán bảo hiểm là chọn lầm nghề cho nên cuộc sống vẫn không khá. Vào những năm đầu của thập niên 1990 hải ngoại nở rộ phong trào trình diễn đại nhạc hội, thu hình rồi sản xuất băng video, đáp ứng đúng thị hiếu giải trí của đa số người Việt lớn tuổi không sao thích nghi với nền văn hóa, văn nghệ xứ người và tiếc thương những gì của những ngày tháng cũ mà Hằng Nga là trung tâm độc quyền, nổi tiếng nhất.

Giới thiệu chương trình văn nghệ thì ai mà chẳng giới thiệu được. Thế nhưng nếu MC là một cô gái hay một cậu mặt mũi dễ coi, ăn nói duyên dáng thì cũng khá hơn là cứ phải nghe, phải nhìn những khuôn mặt khó coi, ăn nói rẻ tiền, xuất hiện trên sân khấu. Chính vì thế mà Trung Tâm Hằng

Nga đã tìm tới Văn Nhân. Mới đầu thì Văn Nhân từ chối, vì nhà văn có khi nào lên sân khấu? Ngay soạn giả từng cải lương cũng còn không lên sân khấu nữa kìa. Nhưng vì bà vợ thúc ép quá cho nên Văn Nhân “*Cũng liều nhắm mắt đưa chân. Thử xem con tạo xoay vần tới đâu.*”

Thế nhưng do “tổ đãi,” do tài ăn nói lưu loát, kiến thức rộng của nhà văn, ngôn ngữ có lựa chọn, dù đôi khi cứng nhắc nhưng không đến nỗi bình dân và rẻ tiền, lại biết cách làm việc, thêm đầu óc khôi hài dí dỏm... cho nên đã chinh phục ngay được khán giả. Ở hải ngoại, người ta mua băng Hằng Nga về để xem, làm quà biếu bạn bè, chiếu trong các quán ăn, quán nhậu, quán Karaoke, quán cà-phê và nhất là trên các chuyến xe đò xuyên bang... khiến Văn Nhân nổi tiếng như cồn, còn hơn cả tầm tiếng của nhà văn năm xưa.

Bề ngoài tiền bạc và danh vọng thì như vậy, nhưng bên trong không phải không có những xung đột nội tâm. Từ già cuộc sống trầm mặc của nhà văn thường suy nghĩ về chiều sâu triết lý của cuộc sống, sẵn sàng tố cáo những cái kịch cỡm, thói hư tật xấu của xã hội... nay lao vào cuộc sống bèo bọt của thế giới âm thanh, khóc than, nói cười trên sân khấu... nhiều khi chỉ là những gì nhai lại, Văn Nhân không tránh khỏi những giây phút chạnh lòng, nhất là trong việc giới thiệu ca sĩ. Cái khổ là Văn Nhân thường phải

vò đầu, bứt trán để “sáng chế” ra những mỹ từ sao cho thích hợp với từng người. Chẳng hạn, đối với ông bà ca sĩ nổi tiếng ngày xưa nay, đã “sáu, bảy bố” (1) nhưng vẫn còn lên sân khấu thì Văn Nhân phong cho câu “tiếng hát vượt thời gian.” Điều đó có nghĩa là “cái già chẳng ăn thua gì, ông bà đây vẫn hát hay, giọng vẫn trong trẻo, ngọt ngào như thời còn son trẻ.” Rồi thì “giọng hát mượt mà” để ai muốn hiểu sao thì hiểu, để phong tặng các ca sĩ có lẽ có thân hình “mượt mà” hơn là giọng hát. Rồi “đây là ca sĩ đang lên,” “được ưa chuộng nhất” để giới thiệu các ca sĩ hạng vừa vừa, hát đệm trong chương trình. Rồi thì khi cô, cậu nào có giọng hát bình dân chuyên điệu Boléro... thì Văn Nhân hiểu rằng không còn cách giới thiệu nào hay hơn là cho họ danh hiệu “làm sống lại hình ảnh Ngọc Cẩm – Nguyễn Hữu Thiệt của thập niên 1950.” Rồi còn các cô cậu ca sĩ lần đầu tiên được Trung Tâm Hằng Nga lăng-xê thì Văn Nhân tán “sự xuất hiện của... sẽ đem lại nhiều luyện nhớ cho khán giả.”

Sống trong thế giới xô bồ, hỗn tạp của ca nhạc và ánh đèn sân khấu như thế, do bản tính trầm mặc cố hữu, Văn Nhân tránh các buổi tụ họp tán gẫu sau mỗi lần trình diễn của các ca sĩ. Hơn nữa tính của bà xã lại hay ghen, thỉnh thoảng bíp (2), sau này thì gọi cell phone để kiểm soát xem “thằng chả” có lẹo tạo với cô nào không? Nổi tiếng rồi thì mấy cô gái trẻ bám theo là chuyện thường lắm. Cứ cảnh

giác cho chắc ăn.

Trung Tâm Hằng Nga thường tổ chức các show tại rạp hát Lido nằm ở 116 bis Avenues des Champs-Elysees của Paris là một hí viện cổ xây cách đây cả trăm năm nhưng cũng nổi tiếng vì có ma... nhưng không phải ma Tây mà ma Việt. Các văn nghệ sĩ Tây, Đầm trình diễn ở đây bàn tán rằng họ thường xuyên thấy một thiếu phụ Việt Nam, ăn mặc theo kiểu quý phái của Sài Gòn-Gia Định những năm 1920. Về đêm, trong những lúc vắng vẻ cứ từ phòng quản lý ở trên lầu thướt tha bước xuống. Rồi có khi con ma ngồi xuống bên cạnh hoặc đứng sau lưng các nghệ sĩ, im lặng không nói gì. Trong không khí chộn rộn ở hậu trường, người ra người vô nên chẳng ai để ý. Ai cũng cho đó là nhân viên của đoàn hát hoặc có thể một khán giả nào đó ái mộ các nghệ sĩ cho nên tìm cách vào hậu trường nhìn cho thỏa thích. Thế nhưng khi giật mình, quay nhìn cho kỹ thì họ không thấy con ma đâu mà chỉ thấy một người đàn bà đang bước vội lên lầu rồi biến mất vào phòng quản lý. Thậm chí có người còn nói, những lúc về khuya đã trông thấy con ma lang thang trên sân khấu hoặc ngồi ủ rũ trên hàng ghế của khán giả một hồi lâu rồi biến mất.

Hôm nay, không giống như mấy show trước, sau buổi trình diễn, do mệt mỏi bởi chuyến bay đường dài xuyên lục địa, rồi nào là tập dượt và mất ngủ vì lạ nhà, Văn Nhân không theo đám văn nghệ sĩ kéo ra khu chợ Việt ở Quận 13 ăn cháo khuya, tán dóc. Chàng tựa đầu vào một chiếc ghế bành và thiếp đi lúc nào không hay. Vừa chợp mắt được đăm ba phút chàng thấy từ trên lầu một thiếu phụ bước xuống. Thiếu phụ khoảng 25 tuổi, khuôn mặt thật đẹp nhưng vương vẩn nét buồn diêu vợi. Đầu nàng vẫn tóc trần với chiếc trâm bạc dặt ngang, cổ đeo kiềng vàng. Nàng mặc một chiếc áo nhung màu huyết dụ làm nổi bật

chiếc cổ cao và đôi bàn tay trắng ngần. Thiếu phụ đi đôi hài nhung đen thêu chỉ vàng làm bước đi của nàng nhẹ như mây bay. Tất cả vóc dáng, trang phục khiến con người thiếu phụ tỏa ra một vẻ đẹp quý phái lạ lùng. Trong đầu óc vừa mệt mỏi vừa mơ màng, khi nhìn thấy thiếu phụ, Văn Nhân nghĩ rằng đây có thể là một vũ công mà Trung Tâm Hằng Nga thuê mượn, hóa trang, trình diễn phụ với các ca sĩ, dĩ nhiên là nhiều cô rất đẹp, cho nên chàng lên tiếng hỏi:

"Sao cô không đi ăn cháo khuya với mọi người?"

Bằng giọng nói rất nhỏ nhẹ, cô gái đáp:

"Em không phải là nhân viên của đoàn hát. Em là chủ nhân của hí viện này."

Nghe nói thế Văn Nhân giật mình hỏi:

"Cô còn trẻ quá, làm sao cô có thể làm chủ một hí viện to lớn như thế này?"

Văn với giọng nói như trong mơ, cô gái đáp:

"Hí viện này đã qua bao đời chủ nhưng em là chủ nhân của nó cách đây khoảng 70 năm."

Nghe cô gái nói thế, Văn Nhân nổi da gà và giọng nói trở nên ấp úng:

"Thế thì cô là ma hiện về à? Bởi vì nếu gần 70 năm thì cô phải là một bà lão chứ sao trẻ đẹp như thế này?"

Nghe hỏi thế cô gái đáp ngay:

"Phải, em là ma nhưng xin ông đừng sợ vì em chẳng hại ai cả. Em chẳng hiểu sao người ta lại sợ ma. Ma có giết và làm hại ai đâu."

Rồi như thể câu nói đã gợi lên bao nỗi đau, cô gái bật khóc, nói:

"Em chết cách đây 70 năm. Đời em là một khúc nhạc bi thương. Em chưa hề kể chuyện ấy cho ai. Nay thấy ông là một nhà văn, có thể truyền đạt cho đời cho nên em mới mạo muội kể ra. Ông có vui lòng lắng nghe không?"

Nói xong cô gái tự nhiên ngồi xuống chiếc ghế bành



bên cạnh.

Là một nhà văn, thích nghe cũng như quan sát chuyện đời rồi dậm dậm dậm muối thêm vào đó để viết thành tiểu thuyết. Hơn thế nữa câu chuyện lạ lạ lùng cho nên đầu óc tò mò trấn áp cả nỗi sợ ma cho nên Văn Nhân nói cứng:

"Cô cứ nói đi. Tôi đâu có sợ ma. Tôi cũng là con... ma xó đây. (3)

Dù trong giấc mơ Văn Nhân vẫn còn đầu óc khôi hài. Cô gái nhìn Văn Nhân ra chiều cảm ơn. Rồi bằng giọng nói pha lẫn với nước mắt, nàng kể:

"Em tên Mộng Quỳnh. Vào năm 1921 khi em còn là cô gái 19 tuổi sinh ra và lớn lên ở Gia Định thì Maurice Cognaq đã 52 tuổi và đang làm Công Sứ Định Tường. Do cha y làm chủ hí viện Lido này, quen lớn với những quan chức trong Bộ Thuộc Địa thường lui tới hí viện, đã chạy chọt để đề bạt Maurice lên chức Thống Sứ Nam Kỳ. Lúc đó cha em đang làm việc tại dinh thống sứ. Ngày Maurice nhậm chức, y cho phép tất cả gia đình nhân viên phục vụ được tham dự tiệc vui và em cũng được cha em dẫn đi. Nhưng đâu có ngờ đây lại là ngày định mệnh oan nghiệt. Maurice là một gã rất háo sắc. Kể từ khi gặp em, Maurice mê mết và theo mãi rồi cuối cùng xin cưới em vì bà vợ đầm của y chết cách đây hơn một năm. Trước lời cầu hôn của Maurice cha mẹ em điếng cả người. Nếu lấy hẳn

thì trở trêu quá. Còn nếu từ chối thì sinh mạng của em, của cha mẹ em không biết thế nào. Cuối cùng thì ông bà gạt nước mắt xin em hãy hy sinh để cứu mạng gia đình cũng như nàng Kiều bán mình chuộc cha năm xưa. Trong thời gian đó em đã có bồ. Em và Công đã yêu nhau. Công 21 tuổi, học Trường Chasseloup Lauba và đang chuẩn bị thi Bac Deux. Công đẹp trai, con nhà nghèo nhưng hiếu học và yêu em hết mực. Em thường gọi Công với cái tên thân mật là Anh Tư vì Công là con thứ ba trong gia đình. Cha mẹ em cũng rất thương Anh Tư và hứa khi đậu xong, ông bà sẽ cho làm đám hỏi. Vào những ngày chủ nhật, em và Anh Tư thường đi Sở Thú chơi. Còn những dịp lễ lớn tụi em đi Lái Thiêu ăn trái cây. Mỗi tình của tụi em đẹp như hoa như mộng. Nghe tin em phải lấy Maurice, Công chết lặng người, khóc hết nước mắt. Đã có lúc tụi em định ôm nhau nhảy xuống Cầu Bình Lợi tự vẫn nhưng Công trấn tĩnh lại nói em hãy ráng sống. Anh Tư nói, hắn ta năm nay đã hơn năm mươi tuổi. Nhiều lắm là mười, hai mươi năm nữa hắn cũng chết. Dù thế nào anh vẫn thương em và chờ đợi em. Ngày em "lên xe hoa" cũng là ngày em 'lên xe tang.' Giữa vòng vây phủ của dinh thống sứ, một con chim bay cũng không lọt, em không còn cách nào liên lạc với Anh Tư. Vì quá nhớ thương anh, em nghĩ ra một kế, nói với Maurice rằng nay em đã là vợ quan thống sứ cần phải giới thiệu Pháp để giao dịch với bao giới thương lưu Pháp. Nghe nói thế Maurice đồng ý ngay. Em nhờ ba em giới thiệu Công với Maurice. Vì ngay tình nên Maurice không nghi ngờ chi cả. Thế là kể từ đó mỗi tuần em được gặp Anh Tư nhưng có học hành chi đâu mà hai đứa chỉ ôm nhau khóc vui. Những giây phút đắm đuối bên nhau như Ngưu Lang - Chức Nữ đó kéo dài được một năm. Sau đó có lẽ do có người mách bảo Maurice nghi

ngờ và thay bằng một bà giáo người Pháp. Rất may Maurice không ra lệnh cho mật thám giết Anh Tư. Cuộc sống trong cô đơn, buồn tủi của em như thế kéo dài năm năm. Vào năm 1926, cha của Maurice ở Paris qua đời. Xúc của ông được lưu giữ trong phòng lạnh để chờ Maurice về thọ tang. Lúc này Phong Trào Bình Dân ở Pháp thắng thế, chính sách thuộc địa thay đổi đôi chút cho nên địa vị của Maurice chưa chắc đã giữ được. Chính vì thế mà Maurice đệ đơn từ chức đồng thời đưa em về Pháp. Ngày em xuống tàu rời Cảng Sài Gòn, cha mẹ em coi em như đã chết. Em không biết trong số ông Tây bà Đầm và quan chức Việt Nam tiền đưa quan thống sứ về nước có Anh Tư lẫn trong đó không?

Về tới Paris, thọ tang cha xong, Maurice thay cha làm chủ hý viện. Trong những lúc Maurice bận rộn hoặc phải đi xa, em thay hắn làm quản lý. Căn phòng trên lầu là nơi em làm việc và nghỉ trưa. Qua tới đây em không còn sợ Maurice như xưa. Vì quá nhớ thương Anh Tư, em lên gửi thư cho anh và nhờ ba em chuyển. Thế nhưng thơ đi thì có, thơ về thì không. Em nghĩ Anh Tư mòn mỏi trông chờ trong tuyệt vọng đã lập gia đình với người khác. Thế nhưng vào một ngày kia, khi em đang ở trong phòng quản lý thì một người gõ cửa bước vào. Người đó không ai khác hơn là Anh Tư. Nhìn thấy anh em cứ ngỡ đây là giấc mơ. Nhưng khi Anh Tư ôm chặt và hôn tới tấp lên mặt em thì em hiểu rằng đây là sự thực. Rồi qua dòng nước mắt Anh Tư kể cho em nghe cuộc đời anh sau khi bị Maurice đuổi không cho làm précepteur (3) nữa. Kể từ đó, sợ mật thám bắt, anh cắt đứt liên lạc với ba em và đổi địa chỉ. Sau khi lấy xong Bac Deux, năm năm sau tốt nghiệp kỹ sư công chánh, anh xin được việc làm tại Sở Tràng Tiền. Lúc này anh cũng đã lớn cho nên ba má ảnh giục cưới vợ nhưng ảnh cương

quyết chờ đợi em. Khoảng năm sau, anh bỏ công việc này và xin làm chuyên viên cơ khí cho con tàu Marseille chuyên chạy đường Thượng Hải, Hongkong, Sài Gòn, Singapore và Pháp để thực hiện ước mơ gặp lại em. Sau khi dành dụm được một số tiền và phần nào rành đường đi nước bước ở Pháp, anh trốn ở lại và lên Paris tìm em. Và ngày hôm nay đây....anh đã đạt được giấc mơ đó. Trong vòng tay ấm áp của Anh Tư em thấy đời em như sống lại và em đã khóc... khóc hết nước mắt, nhưng đó là những giọt nước mắt hoan lạc. Và em đã hưởng được những giây phút tuyệt vời bên Anh Tư dù em đã làm vợ Maurice hơn bảy năm.

Thế rồi dưới sự sắp xếp của em, lợi dụng những lúc Maurice đi xa hoặc bận công việc, Anh Tư đều lên đây gặp em. Tụi em cũng đã bàn tính đến chuyện cùng trốn sang Thụy Sĩ để sống với nhau. Cuộc ái ân vụng trộm như thế kéo dài được ít tháng thì một ngày kia khi hai đứa còn đang ở trong phòng thì Maurice mở cửa bước vào. Theo em, Maurice hoàn toàn ngay tình, không biết gì cả. Nhưng có lẽ hôm đó hắn thay đổi chương trình hoặc quên một món đồ gì đó nên quay lại lấy. Thật oan nghiệt! Khi thấy em đang trong vòng tay của Công, Maurice nhận ra ngay người thanh niên năm xưa đã kèm em học ở Dinh Thống Sứ. Y giận điên người và rút trong người ra khẩu súng lục, chia thẳng vào Công. Trước tình thế nguy cấp đó, em gỡ tay Công ra rồi hét lên 'Không được bắn!' Rồi em nhào lên đứng trước mặt Công, không ngoài mục đích mong Maurice, vì không nỡ giết em mà Công có cơ hội chạy thoát. Thế nhưng khi em vừa nhào tới trước mặt Công thì một phát đạn nổ vang. Khi thấy em ôm ngực, lao đảo thì chính Maurice cũng kinh hoàng nhìn trừng trừng vào đôi tay của hắn và khẩu súng rút xuống sàn. Maurice không ngờ chính hắn đã giết vợ. Theo em nghĩ, Maurice

không hề có ý giết em. Nhưng có lẽ lúc hấn bóp cò cũng chính là lúc mà em đã đứng án ngữ để che chở cho Công cho nên em đã chết thể cho Công. Vì em chết oan và chết vào giờ linh. Hơn thế nữa vì em lúc nào cũng còn thương nhớ Anh Tư và những giây phút mặn nồng bên ảnh, khiến em không đầu thai được và cũng không thể lìa xa căn phòng này. Đã gần bảy mươi năm qua em chưa hề thổ lộ chuyện này với ai. Nay cơ duyên gặp anh và thấy anh là nhà văn vốn đa cảm cho nên em nhờ anh một chuyện, không biết anh có vui lòng giúp cho không?"

Nghe câu chuyện thương tâm như thế. Dù không biết hậu quả tốt xấu thế nào, dĩ nhiên là không thể từ chối cho nên Văn Nhân nói:

"Chuyện gì tốt lành cho cô thì tôi sẵn sàng."

Nghe Văn Nhân nói thế, cũng bằng cái nhìn thật biết ơn, cô gái nói:

"Anh làm ơn đến chùa, thỉnh một vị sư tu hành đức độ, xin cho em một thời kinh siêu độ để em có thể đi đầu thai. Có như thế thì kiếp sau em mới có hy vọng gặp lại Anh Tư. Nếu còn như thế này thì chỉ làm khổ em, khổ Anh Tư và khổ người ta."

Cô gái vừa nói đến đây thì từ ngoài cửa, những tiếng tru tréo bỗng vang lên:

"Anh Văn Nhân ơi! Bộ anh chê tụi em sao mà không chịu đi ăn với tụi em? Anh ở đây để nói chuyện với ma hay sao?"

Đấy là những tiếng lá ó của mấy cô ca sĩ, nhân viên đoàn hát ăn cháo khuya xong kéo về. Và cũng là lúc Văn Nhân giật mình thức dậy. Vừa dụi mắt, lắc nhẹ đầu cho tỉnh táo, Văn Nhân đưa mắt nhìn lên căn phòng quản lý. Căn phòng vẫn đóng cửa im lìm và Mộng Quỳnh cũng biến đâu mất. Thấy chàng chẳng trả lời trả vốn chi cả, mấy cô gái lại lên tiếng chọc ghẹo:

"Trông anh sao ngờ ngạc như bị ma nhập vậy!"

Rồi những tiếng cười chọc ghẹo lại rộ lên. Không một

phản ứng, Văn Nhân lặng lẽ đứng dậy, đi vào phòng vệ sinh rửa mặt cho tỉnh táo.

Sáng hôm sau, lấy cớ bận chuyện riêng, chàng một mình tới ngôi chùa Việt Nam cũng ở Paris thuật lại cho sư cụ nghe câu chuyện tối qua. Nghe xong sư cụ thở dài nói:

"Đời là bể khổ bến mê! Hiện nay các nhà ngoại cảm đã tiếp xúc được với nhiều hồn oan nơi cõi âm. Rất nhiều người không sao siêu thoát được vì họ đã chết một cách oan khiên, nghiệt ngã. Cứu độ chúng sinh sao cho 'Ấm siêu, dương thời' là bổn phận của nhà Phật. Xin ông đừng lo.:"

* * *

Ba ngày sau, trong căn nhà ấm cúng, tại Thành Phố Melbourne, Úc Châu, Văn Nhân ngồi thoải mái trong chiếc ghế bành, với một ly nước cam uống cho lại sức. Còn bà vợ thì lẳng xẵng sắp xếp lại vali, quần áo của chàng và nấu một nồi phở là món "tủ" mà Văn Nhân ưa thích. Chuyển trình diễn đường dài như thế lần nào cũng khiến chàng mệt mỏi và thêm ngủ. Đầu dựa ngửa vào chiếc ghế và chàng thiếp đi lúc nào không hay. Chàng vừa chợp mắt được vài phút thì từ ngoài cửa một người đàn bà bước vào. Trong giấc ngủ trưa mệt mỏi và chập chờn, chàng cứ tưởng đó là người bạn của bà xã tới chơi nhưng khi người đàn bà đến gần và lên tiếng thì chàng nhận ra đó là Mộng Quỳnh. Vẫn trong bộ trang phục quý phái, nhưng hôm nay khuôn mặt của nàng có tươi hơn một chút. Nàng nói:

"Cám ơn anh. Nhờ có anh nói với sư cụ mà em được hưởng một thời kinh siêu độ. Pháp Phật đã làm em giác ngộ và em đã trả lại tất cả những gì gọi là ảo ảnh vô thường của trần gian và được đi đầu thai. Em cũng cầu xin kiếp sau sẽ không còn gặp những chuyện oan trái nữa và nguyện được ăn đời ở kiếp với Anh Tư để đáp lại những ân

tình mà Anh Tư đã dành cho em."

Nói xong nàng mạnh dạn nắm lấy đôi tay của Văn Nhân, lắc nhẹ. Hình như đôi mắt bỏ câu của nàng long lanh vì nước mắt.

Trước tình thế đó, Văn Nhân không còn cách nào hơn là lên tiếng an ủi:

"Mộng Quỳnh! Không có chị Mộng Quỳnh à. Đó chỉ là bốn phận thôi."

Nghe nói thế, bằng một giọng rất tỉnh táo, Mộng Quỳnh nói tiếp:

"Em nhờ anh, với văn tài, xin anh viết lại truyện này để người đời biết được những chuyện đau thương dưới thời đất nước bị cai trị bởi Thực Dân Pháp."

Nói xong nàng từ từ lùi xa rồi bóng nàng biến mất sau khung cửa. Ngay lúc đó những tiếng eo éo bỗng vang lên:

"Anh mở gì dữ vậy? Mộng Quỳnh! Mộng Quỳnh là con nào?"

Đó là tiếng la của bà vợ, cùng với những những cái lắc mạnh vào vai đã làm Văn Nhân tỉnh giấc. Vì còn đang mơ màng cho nên Văn Nhân chưa hiểu chuyện gì thì bà vợ lại đay nghiến:

"Gớm thật! Mới có vài ngày lại thêm con Mộng Quỳnh nữa. Nó là con nào vậy?"

Văn Nhân đưa đôi mắt ngờ ngạc nhìn vợ. Và có lẽ cũng phải mất ít phút sau chàng ta mới tỉnh táo hẳn. Chàng nhận ngay ra rằng bà vợ "sư tử Hà Đông" của mình lại ghen bóng ghen gió bởi vì trong cơn mê vừa rồi miệng chàng đã thốt ra những tiếng "Mộng Quỳnh, Mộng Quỳnh." Bằng giọng thật dịu dàng và có vẻ nịnh vợ, chàng nói:

"Mộng Quỳnh là con ma. Thôi 'honey' (5) cho anh ăn phở đi. Anh đói bụng lắm rồi. Vừa ăn phở anh sẽ kể cho 'honey' nghe."

Bà vợ dù có ngúng ngoáy, ra oai thêm đôi chút nhưng rồi cuối cùng cũng thương thẳng chả, bằng cách quay lại bếp, dọn ra hai tô phở. Mùi thơm của phở, vị béo của thịt bò, giá sống hành trần, cái nóng còn

bốc hơi của nước dùng làm Văn Nhân tỉnh người. Vừa ăn, chàng lấy lại tự tin và cứ thành thật kể lại tất cả những gì chàng nghe và thấy trong giấc mơ xảy ra tại Hý Viên Lido. Kể xong, Văn Nhân tin tưởng rằng bà vợ sẽ xúc động và cảm thương cho cuộc đời trái ngang của Mộng Quỳnh. Thế nhưng bà vợ "Xi" một cái, nói:

"Tin ông thì đổ thóc giống ra mà ăn! Ông là nhà văn, ông viết gì chẳng được. Có lần trên sân khấu nghe ông khen mấy cô ca sĩ, về nhà tôi hỏi ông 'có thực vậy không anh?' thì ông nói 'Anh phía đó!' Vậy thì chuyện này biết đâu ông thích con Mộng Quỳnh nào đó rồi phía ra chuyện ma? Ông không thích nó sao trong giấc ngủ ông còn 'Gọi thăm tên em?' Ông định chối hả?"

Nghe vợ nói thế Văn Nhân cụt cả hứng. Bằng sự thông minh vốn có còn rơi rớt lại Văn Nhân "ngộ" ra rằng, một khi đàn bà đã ghen, dù ghen bóng ghen gió, nếu cứ dùng lý luận giải thích thì "từ chết tới bị thương". Thôi thì chịu thua cho êm chuyện. Nở một nụ cười như mếu, Văn Nhân nói:

"Em của anh thánh thật! Chẳng cái gì quạ mặt được em. Chuyện Con Ma Ở Rạp Hát Lido là chuyện anh phía đó. Còn Mộng Quỳnh là tên cuốn thiếu thuyết anh đang thai nghén. Toàn chuyện phía thôi em ơi!"

Nghe Văn Nhân đầu dụi thế, dường như bà vợ cũng đã nguôi ngoai. Khẽ nguyệt một cái bà nói:

"Ông tưởng qua mặt được tui hả. Còn khuya! Nè, nhất vợ nhì Trời đó nghe ông!"

Đào Văn Bình

(trích tuyển tập *Mê Cung sắp xuất bản*)

- (1) Sáu bảy chục tuổi
- (2) Beep: Lúc chưa có điện thoại cầm tay, người nào sang lắm thì mua một cái máy nhỏ dặt theo người. Khi có ai gọi thì nó kêu bíp, bíp...và số điện thoại người gọi hiện lên.
- (3) Ma xó nằm ở một góc nhà cho nên biết hết mọi chuyện.
- (4) Người dạy kèm
- (5) Cứng



HẾT RỒI... TIẾNG GỌI MẸ THƯƠNG

Mẹ...!

*Chín tháng cưu mang, trăm ngàn cực khổ
Để hôm nay con có được hình hài
Và lớn khôn dần, theo tháng năm dài
On Cha Nghĩa Mẹ... con muôn đời nhớ*

Mẹ...!

*Mẹ là hơi thở cho con mạch sống
Mẹ là dòng máu sưởi ấm tim con
Mẹ là ngàn hoa tươi mát đời con
Mẹ là non biển, bao la cao rộng*

Mẹ...!

*Chừ Đông tàn, mừng vui đón Xuân đến
Mùa mai vàng rực nở khắp mọi nơi
Lòng chợt buồn, ôi nhớ Mẹ khôn nguôi
Con bây giờ đã mất Mẹ kính mến.*

Me..!

*Xuân lại về, con chừ vắng bóng Mẹ
Mẹ không còn... Mẹ con đã ra đi
Con khóc Mẹ... bởi đôi ngả phân ly
Biết bao giờ...? Con gọi lại tiếng mẹ*

Mẹ...!

*Giờ bên (bàn thờ) Mẹ, con nhớ lời Mẹ dặn
Đời vô thường... không có, rồi có không
Một kiếp người... mất được thật khôn lường
Mẹ đi rồi... Chớ bi ai, sầu thảm.*

thơ **CÁT CHI**

Truyện ngắn trăm linh tám chữ

STEVEN N.



ANH Ý ĐÁO ĐẾ

Đại vương mở tiệc, bọn vũ nữ ca hát véo von, bắt chợt họ dừng lại. Đại vương giận quát hỏi thì có kẻ thưa:

"Anh thổi tiêu ngừng làm sao chúng tôi múa hát được?"

Đại vương hỏi anh ta sao lại ngừng thổi thì y tâu:

"Cô kia cứ mút quả mơ trước mặt thần, nước dãi ra đầy mồm nên thổi không được!"

Đại vương cười phá lên nói sao anh không kiểm chế. Y lại tâu:

"Điều này vô phương! Đại vương khi ngủ nằm cạnh kia nghỉ ngơi nhưng anh Ý vẫn hoạt động không ngừng, vậy mới có mơ mộng tùm lum."

BẰNG MƯỜI HẠI NHAU

Ông thầy danh văn nổi tiếng lắm, quan chức đại gia nườm nượp kéo đến cửa, đệ tử hai giới nhiều người cũng có tiếng. Ông chủ trương:

"Phật giáo phải theo thời thế, phải phương tiện, tận dụng NET để tu học, tụng kinh, cúng đám, truyền giới... vừa nhanh vừa lợi, vậy mới phát triển được."

Tăng điệt, quy y phái phát như truyền đơn. Các vị tôn túc phản đối nhưng tiếng nói chìm trong sự náo nhiệt. Có thầy cảm thán:

"Đời hiện đại, bệnh không cần chữa trị hay uống thuốc, cứ lấy toa thuốc đeo làm bùa là bách bệnh tiêu trừ."

CHỈ HƠN Ở PHƯỚC BÁO

Bọn chồn hôi đêm nào cũng kéo đến kiếm ăn, lục tung thùng rác, phá đồ ngoài hiên... Bọn chó sủa toáng lên, mấy con mèo trong cửa kiếng nhìn bảo:

"Eo ôi, lũ chồn hôi ăn đồ dơ nên hôi quá!"

Bọn chồn hôi đáp:

"Chúng mày ý có chủ cho ăn nhưng ngủ xem những gì chúng mày thải ra có khác gì nhau?"

Lúc ấy ngoài vườn có tiếng thì thầm:

"Cùng thân súc sanh như nhau, chỉ hơn ở phước báo mà thôi!"

Bọn chó, mèo tiu ngiêu khiến chủ nhà thắc mắc:

"La nhi? Hôm nay chúng có về thân với chồn hôi!"

AI CẦN HƠN AI

Xa lộ kẹt cứng, xe cộ nhích từng tí, dòng xe tải nổi nhau như bức tường thành. Một chiếc xe nhỏ hạng sang liếc nhìn và cà khịa:

"Các cậu to và dài, chiếm nhiều chỗ trên đường nên kẹt xe!"

Chiếc xe tải phì phò trả lời:

"Ê bồ, đừng cà chớn nhé! bọn tớ đóng phí gấp ba lần cậu. Bọn tớ lưu thông hàng hóa, chở cả các cậu từ nơi này đến nơi khác đấy!"

Xe nhỏ vẫn không chịu, tiếp tục gây:

"Các cậu gây tai nạn ghê quá!"

"Không có cậu thì không sao, nhưng không có tớ là không được!"

XƯA NAY VẪN THẾ

Triều đình cử tay phó thủ đi phó hội quốc tế. Hội quốc liên đàn hặc tội của bang chủ và triều đình: vô nhân, tham nhũng, hiếp dân, tra tấn tù nhân, bỏ tù người bất đồng... và bắt y phải ký cam kết không được vi phạm. Ở thế kẹt, y bèn phone về xin chỉ thị thì đại ca nói:

"Chúng bảo ký thì cứ ký tuốt cho ta!"

Y lại thắc mắc:

"Nhờ họ phát hiện ra ta ký mà không làm thì sao?"

Thủ trưởng cười ngật nghễo:

"Chú mày rõ ngốc, xưa nay vẫn thế có mất cộng lông chân nào đâu!"

THÀNH CÔNG RỰC RỠ

Từ khi hồng giáo chủ cướp được quyền, y lập tức chỉ dạy: Trồng cây, trồng người. Rồi các đệ tử nổi nhau định hưởng con dân. Hậu quả hôm nay thật rực rỡ: Người người chỉ lo kèn cựa miếng ăn, đánh nhau vì cái kim sợi chỉ... Còn việc dân tình quốc sự thì hầu như không ai biết đến. Ngày kia làng tổ chức chơi túc cầu, người xứ Đông Miên thắng. Cả nước xuống đường hò hét:

"Nước ta vô địch, ai cũng sợ ta!"

Có anh Tây thông thạo sự tình giường cao tấm băng:

"Địch vô nước ta, ta ai cũng sợ!"

XA LỘ XỨ THIÊN ĐƯỜNG

Sau bao nhiêu năm sống ở xứ thiên đường nên nhiều người dân và quan quyền có quan niệm ngược với thế giới còn lại. Có anh tài xế chạy lùì trên xa lộ nên bị tông chết, ngày ra toà quan xử người kia phải tội:

"Mày không né nên nó mới chết!"

Dư luận phản đối ầm ĩ mà quan không nao núng:

"Ta là mệnh quan, ta là luật!"

Có người viết câu đối dán ngoài cửa pháp đình:

"Lái xe đi lùì trên cao tốc
bổ thẳng nào dám cõc tao

Đạp xe ghènh ngang giữa
đường làng mẹ nó đang lường
cả chúng."

STEVEN N
Georgia, 01/2019

HÒA THƯỢNG THÍCH THÁI SIÊU GIẢNG BÁT NHÃ TÂM KINH TẠI VIỆT BÁO: NGŨ UẨN GIAI KHÔNG, TÂM VÔ QUÁI NGẠI

Huỳnh Kim Quang

TIN TỨC / SỰ KIỆN



Hòa Thượng Thích Thái Siêu giảng Bát Nhã Tâm Kinh tại hội trường Việt Báo (Photo VB)

WESTMINSTER (VB-Tâm Huy) -- Hòa Thượng Thích Thái Siêu đã đáp ứng lời cung thỉnh của Hội Phật Học Đuốc Tuệ quang lâm đến Hội Trường Nhật Báo Việt Báo, trên đường Moran, Thành Phố Westminster, vào chiều Chủ Nhật, ngày 6 tháng 1 năm 2019, để giảng về Bát Nhã Tâm Kinh cho đồng hương Phật tử tại miền Nam California.

Điều rất ngạc nhiên là dù mới được thông báo vài ngày trước, nhưng số lượng đồng hương Phật tử đến nghe Pháp rất đông. Người đến càng lúc càng đông, trước giờ bắt đầu buổi giảng, Hội Trường Việt Báo đã không còn chỗ để Ban Tổ Chức có thể sắp thêm ghế, nhiều vị đến sau đã phải đứng để nghe.

Được biết, Hòa Thượng Thích Thái Siêu xuất thân từ các Phật Học Viện uy tín nhất trong nước trước năm 1975 như Phật Học Viện Phổ Đà tại Đà Nẵng, Phật Học Viện Hải Đức tại Nha Trang, Tu Viện Quảng Hương Già Lam và Đại Học Vạn Hạnh tại Sài Gòn. Hòa Thượng

cũng đã du học tại Ấn Độ và tốt nghiệp Tiến Sĩ Phật Học trước khi đến Hoa Kỳ định cư vào năm 2003. Hòa Thượng Thích Thái Siêu ngoài vai trò Viện Chủ Chùa Đại Bảo Trang Nghiêm, thành phố Hayward, Bắc California, còn là Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Giáo Dục của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ, kiêm Trưởng Ban Tổ Chức Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ lần thứ 9 sẽ được tổ chức tại Bắc California vào tháng 7 năm nay, 2019.

Trong lúc chờ đợi thỉnh chúng đến đông đủ để cung thỉnh Hòa Thượng Giảng Sư quang lâm hội trường, đạo hữu Minh Trí cùng ban đạo ca của Hội Phật Học Đuốc Tuệ đã cố gắng hiến cho mọi người nhiều bản nhạc đạo làm người nghe thư giãn và lắng tâm để chuẩn bị đón nhận Phật Pháp.

Chương trình được điều hợp bởi đạo hữu Tịnh Tánh là người nữ Phật tử thường làm MC cho các chương trình tu học của Hội Phật Học Đuốc Tuệ từ bao lâu nay.

Đúng 2 giờ rưỡi, sau khi cung nghinh Hòa Thượng Giảng Sư quang lâm hội trường, đạo hữu Mật Nghiêm Đăng Nguyên Phả, Hội Trưởng Hội Phật Học Đuốc Tuệ đã có lời căn dặn cùng Hòa Thượng và đại chúng. Bác Mật Nghiêm cảm động nói rằng Hội Phật Học Đuốc Tuệ thật là hữu duyên có thể thỉnh được Hòa Thượng đến đây để ban thời Pháp đầu năm cho đại chúng. Rồi bác Mật Nghiêm đọc lời dịch tiếng Việt của câu kệ trong Kinh Kim Cang để dâng lên Hòa Thượng và cúng dường thỉnh chúng:

“Hết thầy pháp hữu vi như mộng huyễn, như bọt bóng, như sương chớp...”

Tất cả thỉnh chúng đồng hát bài ca Thịnh Chư Thiên với tiếng đàn guitar của đạo hữu Minh Trí trước khi Hòa Thượng chính thức giảng Bát Nhã Tâm Kinh.

Trước khi giảng, Hòa Thượng đã y hậu chỉnh tề và đánh lễ Phật ba lạy trước bàn thờ Phật trang nghiêm do Ban Tổ Chức thiết đặt tại hội trường.

Hòa Thượng nói rằng trong thời giảng



Hòa Thượng Thích Thái Siêu (giữa) chụp hình với một số Phật tử trước cửa Việt Báo. Đứng bên trái của HT Thái Siêu là đạo hữu Mật Nghiêm Đăng Nguyên Phả, người kể đến là đạo hữu Tâm Cát (Photo VB)



Thính chúng nghe Pháp trong hội trường Việt Báo (Photo VB)

hôm nay về Bát Nhã Tâm Kinh ngài sẽ nói đến năm đề mục chính: Dẫn nhập, văn bản Bát Nhã Tâm Kinh, Kinh Bát Nhã được đức Phật nói lúc nào và ở đâu, ai thực hành Bát Nhã, và đi vào nội dung của Bát Nhã Tâm Kinh.

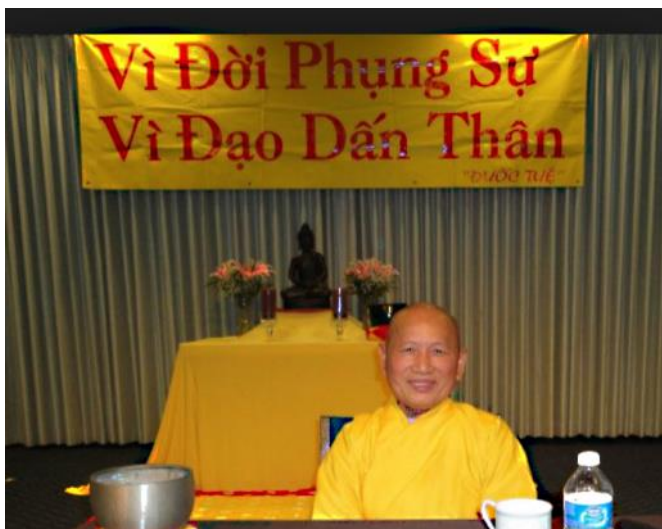
Về văn bản, Hòa Thượng cho biết nguyên văn đề kinh tiếng Phạn là Prajñāparāmitāhṛdaya Sūtra. Hán dịch là Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh. Bát Nhã Tâm Kinh nằm trong Bộ Kinh Đại Bát Nhã truyền thuyết do Bồ Tát Long Thọ xuống Long Cung học thuộc lòng để đem lên truyền bá trên nhân gian. Bản dịch chữ Hán do ngài Huyền Trang thực hiện vào Đời Đường thế kỷ thứ 7 ở Trung Hoa. Tại Việt Nam, Hòa Thượng Thích Trí Nghiêm đã dịch sang tiếng Việt Kinh Đại Bát Nhã. Hòa Thượng Thích Thái Siêu cho biết Bát Nhã Tâm Kinh có mấy người dịch sang chữ Hán, mà trong đó bản dịch của ngài Huyền Trang được lưu truyền sâu rộng nhất, gồm 260 chữ. Hòa Thượng cũng cho biết có nhiều bản dịch tiếng Việt của Bát Nhã Tâm Kinh.

Trong phần giải thích đề kinh, Hòa Thượng cho biết rằng Prajñā dịch âm là Bát Nhã, dịch nghĩa là trí tuệ, mà trí tuệ này là do tu tập, do chứng đắc mới có, tức là do thực hành giáo pháp mới phát sinh. Paramita dịch âm là Ba La Mật, dịch nghĩa là Đáo Bỉ Ngạn, tức là qua bờ bên kia hay cứu cánh. Hṛdaya dịch là tâm, tức là trái tim, là cốt tủy, là tóm tắt. Vì vậy, Hòa Thượng nói rằng theo ý nghĩa tiếng Việt thì Bát Nhã Tâm Kinh dịch là Bài Kinh Diễn Tả Trí Tuệ Tóm Tắt, hay Bài Kinh Cốt Yếu Về Trí Tuệ Qua Bờ Bên Kia.

Về vấn đề Kinh Bát Nhã đã được đức Phật nói lúc nào và ở đâu, thì Hòa Thượng trích bài kệ ngũ thời pháp giáo của ngài Thiên Thai Trí Giả Đại Sư chia các thời thuyết pháp của đức Phật ra làm 5 thời chính:

Hoa Nghiêm tối sơ tam thất nhật,
A Hàm thập nhị, Phương Đăng bát,
Nhị thập nhị niên Bát Nhã đàm,
Pháp Hoa, Niết Bàn cộng bát niên.

Theo đó, Hòa Thượng giảng rằng, Phật giảng Kinh Hoa Nghiêm trong 21 ngày đầu sau khi thành đạo. Các Kinh A Hàm được Phật dạy trong 12 năm sau đó. Các Kinh Đại Thừa Phương Đăng được Phật giảng trong 8 năm. Phật nói Kinh Bát Nhã trong 22 năm. Sau cùng



là Kinh Pháp Hoa và Kinh Niết Bàn Phật dạy trong 8 năm cuối cùng trước khi Phật nhập niết Bàn.

Về vấn đề đức Phật giảng Kinh Bát Nhã ở đâu thì Hòa Thượng cho biết có 4 chỗ mà đức Phật đã giảng lúc ngài còn tại thế, đó là: Kỳ Viên Tịnh Xá, Trúc Lâm Tịnh Xá, Linh Thứu Sơn, và Cung Trời Tha Hóa Tự Tại.

Về vấn đề ai thực hành Bát Nhã thì Hòa Thượng giảng rằng như trong Bát Nhã Tâm Kinh có nói "Quán Tự Tại Bồ Tát hành thâm Bát Nhã Ba La Mật Đa," tức là Bồ Tát Quán Tự Tại - - tôn xưng khác của Bồ Tát Quán Thế Âm -- đã thực hành Bát Nhã sâu xa. Chỗ này Hòa Thượng lưu ý thính chúng khi đọc bản chữ Hán cần phải hiểu cho rõ về nhóm chữ "hành thâm Bát Nhã," mà theo Hòa Thượng thì bản chữ Phạn nghĩa của chữ "thâm" đóng vai trò tính từ bổ nghĩa cho chữ Bát Nhã, nên phải hiểu là Bát Nhã sâu xa. Chữ không phải chữ "thâm" có vai trò trạng từ bổ nghĩa cho động từ "hành" đứng trước. Đây là điểm rất chuyên môn mà đa phần Phật tử không biết tiếng Phạn thì không rõ.

Đi vào phần nội dung của Bát Nhã Tâm Kinh, Hòa Thượng đã đọc một số câu trong Kinh chữ Hán và giải nghĩa chữ Việt để mọi người hiểu rõ.

Tuy nhiên, Hòa Thượng nhấn mạnh rằng nội dung cốt lõi của Bát Nhã Tâm Kinh nằm ở 2 câu:

"Ngũ uẩn giai không" và "Tâm vô quái ngại."



Hòa thượng giảng rộng thêm rằng, nhờ trí tuệ Bát Nhã quán chiếu ngũ uẩn - là 5 yếu tố tạo thành con người hay chúng sinh là sắc (thuộc vật chất do đất nước gió lửa tạo thành), thọ, tưởng, hành và thức thuộc tinh thần -- đều vô thường biến hoại, không thật có, vì vậy không có ngã, không có tự tánh, là Không. Không ở đây, theo Hòa Thượng, không phải là ngoan không, không có gì, mà chính là do duyên khởi mà có, tức là do nhiều yếu tố, nhiều điều kiện hợp thành, theo chữ Phạn là Sunyata hay buddhata, tức là Không Tánh hay Phật Tánh. Hòa Thượng nói rằng do quán chiếu được ngũ uẩn giai không như thế nên mới đạt được

trạng thái tâm không quái ngại và không còn mọi sợ hãi (khủng bố), tức là tự tại giải thoát.

Hòa Thượng cho biết rằng câu chú ở cuối Tâm Kinh Bát Nhã "Yết đế, yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế bồ đề tát bà ha," có nghĩa là lời đức Phật khuyên chúng ta hãy đi qua, đi qua, đi qua trọn vẹn bên bờ bên kia, là bờ giác ngộ giải thoát.

Sau phần giảng, Hòa Thượng đã dành nửa giờ để cho mọi người có thể hỏi những vấn đề còn chưa hiểu về Bát Nhã Tâm Kinh và về Phật Pháp để Hòa Thượng giải đáp. Có nhiều Phật tử đã đưa tay lên để hỏi Phật Pháp và được Hòa Thượng giải thích rõ.

Điều đặc biệt là trong suốt thời giảng kéo dài hơn 2 tiếng đồng hồ mà mọi người đều ngồi yên lặng để lắng nghe và cảm thấy rất vui vẻ, rất thoải mái, rất thư giãn. Có lẽ là nhờ Hòa Thượng đã khéo léo phương tiện kể nhiều câu chuyện vui, nhưng mang nhiều ý nghĩa giáo dục rất hào hứng.

Chẳng hạn, Hòa Thượng kể chuyện có gia đình vợ chồng Phật tử kia đến thưa với Hòa Thượng rằng năm mới họ bị sao "la hầu" nên sợ sẽ gặp điều không vui trong nhà và nhờ Hòa Thượng cúng sao giải hạn. Hòa Thượng nói với họ điều đó không khó và hãy làm theo lời Hòa Thượng dặn thì sẽ cả nhà an vui. Hai vợ chồng háo hức muốn biết đó là điều gì thì Hòa Thượng nói từ nay vợ chồng đừng "la" mà hãy "hầu" thì sẽ vui vẻ cả nhà thôi. Nghe đến đây thì cả hội trường đều cười rộ lên rất thoải mái.

Điều mà Hòa Thượng nhắc đi nhắc lại nhiều lần trong suốt buổi giảng Bát Nhã Tâm Kinh là học Phật Pháp là để thực hành, có thực hành Phật Pháp thì mới có lợi ích lớn lao, đó là thoát khỏi khổ đau của cuộc đời. Hòa Thượng cũng nhắc nhở người Phật tử cần phải biết cư xử và sống có nhân cách, có đạo đức, chân thật, ngay thẳng.

Bản tin này chỉ ghi lại một số điểm chính mà không thể ghi đầy đủ tất cả những gì Hòa Thượng đã giảng rất chi tiết, rất công phu trong suốt 2 giờ đồng hồ.

Trước khi kết thúc thời giảng, đạo hữu Tâm Cát trong Ban Điều Hành của Hội Phật Học Đuốc Tuệ đã thay mặt đại chúng bày tỏ lòng thành tri ân sâu xa đến Hòa Thượng Thích Thái Siêu đã hoan hỷ đến đây để ban cho thính chúng thời Pháp rất sâu sắc và lợi lạc. Ông cũng không quên cảm ơn tất cả đồng hương Phật tử đến đây để nghe Pháp. Ông cầu chúc mọi người năm mới vô lượng an lành.

Điều cảm động là khi chư vị đại diện hội chúng dâng phần tịnh tài cúng dường lên Hòa Thượng để tỏ lòng tri ân, thì Hòa Thượng hoan hỷ nhận xong rồi cúng lại cho Hội. Hòa Thượng nói mười mấy năm nay ngài vẫn làm thế, và ngài muốn cúng lại để Hội Phật Học Đuốc Tuệ có điều kiện tiếp tục tổ chức những buổi tu học như thế này cho tất cả mọi người.

Kính cảm ơn Hòa Thượng Thích Thái Siêu đã ban cho một thời Pháp thật ý nghĩa và lợi lạc.

Chắp tay trong cõi vô thường

TIÊU LỤC THẦN PHONG

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Lần đầu tiên gặp tôi, y chắp hai tay và cúi đầu chào. Tôi rất ngạc nhiên, trong đầu xuất hiện câu hỏi: "Sao y lại biết lễ tiết chào trong nhà Phật?" Tôi cũng chắp tay chào đáp lễ. Mọi người xung quanh cười rần rần vì họ thấy lạ mắt quá. Họ hỏi ý nghĩa của việc đó có nghĩa là gì? Tôi vận dụng cái mớ tiếng Anh ba rọi giải thích cho họ hiểu. Họ có vẻ thích thú lắm. Tôi nghĩ y chào như vậy chắc tùy hứng bất chợt nhưng tôi đã lầm. Mọi ngày đều như thế cả, suốt một thời gian dài. Mỗi buổi sáng là y chắp tay chào tôi với nụ cười rạng rỡ... Dần dần có thêm vài người nữa cũng chắp tay chào tôi như thế vào mỗi buổi sáng.

Trong cái hăng có bảy trăm công nhân này, có lẽ tôi là người Phật tử duy nhất. Đa số là Mỹ, Mễ Tây Cơ, người da màu, vài người Thái, Lào, Căm Bốt... nhưng y chẳng chào ai như vậy, chỉ chào mỗi mình tôi với cách thức này! Đôi khi tôi nghĩ chắc y và tôi có duyên gì đó trong tiền kiếp chăng? Rồi hôm nọ có một người phụ nữ chặn tôi lại và hỏi:

"Này chàng trai trẻ (young guy mà), sao chỉ chào anh kia với cách đó (chắp hai tay) mà không chào với tôi như vậy?"

Tôi khựng lại vài giây và lập tức chào bà ta. Bà ta vui lắm và chào đáp lễ. Tôi thật sự cảm thấy cái cảm giác vui và là lạ trong người. Giữa một tập thể người Công Giáo, Tin Lành và khác chủng tộc, màu da lại xuất hiện lối chắp tay chào nhau theo kiểu thức

nhà Phật. Khi viết những dòng chữ này tôi đang ở trong chánh niệm không buông lung, không phóng dật, không tự tán huỷ tha... Sở dĩ nói như vậy là vì hiện nay trên mạng có quá nhiều những tin giả, ảnh giả... tất cả nhằm phô trương cái tôi, cái bản ngã của mình. Tôi viết những dòng chữ này để ghi dấu một ấn tượng đẹp, một hành động đẹp và mong muốn mọi người hãy chào nhau bằng cách thức này!



Khi mình chắp hai tay cúi đầu chào nhau là mình thể hiện sự kính trọng một cách cao đẹp nhất đến đối phương. Mình thể hiện sự cung kính nhất đến người được chào. Bình thường hai bàn tay với mười ngón tay nó rời nhau tượng trưng cho cái tâm của

mình suốt ngày tán loạn, suốt ngày trong vọng tưởng, suốt ngày lu bu với những chuyện ngũ dục, chuyện ái, ố... cái tâm luôn luôn thất niệm. Còn khi mình chắp hai tay lại chào nhau là thể hiện sự nhất tâm, cúi đầu chào là thể hiện sự khiêm cung, hoà mục. Quả thật là đẹp, hay và tràn đầy ý nghĩa!

"Chắp tay trong cõi vô thường

Chào nhau ở giữa con đường biển xanh

Chúc em cuộc lữ an lành

Chờ nhau khoảng khắc mà thành trăm năm"

Cuộc sống vẫn trôi đều đều như dòng sông bất tận. Mình đến nơi này vì duyên, vì nợ, vì ơn, vì oán... mà gặp nhau, tùy theo cái "duyên" của mình mà sung sướng hay khổ đau; ấy là cái tình thế, cái ngăn hạn. Còn về cơ bản thì tất cả đều khổ cả vì cõi Sa-Bà vốn nghĩa nó là kham nhẫn mà (phải chịu đựng)! Cuộc trăm năm ấy là nói ước lệ chứ thật có mấy ai đủ trăm năm. Trong cuộc trăm năm này thời gian vui thì ít mà buồn thì nhiều, sướng thì nhỏ nhiệm mà khổ thì bất tận, bởi vậy mới có Phật ra đời để độ sanh, mới có Bồ Tát thị hiện để ban vui cứu khổ. Đời tuy khổ nhưng mình biết sống, biết vui thì sẽ vui. Mình phải biết sống trong từng phút giây. Mỗi phút giây chánh niệm là mỗi phút giây an lạc. Chánh niệm là mình biết, mình nhận thức rõ ràng lời nói, việc làm, suy nghĩ của mình trong phút giây đó có đúng hay không? có lợi người lợi mình

hay hại người hại vật... Sống trong từng phút giây chánh niệm là sống trong an lạc! Khi mình có chánh niệm thì mình biết cái thân này vốn bất tịnh, ngày ngày tiết ra bao nhiêu đờ bẩn hôi thối; cái thọ là khổ vì thọ vừa ý thì bám giữ, thọ khổ không vừa ý thì chán ghét vì vậy mà khổ; cái tâm vô thường, sáng nắng chiều mưa, nay yêu mai ghét; pháp vô ngã, vô ngã vì mọi vật, mọi việc đều là giả hợp, chúng hợp nhân duyên mà sanh ra. Ấy là pháp tu Tứ Niệm Xứ, pháp tu căn bản và quan trọng mà năm xưa Thế Tôn chỉ dạy!

Mùa xuân đã về, muôn hoa khoe sắc, cỏ biếc xanh màu, lòng người hoan hỷ. Những ngày này quả thật đẹp như trong những phim hoạt hình của Walt Disney. Một ngày nào đó bạn ra đường mà gặp một người lạ chấp tay cúi đầu chào nhau thì Sa-Bà này cũng đáng để sống trăm năm lắm! Mình đã sống trong từng phút giây, hoan hỷ trong từng phút giây, an lạc trong từng phút giây hiện tại thì cho dầu có đủ trăm năm hay một nửa, một phần ba... cũng chẳng có gì để phàn nàn cho là đoàn mệnh, bất hạnh cả!

"Tôi đến nơi này một sớm mai
Rong chơi kể chuyện với
muôn loài"

Đến để rong chơi thôi mà, đến để làm bạn với muôn loài thôi mà! Đến để yêu thương, để san sẻ với nhau... cho nên có ra đi lúc nào thì cũng vui vẻ chứ có gì mà tiếc! Hôm qua, hôm nay, ngày mai cũng thế; đời xưa, đời này, đời sau cũng thế! Nếu đã sống trọn vẹn trong từng phút giây hiện tại thì coi như sống đủ, sống trọn vẹn chẳng có gì hối tiếc cả.

Mình sống trong hiện tại, sống trong từng phút giây, sống an lạc, sống chia sẻ và cho đi cho dù có nhọc nhằn mưu sinh, cho dù đức bạc tài sơ cũng chẳng còn là vấn đề nữa. Tâm kinh vẫn bảo: "Sắc tức thị không... thọ, tưởng, hành, thức đều như vậy cả" mà! Cứ mỗi sáng gặp nhau chấp tay cúi đầu chào nhau, miệng cười hoan hỷ thì cuộc đời này là ở đây và tại nơi này. Cuộc đời này đã đến và đã thấy!

TLTP



CHẤN SƠN HÀ

*Một sớm làng quê bỗng xác xơ
Người dân phút chốc hóa bơ vơ
Cửa nhà ửi sập ngàn muôn mái
Thiên chúa, thiên môn mất chỗ thờ*

*Ruộng đất vườn cây phá sạch rồi
Quan quyền cướp mãi chưa hề thôi
Cha ông để lại mà nay mất
Sống kiếp ăn mày chết nổi trôi*

*Hận lũ quan nha dám tà quyền
Tham lam vô độ đến đảo điên
Ngu si vô cảm nên đen tối
Chỉ biết hư danh với bạc tiền*

*Tiên Lãng, Còn Dầu lại Thủ Thiêm
Dân oan uất hận suốt ngày đêm
Và bao nhiêu nữa miền quê khác
Phải ách cường quyền bạc ác thêm*

*Sài Gòn sông chở nặng phù sa
Mà nay như đổ máu dân ta
Lại thêm trang sử đầy ô nhục
Bêu danh xú ố lẽ lũ gian tà*

*Đất nước mình đây lắm hư hao
Người dân cùng khổ sống lao đao
Tà quyền quan lại bao giờ tận
Lòng dân nô nức chấn sơn hà.*

thơ

TIỂU LỤC THẦN PHONG

Át Lăng thành, 10/2018

Trong cửa Thiên

THANH THỊ

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Sau giờ công phu chiều, Nhân lại ra trước hiên chánh điện nhìn xuống khoảnh sân tràn ngập xe máy, xe đạp; những chiếc xe được xếp rất ngay ngắn và thẳng hàng bởi người chủ bãi giữ xe này. Nghe có vẻ lạ bởi tại sao sân chùa lại là bãi giữ xe, nhưng thực tế lại chẳng có gì đáng ngạc nhiên, dường như sự hiện hữu của nó tại nơi thiên môn này là điều tất yếu.

Ngôi già lam này vốn là của một điền chủ thất thời xây dựng lên trước năm 1975, sau đó chính điền chủ này lại cung thỉnh Sư bà (Viện chủ bây giờ) về làm trụ trì, vì là *cải gia vi tự* nên gia đình con cháu của ông điền chủ vẫn ở một góc đất trong khuôn viên chùa. Mới đầu, Sư bà về chỉ có một phòng nhỏ ở tầng hai của dãy nhà ông điền chủ, chánh điện được xây dựng rất tạm bợ, sau vì ni chúng đến thọ pháp với Sư bà quá đông, nên Sư bà đã cố gắng xây lại chánh điện và dãy nhà chúng cho đệ tử có nơi sinh hoạt và tu học.

Nghe kể, lúc ông chủ chùa hiến cúng đất và phần đã xây dựng cho Sư bà nhằm lúc đất Saigon rẻ như bèo. Khu đất khi ấy có cho người ta cũng không thèm lấy, bởi ao tù nước đọng, các thành phần bất hảo, tệ nạn xã hội đều tập trung về khu vực này. Sự hiện diện một ngôi chùa là điều mà lãnh đạo đương thời rất khuyến khích, hy vọng bằng tấm lòng từ bi và thân giáo, quý sư cô sẽ cảm hóa được con người nơi đây.

Đến khi xã hội bước vào thời kì hội nhập phát triển, kinh tế dần ổn định, các tệ nạn được hạn chế, giá đất ở đây được đẩy lên rất cao, bởi trước chùa là trường học, chỉ năm mươi mét là tới chợ, kèm theo đó là những tòa nhà chọc trời dần được mọc lên, giao thông quá thuận tiện, từ đó lòng tham con người được có cơ hội bộc phát. Thời gian này ông chủ chùa và bà vợ đã mất, các con ông bắt đầu bàn tính kế hoạch đoạt lại phần đất đã xây chùa. Một ngôi miếu ngũ hành được xây dựng ngang trang hơn bên hông phải của chùa, phần khu nhà ở của gia đình cũng xây dựng lại và bắt đầu cho sinh viên và công nhân thuê ở. Sân chùa được tận dụng làm bãi giữ xe cho học sinh của ngôi trường trước chùa và những công nhân viên chức làm việc gần đó. Ngay cả đài Quan Âm cũng bị tranh giành và người nhà đã đặt thùng phước sương ở đó, tất nhiên là để thu lợi. (Không ít người vì bận rộn, không có thời gian lên chánh điện lễ Phật, nên đã lễ ở đài Quan Âm này, và họ cũng dành chút lễ mọn đặt ở đó luôn. Một số người chưa biết đạo nhiều lại tưởng rằng miếu ngũ hành cũng là của chùa, nên họ cứ vô tư thành tâm lễ bái ở đó.) Sư bà lúc này đã già yếu, và cũng vì một lẽ Sư bà không muốn tranh giành với người thế gian. Đôi lần ni chúng rất bức xúc về vấn đề này, lên thưa Sư bà thì nhận được lời dạy: "Thầy muốn dùng tâm từ của

mình để cảm hóa họ, nếu không được, có lẽ lực tu của mình chưa đủ, nên cố gắng tu hơn nữa vậy..."

Có đợt gia đình ấy đã thuê một "ông thầy tụng" về tụng kinh ở miếu ngũ hành, cứ như để thách đố với chùa, với quý sư cô. Họ bắt hai chiếc loa thật to và chia hướng loa về chánh điện của chùa, cứ tới giờ hô chuông tối, tầm 6 giờ 30 phút là "ông thầy tụng" bắt đầu chuẩn bị chuông mõ để tranh tụng với quý cô trong chùa, đầu chừng được một tháng, ông thầy tụng kia ngưng tụng và từ đó về sau, việc tranh tụng ấy không bao giờ diễn ra thêm lần nào nữa (nghe đâu có xích mích chuyện tiền bạc, công cán với gia đình thuê tụng).

Năm nào cũng vậy, tới đám giỗ ông chủ chùa là quý sư cô tất bật lo từ hoa trái đến thức cúng, gia đình ấy chỉ việc qua ăn rồi còn bung bê về nhà, vậy nhưng quý cô không một lời oán trách, cũng bởi Sư bà thường dạy: "*Dù con cháu ông chủ chùa có đối xử với mình ra sao đi chăng nữa, dù họ có tệ hại, bệ rạt đến cỡ nào, thì mình cũng phải biết ơn ông chủ chùa, không thể đánh đồng ông chủ chùa và các con cháu ông ấy, ai làm nấy chịu, cứ tin vào nhân quả đi con!*"

Mãi suy tưởng về ngôi chùa mà mình sống, thì từ xa Thầy của Nhân đi vào sân chùa lúc nào không hay. Cô rụt rè khi nhìn thấy Thầy đang khoác chiếc nón lá cũ kĩ một bên tay, ngẩng lên chấp tay cung kính hướng về bức tượng Quan Âm

giữa sân mà xá chào. Tiếp đó Người xoay sang xá miếu ngũ hành bởi nơi ấy cũng được bài trí tượng Quán Âm, sự nghiêm cẩn cũng không hề giảm sút, rồi nhẹ nhàng bước vào cửa chùa. Nhân vội vàng cất y áo rồi chạy xuống, đỡ tay nai từ Thầy, Nhân nhẹ cúi đầu đi theo Người về phòng.

Nhấp ngụm nước trà mới pha, những nếp nhăn trên gương mặt Thầy dường như giãn ra. Nhân thưa Thầy về ý muốn đi học. Thầy thoáng ý cười, rồi bảo:

“Thầy cũng định nói chuyện này với con, nay con đã thưa như vậy Thầy cũng sẵn lòng. Con ở với Thầy cũng đã lâu, nghĩ cũng đến lúc con cần phải xa Thầy để vào một trường lớp nhất định. Những gì cần phải dạy cho con Thầy cũng đã dạy hết rồi, bây giờ phải lúc con nên đi ra, thọ giáo từ những vị Thầy khác, nếu con cứ ở mãi bên Thầy thì thế giới của con sẽ bị bó buộc nơi đây, đi ra để học, để trưởng thành hơn chút. Thầy không hy vọng sau này con phải làm chức vụ này nọ, lại càng không muốn sau này con làm trụ trì.”

Nhấp thêm ngụm nước, Thầy tiếp:

“Có thể con nghĩ rằng Thầy khó tính hay này kia, nhưng đó là những gì thật tâm Thầy muốn ở con. Con thấy đó, bất đắc dĩ lắm Thầy mới nhận việc thay Sư bà quản lý ngôi chùa này, chứ thật Thầy không hề muốn. Trụ trì đầu phải để, chứ Tổ có cắt nghĩa trụ trì rồi đó, ‘trụ Pháp vương gia, trì Như lai tạng.’ Con thấy không, trách nhiệm của vị trụ trì lớn lắm, nặng lắm, nếu như không đủ tài đức thì làm sao gánh nổi trách nhiệm như vậy. Con biết không, sự tranh chấp nơi đây nhiều lúc khiến Thầy muốn buông xuôi, Thầy ước mình có thể như chư Tổ khi xưa, có thể thông dong ba y - một bát, có thể ở ẩn nơi rừng sâu, chuyên lo tu tập, chuyên hóa nội tâm. Nhưng điều đó chắc không bao giờ có thể thực hiện được, nói vậy chắc con hiểu.”



Im lặng một lúc, Thầy nói:

“Con biết đó, ngày Sư bà con khỏe, Thầy từng theo Sư bà tham gia một số chức vụ của giáo hội, bây giờ thì Thầy đã xin nghỉ làm việc trong đó, Thầy có cảm giác mệt mỏi, có trong đó mới thấy được hết những nỗi nhọc nhằn mà quý Ngài đã phải chịu, nhưng ở một khía cạnh khác, đó cũng là nơi dễ khiến cho lòng tham ‘danh vọng’ phát khởi, như vậy lại chướng ngại đường tu. Con thấy không, mình là người có tất cả, có gia đình, có tài sản, có danh lợi,..., mình bỏ tất cả phát nguyện làm người của ‘cửa không,’ vậy mà chỉ một bước chân lạc hướng, mình lại đi tìm tất cả, như vậy đâu có được, như vậy có phải là tu sai rồi không.”

Ngưng lại như để suy nghĩ, Thầy xoay lại vấn đề đi học của Nhân:

“Thầy hoàn toàn khuyến khích con đi học, nhưng con à, người thế gian học để thăng quan tiến chức, để tiền bạc rủng rỉnh, còn mình là

người tu, mình học là để tu, con hãy nhớ, HỌC là TU, và HỌC để TU là hai phạm trù hoàn toàn khác nhau. Thầy cũng từng tham gia lớp Văn khoa của Đại học, nhưng rồi bỏ giữa chừng, vì khi ấy Sư bà không cho thầy tiếp tục học, Sư bà chỉ đưa ra một lý do đó là trường đời, người tu học không thích hợp. Nhiều người tu lấy học làm sự nghiệp, vì họ cho rằng học cũng là tu, Thầy sẽ không bàn về quan điểm đó, vì sau này con sẽ tự định hướng cho mình một hướng đi, và biết đâu con sẽ chọn con đường như vậy.”

Thầy lấy trong đây ra hộp bánh, rồi đưa cho Nhân, như ý nói cô hãy mở ra cho Thầy trò cùng dùng, rồi Thầy hỏi:

“Con có biết vì sao Ngài A nan được mệnh danh là Đa văn đệ nhất trong hàng đệ tử đức Phật, nhưng mãi sau khi Phật nhập diệt mới chứng quả không?”

Nhân khẽ gật đầu thưa:

“Bach Thầy, theo con nghĩ, có lẽ Ngài ghi nhớ tất cả lời Phật nói ra nhưng lại chưa

thực tập một cách rất ráo lờ Phật dạy.”

Thầy mỉm cười đón bánh từ tay Nhân rồi nói:

“Con hiểu đúng rồi đó, người tu mình cốt yếu ở chỗ dụng công tu tập chuyển hóa, chuyển hóa khổ đau trong tâm, làm sanh hỷ lạc. Nhưng trước khi muốn có hỷ lạc phải có định, định đơn giản chỉ là bình tâm đối diện trước mọi cảnh duyên cuộc đời, làm việc gì biết mình đang làm việc ấy, vậy đã là tu, nói dễ chứ làm khó. Đôi lúc Thầy cũng động tâm với những lời nói khó nghe từ người khác, nhưng khi Thầy động tâm, Thầy cũng biết là tâm mình đang chao đảo, không yên.”

Nói tới đây, Thầy trầm ngâm. Nhân dâng lên Thầy ly trà mới, Thầy nhận lấy rồi nhìn khắp phòng, nhìn qua cửa sổ, hướng ra vườn hoa, Thầy khẽ nhắm mắt. Nhân thưa:

“Bach Thầy, con hiểu ý của Thầy, con cảm ơn Thầy đã cho con đi học, con hứa sẽ làm theo lời Thầy dạy.”

Không mở mắt, Thầy nói:

“Thân nữ nhi quả thật là khổ, nhưng được làm thân người đã là quý lắm, lại được làm con gái Như lai, đó là phúc duyên của con, con hãy cố gắng giữ lấy, con cần phải phát nguyện, dù có chuyện gì xảy ra cũng không từ bỏ chiếc áo thoát tục này, chỉ khi con có nguyện, thì lúc lên xuống, chông chênh trên đường tu con mới có thể vượt qua được tất cả. HỌC ĐỂ TU, nhớ nghe con... Thôi được rồi, con về phòng đi, Thầy muốn yên tĩnh một lúc...”

Nhân chần chừ chưa lui thì Thầy lại lên tiếng:

“A, khi nào có hồ sơ đi học vậy con?”

Nhân vội thưa:

“Dạ Mô Phật, bạch Thầy, con nghe sư thúc nói bây giờ người ta đã phát hồ sơ ra.”

Thầy ngồi thẳng người dạy rồi nói:

“Vậy để Thầy nói thúc con xin hồ sơ rồi Thầy sẽ làm cho con, được rồi, con về phòng đi.”

Thoáng ngập ngừng như muốn nói thêm điều gì đó,

QUAY VỀ ĐÊM HÔM TRƯỚC

*nắng mặt chảy qua trời đông chỉ
không lạnh mà sao lại cứ buồn
gió gợi hương người nghe rất ngọt
hôm nào sót lại giữa môi hôn*

*mỗi chữ xuống dòng nghe rất nặng
trong lòng giấy trắng hãy còn thom
em muốn viết gì thêm nữa vậy
ký tự buồn*

gom lại cũng cô đơn

*ngồi lại nói quanh điều nhăng cuội
cái đau bữa trước nói như đùa
xuân ở bên trời chưa kịp đến
giật mình đang nắng bỗng dưng mưa*

*nắng buổi hôm xưa hồng như ngọc
lời ngỏ năm xưa chẳng gieo vên
em hé đôi môi nồng như rượu
chia cùng không một chút phân vân*

*chờng xuân đang chín dần trong gió
ta vẫn chân chừ phía cuối đông
muốn quay về lại đêm hôm trước
rót thêm vào đó chút ân cần*

thơ **TRẦN THIÊN THỊ**

nhưng cuối cùng Nhân lại hướng về Thầy đáp “Mô Phật!” rồi lui ra.

Lách mình qua lối đi nhỏ hẹp bởi hai hàng xe trong sân chùa, lúc này cũng nhằm giờ tan trường của học sinh, đám nhỏ cứ ríu rít bàn về bài học mới lấy xe, vì vậy khó khăn lắm Sư thúc và Nhân mới có thể bước ra tới cổng chùa. Những gì cần dạy, cần dặn dò, đêm qua Thầy đã nói hết với cô, giờ Thầy không xuống tiền vì sợ Thầy trò lại bịn rịn, quỵến luyến. Giữa đám học

trò đang lao xao, Nhân quay người lại, mở chiếc khăn cánh sen đang đội trên đầu ra, chấp tay hướng về bức tượng Quán Âm giữa sân, xá chào, xoay người đi. Nhưng như sức nhớ ra điều gì đó, Nhân vội quay đầu lại, cô ngẩng mặt nhìn về phía chánh điện, ở đó có một người cũng đang nhìn về phía cô, tự dưng dòng lệ nóng nơi hốc mắt tràn ra, cô cúi xuống xá chào Người thêm lần nữa rồi xoay mình bước lên xe sư thúc đang chờ sẵn...

Người đẹp gieo cầu

Soạn giả: THÍCH MINH CHIỂU
(Truyện Cổ Phật Giáo)

TRUYỆN TÍCH PHẬT GIÁO

Cái tin “Người đẹp gieo cầu” loan đi rất chóng. Thế là hai vị Quốc vương ở nước lân bang chưa lập Hoàng hậu, và tám vị Đông cung của tám nước chư hầu, thêm vào nhiều vị Hoàng tử đa tình với một số Vương tôn hiếu sắc đều xao xuyên cả lên.

Kinh đô xứ Ma Kiệt Đà mấy tháng nay vô cùng náo nhiệt. Bộ kiến thiết xuất ra một số ngân quỹ lớn, để dựng lên những ngôi nhà mỹ lệ trang nghiêm chờ tiếp quý khách bốn phương.

Mùa đông, gió mưa đã lặng lẽ rút lui, trăm thứ hoa lan bắt đầu chớm nở để đón mùa Xuân về, kinh thành Ma Kiệt Đà cũng rộn lên như trăm hoa vậy.

Rồi những đoàn lạc đà lông mượt như cỏ non, oai dũng tiến vào kinh đô, từng đoàn ngựa tốt yên cương toàn bạch ngân rầm rầm tiếp đến,

và đây là đoàn bạch mã, hãnh diện trong những bộ yên cương vàng thẫm như son. Nhưng người ta chú ý đến đoàn kỵ mã vào sau, có một đặc biệt làm dân chúng chú ý là phải. Một đoàn kỵ mã võ trang oai phong hùng dũng, tiếp đó là một thớt bạch tượng sắc trắng như tuyết, mượt như nhung, cổ bạch tượng đeo chuỗi anh lạc toàn thất báu, bốn chân đeo nhiều lục lạc vàng mới y. Trên lưng bạch tượng, một thiếu niên anh quân, đây là vua nước Câu Đà Thi Lợi cũng có một danh từ đặc biệt của dân chúng tặng là: Hoàng Đế Tam Đa (đa trí, đa tham, và đa tình) từ khi mưu giết được anh, rồi lên ngôi Hoàng đế, ông có tài dụng binh rất giỏi nên các nước đều sợ oai, danh ông lừng lẫy bốn phương. Mặc dù nhà vua là một bậc anh hùng tái thế, nhưng phải cái bệnh cũng đa

tình hiếu sắc. Khi nghe đồn con gái nhà vua Ma Kiệt là trang tuyệt sắc thì nhà vua mê mết, và ước ao cưới được nàng sẽ sắc phong Hoàng hậu.

Vua cho sứ thần đem nhiều lễ quý qua cầu hôn. Sứ đi vua hồi hộp đợi chờ như trẻ con mong mẹ về chợ vậy. Nhưng anh hùng cái thế cũng phải toát mồ hôi, khi nghe tin công chúa từ hôn, vì cái lịch sử của mình không được đẹp (giết anh đoạt ngôi). Tuy chưa hề gặp mặt, nhưng chữ *khuyh thành* đã ám ảnh nhà vua, nên ông thề thế nào cũng cưới cho được nàng mới nghe.

Bỗng nay, cái tin Công chúa sẽ làm lễ gieo cầu, làm ông đặt nhiều hy vọng.

Trước khi lên đường, vua vỗ về bạch tượng: “Phiền khanh chuyển này thật không phải vì tham đất nước nữa, chỉ mong khanh làm thế nào giúp trẫm, đoạt được quả cầu của mỹ nhân trẫm sẽ trọng thưởng.”

Hôm nay là ngày lễ thần Phạm Thiên, trên lầu hoa cao, trước bàn thờ thần, bộ nghi lễ trang hoàng cực kỳ lộng lẫy. Người ta cắm trăm thứ hoa tươi xông một trăm thứ bông quý, đốt trăm nén hương thơm, thả trăm đôi bạch lạc. Trăm đồng nữ xiêm y rực rỡ, trăm vị Phạm Chí lễ phục oai nghiêm v.v... Ở đây thứ gì cũng phải đủ số trăm để tượng trưng cầu “Bách niên giai lão.”

Các nhà danh cầm trong nước, đã vỗ nhiều bản nhạc đây ý nghĩa: “Loan phung hòa minh” hay “Sắc cầm hòa hiệp” v.v...

Ban nhạc cử lên, trăm em đồng nữ múa xong điệu, rồi rẽ





ra hai bên tượng hình Song Hỷ, tiếp đó trăm vị Phạm Chí vào làm lễ cầu nguyện xong. Công chúa Vô Song trong phòng hoa đài các bước ra, kính cẩn quỳ trước tượng thần. Hai trẻ thanh y quỳ hai bên, dâng cao hộp ngọc đựng quả cầu, và bình pha lê đựng nước hoa thơm. Thanh y nghiêng bình pha lê rưới vào đôi bàn tay ngọc, rồi mở nắp dâng quả cầu, Công chúa nâng cao quả cầu lên đánh (đây là quả bóng tròn, lớn bằng quả cam, ngoài bọc gấm quý, trên thắt trăm vòng dây kim tuyến) quả cầu chỉ có thể, nhưng đã mang lại một sứ mạng trọng yếu, nghĩa là tất cả cuộc đời của Công chúa, hạnh phúc an vui, hay bề bàng đau khổ, đều do quả cầu này định đoạt.

Nàng kính cẩn quỳ trước tượng thần rất lâu, khẩn vái kỹ càng: ngày sanh, tháng đẻ, họ hàng làng nước v.v... cần thần nàng tha thiết cầu thần linh dun dùi, quả cầu gieo trúng người được nàng yêu, sẽ yêu nàng mãi mãi.

Những bản nhạc chúc mừng tiếp tấu du dương vừa dứt, hàng vạn âm hưởng lao xao đều ngừng bật. Tất cả chú ý nhìn lên lầu hoa, Công chúa mặc lễ phục toàn sắc trắng tinh, dính nhiều hạt trai thêu thành trăm hoa. Trên đầu là một tràng hoa kết bằng kim cương. Toàn thân nàng là cả một tượng nữ thần kỳ công của nhà điêu khắc danh tiếng, hay một bức tranh mỹ nhân do bàn tay họa sĩ tuyệt tài. Thật không biết cái đẹp của hăng nga thế nào, nhưng ta cũng tạm mượn để ví với Công chúa Vô Song khi ở trong lầu hoa lộng lẫy bước ra. Nàng đứng hẳn ngoài bao lơn nhìn khắp một lượt. Thế là hàng trăm quả tim đứng đợi đoạt cầu, tuy không hẹn nhau mà đồng thời hồi hộp. Nhất là Hoàng đế Tam Đa, khi nhìn rõ Công chúa, ông kiêu hãnh và tự nghĩ: tài này sắc ấy thật xứng đôi, nếu ta đoạt được cầu thì ta sẽ sẽ thờ nàng đời.

Công chúa nhìn khắp

một lượt rồi dõng cao quả cầu tung lên giữa hư không...

Ồi! Bóng hạnh phúc, bóng hạnh phúc hiên ngang lơ lửng giữa hư không, làm cho Quốc vương, điện hạ, sứ quân... ngóp ngóp chụp bắt. Nhưng làm sao bắt được bóng hạnh phúc???

Quả bóng vô tư gặp luồng gió nhẹ, và trên quả cầu có chùm kim tuyến, nên trăm mũi chỉ xòe trông rất đẹp, nó cũng không rơi xuống ngay được. Vì thế quả cầu cắc cớ lơ lửng giữa không trung, chợp chờn trở trêu trong khi trăm lòng mơ ước.

Bỗng người ta nghe có tiếng người la to: Á ông Sa môn, ông Sa môn ơi! Quả cầu vướng vào tích trượng của ông kia kia.

Thế là trống kèn trời dậy, để chúc mừng vị tân phò mã. Song vị Sa môn vẫn khoan thai từ bộ, hình như người không biết có việc gì xảy ra.

Đại phạm cái gì có tương đối mới tương tranh, còn cái không ngờ thì thật lòng cũng không nghĩ đến ganh ghét kị. Như cuộc gieo cầu này, nếu có một vị trong trăm vị Quốc vương đại thần... mà đoạt được quả cầu, thì chắc chắn có cuộc chiến tranh không khỏi. Nhưng đằng này quả cầu trở trêu vướng tòn ten trên đầu tích trượng, thành thử trăm lòng như một, họ đều chứng hứng và rồi vì đồng cảnh thất vọng như nhau, nên họ thông cảm nhau rất dễ.

Phải chăng bóng hạnh phúc vô tình vướng vào đầu tích trượng hay tại Thần lạng tai nghe khẩn lộn, chờ ai nỗ đem cái ân ái buộc cho người xuất gia ly dục bao giờ?

Không, không phải vậy. Thật ra khi Công chúa đứng trên lầu hoa, nàng đã thấy trăm quả tim rộn lên vì sắc đẹp của mình, nàng nghĩ thầm: Ồi! Chỉ vì một chút nhan sắc của ta, mà làm hao phí biết bao nhiêu của dân của nước... Ừ! Tim kia đã rộn ràng lên vì sắc đẹp thì sẽ có ngày lạnh lùng vì tuổi già. Và nếu một người trong số trăm người này đoạt được quả cầu thì ta e

không khỏi xảy ra chuyện chẳng lành cho dân cho nước. Đương băng khuâng suy nghĩ, rồi nàng phóng tầm mắt nhìn xa và nàng đã thấy. Nàng thấy một vị Sa môn uy nghi trong bộ áo cà sa tay cầm tích trượng xa xa tiến lại, Sa môn từ bỏ thản nhiên giữa đám người đang rộn rịp.

Ôi! Người đâu mà đẹp thế? Oai nghiêm như một vị thần linh ứng, tử bi như một bà mẹ dịu hiền và đỉnh đặc như một vị thầy mô phạm.

Tâm quan thanh tịnh của người ly dục phát ra một sắc đẹp phi thường. Công chúa sống sờ nàng cảm thấy tràn lòng yêu kính. Nàng nói một mình: Chỉ có quả tim này mới không rộn ràng trước sắc đẹp và chỉ có quả tim này, mới không lạnh lùng trước tuổi già. Công chúa nhắm ngay vị Sa môn... tung mạnh quả cầu vào người mặc dù trông dục còi thối, nhạc trời, người kêu. Vị Sa môn vẫn bất động, người cứ đi, và quả cầu cứ tòn ten trên đầu tích trượng.

Một toán ngựa lâm quân phóng ngựa chạy theo: "Kính tâu tấn phò mã. Xin người hãy dừng chân, xin phò mã hãy dừng chân lại..."

Lạ thay người đi vẫn ung dung, mà ngựa chạy theo không kịp. Vua quan tân khách và dân chúng đều lao xao cả lên. Đoàn ngựa lâm quân phóng ngựa theo Sa môn, không biết đi về phương nào mà trông hoài không thấy.

Trên lầu hoa, cả hoàng gia ngồi chờ tin tức, nhưng mãi đến chiều tối, mới có một người trong đoàn ngựa lâm ban sáng, bớ phờ trở về tàu lại mới hay, vị Sa môn ấy là Thái tử Tất Đạt Đa con vua Tịnh Phạn nước Xá Vệ và Ngài đã xuất gia, thành Phật hiệu "Thích Ca Mâu Ni." Ngài và đồ chúng vừa đến hôm qua, hiện nay đang trú tại rừng Tân Tản Già. Còn đoàn ngựa lâm theo Ngài lúc ban sáng nay cũng theo Ngài cạo đầu xuất gia học đạo hết rồi.

Vua ngao ngán nhìn con gái yêu: Không biết con tôi



khẩn khứa thế nào mà ra nông nổi này. Con ơi! Sa môn là người ly dục, lòng đã sạch ái ân, quả cầu con rơi lạc hưởng rồi con ạ!

Công chúa như người trong mộng, nàng còn biết nói sao, khi lòng mình đã vương một mối tình bằng quơ. Nàng nghe danh Thái tử đã lâu, không ngờ hôm nay nàng được gặp và nàng đã yêu nhưng nay nàng mới biết nàng yêu như thế chỉ tự mình đem muôn mối tơ thương, quấn bầy giữa hư không, hư không đâu có dính mắc?

Song nàng cố trấn tĩnh tâm với Phụ vương:

"Tâu Phụ vương và Mẫu hậu, con tưởng theo kỷ luật gieo cầu của nước ta từ xưa đến nay, bất luận người sang kẻ hèn, hễ ai trúng cầu thì được vợ, vì đây là lương duyên do thần định đoạt, nay quả cầu con gieo trúng Thái tử rõ ràng, thì con xin tình nguyện theo Ngài để sửa bát nâng y trên đường hóa độ. Vậy xin Phụ hoàng và Mẫu hậu hãy cùng con đi đến chỗ Thái tử xem sao?"

"Thì đành vậy, chỉ còn cách đi đến điều đình với Phật chứ biết sao?"

Thế là sáng sớm hôm sau cả Hoàng gia đưa con gái đến ra mắt Phật. Tin ấy loan ra, rồi tất cả một trăm phò mã hụt cũng tình nguyện đi theo, mặc dù đều là tìn đồ của phái Bà La Môn.

Sáng nay Đức Phật bảo chúng Tăng đình việc đi khất thực lại, và vân tập để nghe Phật thuyết pháp. Phái đoàn Bà La Môn đến vừa lúc Đức Phật thuyết pháp xong.

Vua và Hoàng hậu đi trước, đến Công chúa kể đó là các vị Quốc vương... xừ lạ, lần lượt tiến vào.

Đức Phật ngự trên pháp tòa cao, oai nghi đồ sộ như núi Tu di, thân tượng chiếu ra một sắc đẹp lạ lùng. Hai bên hàng ngàn Tăng chúng ngồi im phắc như ngàn pho tượng vậy.

Về oai nghiêm của Phật, sự yên lặng của chúng Tăng, đánh mạnh vào tâm khảm mọi người... Vua không đánh lễ Phật, vì ông nghĩ dù là Phật song sẽ làm rể mình, không lẽ mình lạy rể? Vua phán:

"Kính Ngài, theo kỷ luật gieo cầu của nước chúng tôi, thì ai trúng cầu là được vợ. Hôm qua con gái tôi gieo cầu trúng Ngài, thế là Thần linh định lương duyên rõ ràng nên

con tôi cũng tình nguyện theo Ngài trên đường hóa độ, phòng khi “nâng bát sửa y.”

Đức Phật nhìn Công chúa. Yên lặng một lúc, Thế Tôn mỉm cười... bỗng trong kim khẩu phóng ra một đạo hào quang xanh chiếu lên đỉnh đầu Công chúa, nàng toát mồ hôi, tụ thấy trên đầu rần rần ngứa, mồ hôi giọt xuống trán, xuống cổ, nàng lấy khăn lau rồi gãi, thì đụng một con gì mà xưa nay nàng chưa thấy cũng chưa biết tên, nàng len lén bỏ xuống đất (con chí đấy).

Phật lại phóng một đạo hào quang vàng vào đôi mắt Công chúa, nàng thấy xốn xang khó chịu, nước mắt tuôn ra, vừa lấy khăn lau, thì khoe mắt đọng hai cục ghèn khá lớn.

Phật phóng một đạo hào quang trắng, chui thẳng vào mũi, nàng hắt hơi năm bảy cái mũi chảy ròng ròng.

Rồi một đạo hào quang lục, tuôn vào trong miệng, Công chúa ngáp luôn một dây, tiếp ho luôn một chuỗi, nàng nghe trong miệng có mùi thối ghê.

Đức Phật phóng thêm một đạo hào quang đỏ, chiếu vào thân Công chúa, làm nàng ngứa ngáy khắp người, gãi chỗ này chưa kịp đã ngứa chỗ khác, vừa lau ghèn thì mũi chảy, toan lau mũi thì chí cắn, nàng ho nàng ngáp, ủa, hắt hơi túi bụi, Công chúa nhăn nhó khổ sở, bao nhiêu vẻ yêu kiều diễm lệ biến đâu mất hết, nàng hoảng kinh như một người điên. Tất cả pháp hội, nhất là đoàn Bà La Môn đều rùng mình khiếp sợ.

Nhưng may thay, Đức Phật đã nhiếp thần lực thân hào quang lại. Công chúa và tất cả pháp hội như vừa thoát cơn mê dữ, nàng lấy lại bình tĩnh, sửa lại áo xiêm rồi qui mọp xuống đất, thôi thì vua quan chi cũng dẹp hết kiêu căng đồng qui xuống một loạt.

Nhân đây Đức Phật thuyết pháp: “Tứ Niệm xứ” cho cả đoàn nghe.

“Hỡi các thiện nam thiện nữ nhân: Công chúa Vô Song, xưa nay nổi tiếng kiêu căng vì

ý mình có nhan sắc, nhưng không biết sắc đẹp chỉ tạm bợ một thời gian, dù có lấy phần son nhưng gấm ngọc ngà, bao bọc ở ngoài cũng không che được mắt người trí tuệ. Vừa rồi Như Lai phóng quang để trong pháp hội nhận rõ, thân người là bất tịnh, dù đương buổi niên hoa, nhưng không tắm thì hôi, đại tiểu vẫn thối, ghèn đờm mũi dãi, mồ hôi huyết khí tì gan phèo phổi v.v... mỗi chỗ lại có vô số vi trùng rúc rỷ, phá hoại hoành hành thân thể chúng sanh trong từng sát na, thân thể chỉ là một đồng nhơ nhớp đáng ghê tởm đối với người có trí tuệ, ta lại quán sát do sáu căn xúc đối với sáu trần, lãnh thọ cảnh đẹp thì sanh tâm ưa, ưa thì muốn tất cả cái ưa về mình; lãnh thọ cảnh xấu lại sanh tâm ghét, ghét thì muốn đù bỏ cái ghét cho người, nhưng mới ưa, thì ưa khó đến, đù bỏ ghét thì ghét không đi. Chung qui không ngoài khổ vui đối đãi.

Như Lai thấy chúng sanh trong tam giới, ngồi bàn chuyện khổ vui, thật không khác hai tù nhân nói chuyện khổ vui trong lao ngục. Chỉ có khi nào ra khỏi lao ngục lấy lại được tự do mới thật vui vậy. Cũng như thế, chúng sanh còn ở trong lao ngục tam giới thì không thể nói chuyện khổ vui được, chỉ khi nào thoát khỏi lao ngục tam giới mới gọi là an vui chân thật.

Này các thiện nam tử, thiện nữ nhân, ta lại quán sát các pháp là vô ngã, phân tế đầu số (chia chẻ quán sát) từ nhân sanh đến vũ trụ, đều do nhân duyên kết hợp mà thành, thật không có cái “ngã” thật thể, không có cái ngã tồn tại, người trí tuệ quán vạn pháp đều như huyễn nên không đắm trước...

Và ta lại quán tâm thức (vọng, tâm, ý thức) là vô thường, khi thương khi ghét, lúc giận lúc vui đều do ý thức phân duyên rồi phân biệt chấp trước điên đảo, vì vậy mà kiếp luân hồi trong biển

sanh tử.

Như Lai vì quán sát: Thân bất tịnh, tâm vô thường, thọ thị khổ, pháp vô ngã... nên đoạn trừ được ân ái, dứt bỏ hẳn lợi danh, vào núi tuyết tu khổ hạnh và chứng được bốn đức Niết Bàn: “Thường, Lạc, Ngã, Tịnh.”

Cảnh yên lặng trong chúng hội, tiếng phát âm của Phật du dương như một bản đàn vô huyền (không dây) thành thót như tiếng chim Ca Lăng, tất cả vua quan trong pháp hội mắt thấy tai nghe thân tâm vô cùng thanh thoát.

Công chúa Vô Song như thời viễn trần ly cấu liền chứng quả dự lưu (Tu đà hoàn).

Riêng Hoàng đế Tam Đa, ông suy nghĩ nhiều trong lời Phật dạy: Ôi! Ta với Phật Thích Ca đều con vua cả, nhưng Thái tử Tất Đạt đáng làm vua mà người chán nhàm ngôi báu, có vợ đẹp mà Ngài xa lánh yêu thương... còn ta chỉ vì dối danh lợi, khát tình yêu nên gây nhiều tội lỗi. Ôi! Đều từ một con người nhưng Thái tử đã trừ tận cùng thú tánh, để vươn mình lên địa vị Thánh nhân, còn ta! Ta chỉ vì không ngự trị được lòng tham nên tự gieo mình vào địa ngục... Ôi! Dục vọng! Chỉ kết quả trong đau khổ, trong nguy hại...

Trong lúc ông quán sát và thành thật ăn năn tội lỗi của mình, nên tâm khai ý giải rồi ông xin tình nguyện đầu Phật xuất gia.

Phật bằng lòng, vào bảo Tôn giả A Nan trao y bát cho ông, lại cả cây tích trượng hòm qua nữa. Ông kính cẩn qui thẳng nhận lãnh pháp bảo, khi ông thấy quả cầu còn treo lủng lẳng trên đầu tích trượng bất giác ông mỉm cười: Ừ, bóng hạnh phúc! Rồi ông ôm chặt y bát vào lòng. Chỉ có hạnh phúc này, mới là hạnh phúc chơn thường bất biến... Đưa mình và người đến nơi an lạc vĩnh viễn.

Thế Quán

“Tìm hạnh phúc trong vật dục cũng như người đã khát nước lại còn ăn thêm đồ mặn.”

Bụi đường

(tức Phương Trời Cao Rộng 2)

Truyện dài của **VĨNH HẢO**

Chương Mười

(tiếp theo)

Tôi thức dậy thật sớm theo thói quen hàng ngày ở chùa. Và thay vì ngồi thiền trên giường, tôi ra trước bàn thờ Phật. Ngồi thiền trên chiếc nệm mềm nhũn ấy lưng tôi sẽ cong như lưng tôm. Vừa ngồi vào chỗ, tôi nhớ ngay rằng đêm qua trước khi ngủ, tôi hoàn toàn thất niệm và đã chìm vào một giấc ngủ đầy những mộng mị thế tục.

Như Như dọn bữa điểm tâm cho tôi. Đặt cái mâm nhỏ lên bàn, nàng không nhìn tôi, hỏi:

"Đêm qua ngủ được không?"

"Được," tôi ngập ngừng một lúc rồi hỏi, "còn Như Như thì sao?"

Như Như cười đáp:

"Sợ chú Khang lạ chỗ ngủ không được thôi chứ Như Như thì ngủ ở nhà mình mà, đâu có sao. Nhưng... tối qua cũng hơi khó ngủ một chút."

Chẳng rõ nàng có hàm ý gì khi nói câu ấy không, chứ tôi thì chấp nê lắm, nghe nàng nói vậy thì liền nghĩ bậy nghĩ bạ, và thấy vui nhẹ trong lòng.

Sau bữa điểm tâm, tôi qua nhà ông Diễm tụng thời kinh sáng. Lúc quay về, tôi thấy bộ đồ vật hồ của mình phơi trong

buồng tắm tối qua đã được ủi và xếp ngay ngắn, đặt ở chân giường nằm của tôi. Tôi thờ dãi: "Cuối cùng thì áo quần của mình cũng có bàn tay phụ nữ đụng chạm đến rồi." Tôi quay ra bàn Phật, lựa một cuốn sách trong tủ, ngồi đọc. Bỗng thấy có dáng người nhẹ nhàng vào chỗ chiếc giường nệm rồi lại có vẻ như rón rén bước ra. Tôi nhón người thì nhìn thấy Như Như đang cầm chiếc áo nhật bình nâu của tôi. Nhật bình là loại áo dài để tăng sĩ mặc đi đường. Tôi vội đứng dậy bước tới Như Như, hỏi:

"Như Như đem áo này đi đâu vậy?"

"Đi giặt."

"Không, không cần đâu. Như Như để đó đi."

"Để Như Như giặt cho," nàng nói dứt khoát như vậy rồi vắt chiếc áo dài của tôi lên vai, tự tiện mang áo đi.

Tôi đứng lại, thấy mình yếu xìu. Lâu nay tôi có tiếng là ông thầy tu trẻ khó tánh, nghiêm nghị, mấy người Phật tử lên viện Hải Đức hay chùa Linh Phong phải kiêng dè, không dám cười đùa hoặc nói lớn tiếng trước mặt tôi và dĩ nhiên là nếu tôi nói gì, họ không dám cãi lại. Vậy mà Như Như có nể sợ gì tôi đâu. Tôi bảo để áo đó mà nàng cứ việc mang đi. Lại tự động

quyết định giặt áo đó cho tôi nữa chứ. Lém lỉnh quá nhỉ! Nhưng... thôi, không sao, tôi chẳng chấp nhất làm gì. Cái lém lỉnh kia rất dễ thương và có cái gì đó rất thân mật, gần gũi.

Vậy đó, suốt ba ngày ba đêm tôi ở lại, Như Như lo cơm nước, chỗ ngủ, giặt ủi áo quần, lau nền đất, tìm sách cho tôi đọc và gọi tôi xuống phòng khách xem truyền hình khi có chương trình gì nàng cảm thấy hay (dù rằng thực tình chẳng có chương trình nào hay đối với tôi ngoài chương trình ngồi cạnh Như Như). Có khi nàng đến ngồi sát bên tôi trên cùng cái xalông để xem truyền hình. Phim vui, nàng cười rất hồn nhiên, đôi lúc nín lấy vai tôi, rồi giặt mình co rút lại, e thẹn. Lạy Phật, xin cho con được vô tử như nàng... chứ không thì trái tim con sẽ bật khỏi lồng ngực này ngay.

Tối hôm ấy, trong bóng đêm, có dáng người nho nhỏ đến bên giường tôi, đặt nhẹ một bàn tay lên trán tôi như cách một người mẹ thăm bệnh con. Người ấy cúi xuống hôn nhẹ lên trán tôi. Tôi búng mở mắt, thấy rõ ràng đó là Như Như, cũng với chiếc áo ngủ dài bằng lụa mỏng với những bông hoa nho nhỏ đủ màu sắc. Thấy tôi nhìn, nàng rút lại

và vội vã biến nhanh trong bóng đêm. Tôi ngồi choàng dậy, chạy ra đến cửa phòng, nhìn hai bên, không thấy ai cả. Trở lại về chỗ nằm, tôi không rõ cảnh vừa rồi là chiêm bao hay thực tế.

Buổi sáng, Như Như vào dọn dẹp, tôi buột miệng hỏi:

"Như Như à, hồi tối... hồi tối..."

"Hồi tối sao?" Như Như hỏi giọng rất tự nhiên.

Tôi nói trở đi:

"Hồi tối ngủ được không?"

"Được, cảm ơn. Còn chú Khang thì sao?"

"A, trời nóng quá ngủ hơi khó."

"Trời nóng? Lạnh như vậy mà chú thấy nóng à?"

"Ừ, nóng. Chắc tại cái nệm..."

Khi Như Như ra khỏi phòng, tôi mới dám xác định rằng chuyện tối qua chỉ là giấc mơ. Tôi tự trách: "Dù mộng hay thực tế, cũng chẳng nên nói hay hỏi lại Như Như điều đó. Nàng vô tư như vậy mà. Nói với nàng chi! Hơn nữa, cho dù có một thực tế lằng mạn như vậy thì cũng phải coi như chỉ là một giấc mơ thôi."

Tôi đã tụng xong ba lần bộ kinh Thủy Sám mà ông Điềm vẫn còn mê man. Tôi nghĩ, tình trạng này làm gì ông có thể gượng ngồi dậy nổi, chứ đừng nói chuyện hết bệnh! Mà ông ấy chưa hết bệnh không lý tôi cứ ở mãi bên bờ vực chướng ngại này để chết đăm đuối trong "thung



lũng tình yêu" thơ mộng hay sao? Huống chi trong ba ngày liên tục ở nhà Như Như, dù rằng công việc tụng kinh đã chiếm khá nhiều thì giờ, dù rằng có Như Như đem lại nhiều niềm vui và rung động, tôi vẫn thấy nhớ chùa. Ngôi chùa Linh Phong chật hẹp, thiếu tiện nghi, khô khan, buồn tẻ... nhưng đối với tôi, vẫn là nơi chốn của mình. Khi người thế tục xem ngôi chùa là nơi để họ đến lễ Phật, cầu nguyện, tìm không khí tĩnh tâm... thì tôi lại thấy cái đẹp và ích dụng của ngôi chùa nằm ở chỗ khác. Tôi có tâm ý hẹp hòi trong chuyện tiếp xúc với đời và quan niệm sinh hoạt trong cửa thiền nên coi ngôi chùa chỉ đơn giản là "thế giới của thầy tu," nơi đó, các tu sĩ bơi lội như cá trong nước, tung bay như chim trên trời; thông dong tự tại, không vướng bận gì. Và cái thế giới đó chỉ đúng nghĩa khi vắng bóng hoàn toàn những người thế tục lai vãng. Còn nhìn thấy người thế tục ăn uống, nói cười, sinh hoạt... thì không làm sao có thể có được không khí thoát tục! Nói vậy không có nghĩa là cửa chùa không rộng mở để đón tiếp khách thập phương. Tôi chỉ thấy rằng thực ra, không khí chùa có vẻ "chùa" nhất là khi tất cả khách thập phương đều ra về, để lại mây ông thầy tu trọn vẹn trong thế giới xuất trần biệt lập của họ. Cho nên, dù thế nào đi nữa, tôi vẫn thấy nhớ chùa Linh Phong sau ba ngày chìm ngập trong cơn mê, hay ảo giác tình yêu.

Tôi nói riêng với chị Nữ:

"Tám năm nay ông Điềm nằm liệt giường, không bác sĩ hay đông y nào chữa trị nổi, nay ông ấy hấp hối rồi gia đình mới xin làm lễ cầu an, làm sao hết bệnh được! Xem cách ông ấy thờ, tôi nghĩ là tụng trăm bộ Thủy Sám cũng chẳng thay đổi được gì.

Chị Nữ nói:

"Tôi đã thưa với thầy Trùng Hùng rồi, tình trạng của ông ấy không phải là bệnh nữa mà là... sắp chết. Chắc chắn là phải chết.

Nhưng... chẳng hiểu sao chết cũng không xong. Dĩ nhiên là gia đình mong ông ấy được sống khỏe mạnh, ai lại mong ông ấy chết bao giờ, nhưng trong trường hợp này, không ai muốn ông ấy phải chịu đựng dài lâu cơn đau đớn cả thể xác lẫn tinh thần như vậy. Nếu ông ấy còn tỉnh táo được chắc chắn ông ấy cũng muốn chết đi để khỏi phiền vợ con. Tám năm rồi còn gì. Ông đã muốn chết từ năm đầu tiên mà gia đình còn muốn níu kéo, chịu đựng, chăm sóc ông cho đến hôm nay. Tôi thưa mà thầy Trùng Hùng không hiểu hiểu mới bảo chú cầu an đó chứ. Thực ra thì cầu siêu mới phải."

Tôi nói:

"Vậy bây giờ tôi về chùa thưa lại chuyện đó với thầy Trùng Hùng để xin thầy đổi thành cầu siêu thay vì cầu an."

"Thôi chú cứ ở lại đây đi, để tôi lên chùa thưa với thầy ấy," chị Nữ cản tôi lại.

"Sao vậy?" tôi hỏi.

"Tôi sợ trong thời gian chú rời ở đây, ông Điềm chết không có ai tiếp dẫn, tội nghiệp cho ông và vợ con," chị Nữ đáp.

Thì ra là vậy. Tôi không có lý do nào để từ chối nữa, đành ở lại để tình cảm mặc sức nảy nở. Ôi, sao lại đày đọa chi trái tim nhạy cảm của tôi vậy! Nếu thầy Trùng Hùng hay chú Đức gánh công việc này có phải là hay hơn nhiều không! Nhè đứa con trai yếu lòng, dị cảm như tôi mà đẩy vào cái thế giới thơ mộng như vậy thì còn mong gì giải thoát!

Như Như nghe tôi đòi về chùa thì nhấp nhồm, ngồi không yên. Đến khi thấy tôi đồng ý để chị Nữ lên chùa thay thì nàng vui vẻ trở lại. Làm như tôi sẽ không bao giờ rời khỏi căn nhà này vậy!

Đến chiều, chị Nữ từ chùa trở về, thấy tôi, chị liền nói:

"Có thầy Trùng Hùng đạp xe xuống đó chú. Thầy muốn đến thăm ông Điềm rồi mới quyết định bảo chú tụng kinh gì."

Thầy Trùng Hùng thăm ông Điềm và nói chuyện với vợ con ông xong, trở lại nhà chị

Cầm, nói riêng với tôi:

"Bắt đầu tối nay chú tụng kinh Địa Tạng để cầu siêu cho ông Diễm, tụng cho đến khi nào ông ấy đi thì cho người lên báo tôi biết."

Tôi góp ý:

"Tụng kinh Kim Cang được không thầy? Vì theo con biết thì..."

"Biết gì mà biết. Tao bảo tụng kinh Đại Tạng thì cứ tụng kinh Địa Tạng!"

Tôi chưa chịu thua:

"Tụng kinh Đại Tạng cũng sẽ kéo dài thêm nhiều ngày y hết như tụng Thủy Sám thôi. Nếu gia đình người ta yêu cầu mình cầu siêu cho ông ấy đi sớm thì tụng kinh Kim Cang, chắc chắn một khóa lễ chưa đầy một giờ đồng hồ là ông ấy đi ngay."

"Mi mà biết cái chi. Tụng kinh Địa Tạng!"

Nói rồi thầy Trùng Hùng giao tôi cuốn kinh Địa Tạng thầy mang theo sẵn. Vậy là tôi lại ở thêm ba ngày đêm, tụng kinh Địa Tạng. Ông Diễm vẫn không thay đổi gì. Chết không xong, sống cũng không xong. Ông chưa đầy sáu mươi tuổi mà trong già xòm như ông cụ chín mươi. Mắt ông nhắm nghiền mà miệng thì há lớn. Mỗi lần thở vào là cả bộ ngực xương sườn của ông rướn lên, đẩy thốc đầu cổ về phía đầu giường. Tôi có cảm tưởng là dù cả thân thể ông ấy cố gắng lấy hơi cũng vậy, cũng chẳng có không khí nào vào được phổi ông cả. Cơn hấp hối của ông làm tôi xúc động mạnh mẽ. Nếu ông ấy là người thân của tôi, chắc chắn tôi cũng không mong gì kéo dài tuổi thọ của ông thêm nữa. Thêm một khắc sống như thêm một kiếp đọa đầy. Vậy đó, mà ông vẫn cứ sống. Bà Diễm và cô con gái lớn lại nói chuyện riêng với tôi:

"Thầy thấy đó, ông ấy kéo dài tình trạng như vậy là tám năm rồi. Mười ngày nay thì ông thở mạnh như vậy mà lại mê man không biết gì. Thầy coi có cách nào... cầu siêu độ thực sự cho ông. Ý tôi muốn nói thầy tụng kinh gì để ông được ra đi thanh thản. Chúng tôi thương ông lắm, nhưng

không muốn ông kéo dài sự đau khổ này."

Tôi nói:

"Nếu gia đình thực sự yêu cầu chuyện đó, tôi sẽ làm. Vậy bây giờ gia đình hãy chuẩn bị. Tôi dặn trước, trong khi tôi tụng kinh ở bàn Phật, nếu thấy ông đi thì một người đến báo cho tôi biết để tôi đến làm lễ tiếp dẫn tại giường nằm của ông, còn những người khác phải bình tĩnh, đứng chung quanh giường niệm Phật A Di Đà, không ai được khóc."

Gia đình bà Diễm nghe tôi nói vậy thì xôn xao cả lên, như thể chuyện ông Diễm sẽ chết là chuyện bất ngờ lắm vậy. Bà Diễm khóc ngay trước mặt tôi. Tôi an ủi bà, chờ bà lắng dịu xúc động, dặn dò bà thêm lần nữa rồi bắt đầu tụng kinh Kim Cang theo ý tôi, không tụng kinh Địa Tạng theo lời dặn của thầy Trùng Hùng nữa. Thực ra tôi có kinh nghiệm gì về việc tụng kinh đâu. Tôi chỉ học được điều này từ thầy bốn sư của tôi mà chưa bao giờ áp dụng. Kinh nghiệm ứng phó đạo tràng hơn bốn mươi năm của thầy tôi dĩ nhiên là đáng tin tưởng hơn thầy Trùng Hùng. Trường hợp một người sống dở chết dở, thầy tôi dạy là vì nghiệp chướng còn nặng nề, tâm thức còn lưu luyến đắm nhiễm thế gian, hoặc có điều gì chưa thực hiện được nên mới cố gắng bám víu vào ngay cả cái thân thể suy kiệt tàn hơi nhất để mong tồn tại. Gặp trường hợp đó, chỉ tụng kinh *Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Đa* là tâm người ấy thức tỉnh ngay, buông xả hết mọi tham luyến để chuyển kiếp. Có người cho rằng thực ra chú tâm cầu nguyện thì kinh nào cũng linh nghiệm như nhau cả. Trên lý thuyết, điều đó rất hợp lý, nhưng trên thực tế, qua kinh nghiệm thực hành của nhiều đời tăng lữ để lại thì khác. Mỗi bệnh có mỗi thứ thuốc thích hợp là vậy.

Quả nhiên, tôi tụng chưa được nửa phần kinh Kim Cang thì ông Diễm thở hơi cuối cùng. Gia đình áp dụng đúng



lời dặn dò của tôi, không ai khóc lóc hay níu kéo gì ông ấy, cả nhà cùng đứng quanh giường niệm Phật theo tôi.

Sau khi lo xong một số việc cần thiết để chuẩn bị cho một đám tang, tôi quay trở lại nhà chị Nữ. Thầy Trùng Hùng cũng vừa được gia đình mời xuống. Thấy tôi, thầy nói giọng hãnh diện:

"Thầy chưa, tao bảo cứ làm theo tao thì việc chi cũng xong."

Tôi im lặng, xếp cà sa vào đây. Rồi tôi lên lầu, lấy áo nhật bình để chuẩn bị về. Như bước theo tôi:

"Về chùa hờ?"

"Ừ, về. Xong việc rồi."

"Nhưng mẹ nói là chú Khang còn ở lại đưa đám tang bác Diễm nữa mà."

"Thôi, chuyện đó có thầy Trùng Hùng và chú Đức rồi."

"Vậy hờ..." giọng Như Như có vẻ ghen ngào.

Trong khi tôi khoác áo dài, Như Như nói:

"Sao thầy buồn quá!"

"Ừ thì bác Diễm mất thì phải buồn chứ sao không."

"Không phải. Bác mất cũng buồn nhưng Như Như còn buồn chuyện khác nữa... Khi nào rảnh nhớ xuống chơi nghe. Như Như bận lo việc nhà với đi học không có lên chùa được. Nhớ xuống thăm Như Như thường xuyên chứ không Như Như buồn lắm đó!"

Tôi ngạc nhiên quay nhìn Như Như.

Những lời của nàng làm sống lại tình cảm vừa mới chôn sâu trong đáy lòng tôi. Tuần lễ vừa qua, mỗi ngày trông thấy Như Như, nghe tiếng nói tiếng cười của Như Như, được Như Như lo từng bữa cơm, từng ly nước giải khát, lo luôn cả chuyện dọn

đẹp, giặt giũ... Tình cảm của tôi đối với nàng hẳn nhiên là phải nảy nở, không gì ngăn cản được. Nhưng ngay từ những phút cuối cùng chứng kiến sự ra đi của ông Điềm, tự đứng bao niềm rung động trong tôi lắng xuống thật sâu, và tôi ngỡ là sau khi tôi rời căn nhà này, tất cả mọi thứ sẽ đi vào quên lãng. Vậy mà không phải.

Một tuần lễ cùng sống chung trong một căn nhà, chàng thanh niên tu sĩ từng trau luyện các pháp môn định tâm quán tưởng còn phải rung động, xiêu lòng, thử hỏi một thiếu nữ mới lớn như nàng làm sao khỏi sinh bịn rịn, xao xuyên! Tôi thấy mắt Như Như rưng rưng ngược nhìn tôi. Và bởi cái nhìn lưu luyến dễ thương ấy của Như Như, tôi xúc động đưa bàn tay của mình lên, tính vuốt má an ủi nàng thì Như Như cũng đưa một bàn tay của nàng lên, áp chặt tay tôi vào má nàng. Và nước mắt nàng bỗng chảy thành dòng. Tôi luýnh quýnh rút tay lại:

“Có sao không Như Như?”

Nàng lắc đầu rồi buông tay tôi ra. Tôi nói:

“Đừng khóc nữa.”

Tôi vén vạt áo nhật bình của mình lên, chặm nước mắt cho nàng, rồi vội vã giả từ:

“Về nha. Thầy Trùng Hùng đang chờ ở dưới.”

Như Như bước theo tôi mấy bước rồi dừng lại ở cầu thang, nói gởi mấy lời:

“Nhớ xuống chơi với Như Như nha!”

Thầy Trùng Hùng chờ tôi cùng về bằng xích lô do chị Cầm gọi. Tôi nói thầy cứ về trước, tôi muốn đi bộ về một mình. Cả nhà lao xao tưởng tôi giận hờn chuyện gì.

“Chú Khang à, mấy đứa nó đi gọi xích lô rồi, chú ngồi một chút là có xích lô về đó,” chị Cầm nói.

Tôi phải gượng cười vui cho họ yên tâm, giải thích đôi lời cho biết. Thầy Trùng Hùng cũng nói thêm cho tôi:

“Thôi để chú ấy đi bộ. Chú ấy thích như vậy. Ở chùa có xe đạp mà chú ấy có chịu đi đâu.

MỘT SỚM ĐẦU XUÂN QUÊ TA

*Sáng nay thức dậy
Trong tiếng reo cười
Trẻ em vui cười
Tung tăng ngoài ngõ*

*Bầu trời sáng tỏ
Đòng cỏ xanh xanh
Chim hót trên cành
Lòng nghe rộn rã*

*Xuyên cành, xuyên lá
Nắng lạ xuống sân
Tưởng như tơ vàng
Tràn lan cửa sổ*

*Tôi vẫn ngồi đó
Nhìn nhện giăng tơ
Đàn bướm nhớn nhोर
Bên hoa rộ nở*

*Kiến vàng làm tổ
Mướp đậm chồi xanh
Trái chín trĩu cành
Bầu đương ra trái*

*Xuân về rồi đó
Các bạn tôi ơi
Chúc sang năm mới
Nhà nhà an vui.*



thơ

DIỆU
VIÊN

Đi bộ hoài. Thế dục như vậy cũng tốt. Được rồi, đi đi.”

Tôi chào mọi người thêm một lần nữa rồi bước thẳng.

Thực ra, trong trường hợp này, tôi không có ý tập thể dục gì cả. Tôi chỉ muốn bước ra khỏi căn nhà ấy thật nhanh để cho những cảm xúc, những tâm tình và ảo tưởng của một tuần qua đồng lúc rơi rớt lại phía sau lưng, hay ít nhất cũng sớm phơi pha,

không vương vীu gì tôi nữa...

Vậy mà đã bước đi một đoạn khá xa, tim tôi vẫn còn bập bùng, xao động. Tôi đã tụng kinh Kim Cang để giải nghiệp cho ông Điềm, nhưng tôi chưa biết phải làm gì để giải thoát khỏi vòng dây tình ái đang nghe nhàng quấn lấy mình bằng những sợi tóc mềm và óng ả như tơ của Như Như.

(còn tiếp)